

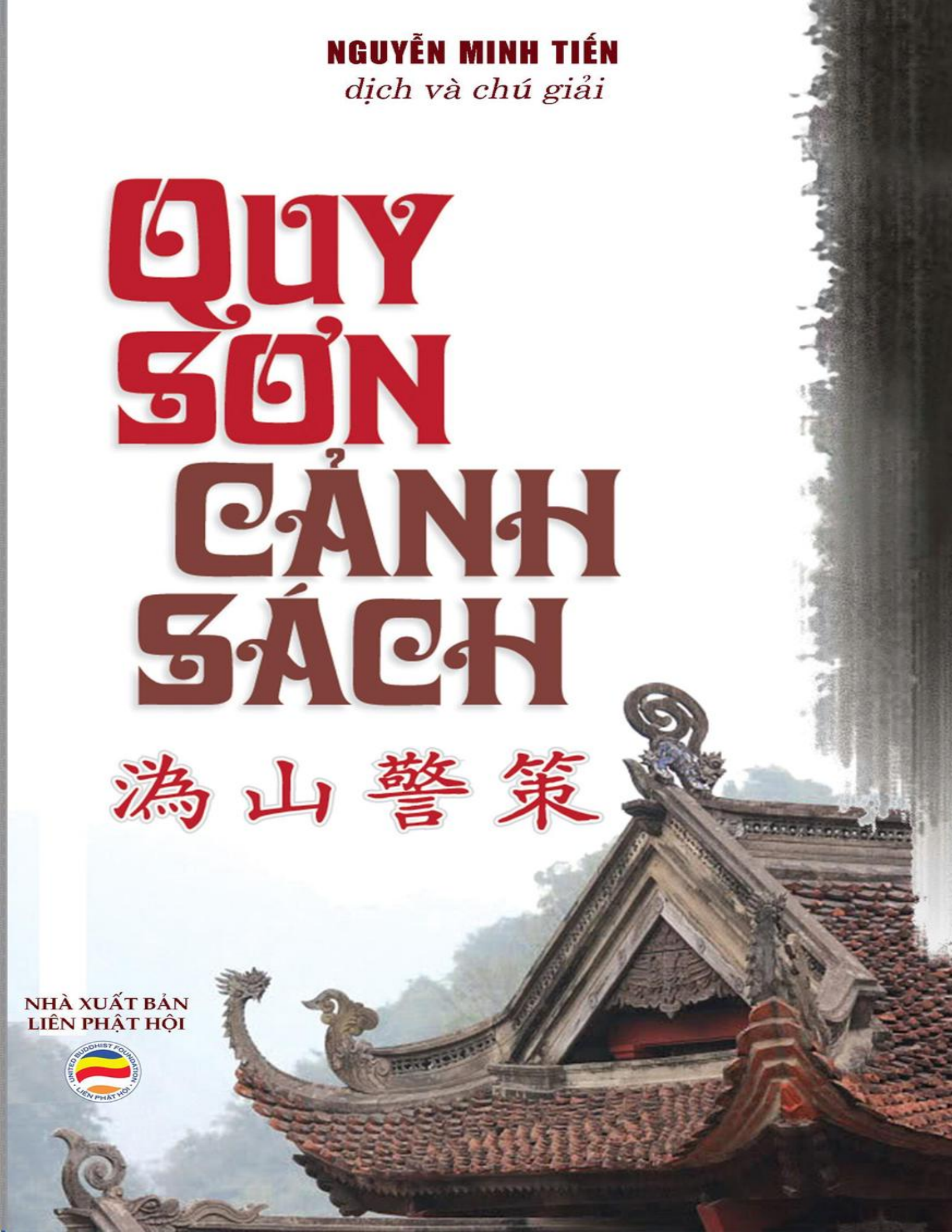
NGUYỄN MINH TIẾN

dịch và chú giải

QUY SƠN CẢNH SÁCH

瀉山警策

NHÀ XUẤT BẢN
LIÊN PHẬT HỘI



Quy Sơn Cảnh Sách

Nguyễn Minh Tiến

Published by United Buddhist Publisher, 2022.

OceanofPDF.com

While every precaution has been taken in the preparation of this book, the publisher assumes no responsibility for errors or omissions, or for damages resulting from the use of the information contained herein.

QUY SƠ N CẢNH SÁCH

First edition. December 30, 2022.

Copyright © 2022 Nguyễn Minh Tiến.

ISBN: 979-8215610633

Written by Nguyễn Minh Tiến.

OceanofPDF.com

Mục lục

[Title Page](#)

[Copyright Page](#)

[Thay lời tựa](#)

[Nguyễn Minh Tiến | Chánh văn](#)

[Viết sau khi dịch](#)

[Nhân quả và vô thường](#)

[Chí hướng xuất gia](#)

[Những điều nên tránh](#)

[Những việc nên làm](#)

[Thiền học và giáo học](#)

[Khuyến tu](#)

[Kết ý](#)

[Hành trạng Tổ Quy Sơn Linh Hựu](#)

[Nguyên bản Hán văn](#)

[Phần dịch âm | Quy Sơn Đại Viên Thiền sư cảnh sách văn](#)

[Tham khảo chữ Hán](#)

[Also By Nguyễn Minh Tiến](#)

[About the Author](#)

[About the Publisher](#)

[OceanofPDF.com](#)

Thay lời tựa

Bài văn này được thiền sư Quy Sơn Linh Hựu viết ra nhằm sách tấn việc tu học của đồ chúng, nên gọi là văn cảnh sách, và lấy tên ngài để làm tựa. Từ xưa nay vẫn gọi là “Quy Sơn cảnh sách văn”.

Mặc dù đã ra đời từ hơn ngàn năm qua nhưng bài văn vẫn còn được truyền tụng, nhờ vào nội dung vô cùng sâu sắc, thâm áo và văn chương súc tích, lưu loát. Không những thế, đây còn là một áng văn rất được trân trọng trong chốn thiền môn, hầu như bất cứ ai khi mới bước chân vào con đường tu học cũng đều phải học thuộc nằm lòng.

Tuy khá ngắn gọn, nhưng tính hàm súc của văn chương đã cho phép bài văn nêu lên rất trọn vẹn chủ đề muốn nói. Bằng một cách diễn đạt gây nhiều xúc cảm thay vì là răn đe, quở trách, những lời khuyên dạy của Tổ sư thật gần gũi và thân thiết, khiến người nghe không khỏi rung động trong lòng.

Hơn thế nữa, cấu trúc văn từ cũng hết sức hoàn chỉnh, âm vận hài hoà, vừa đọc lên đã có thể cảm nhận được phần nào ý văn qua âm điệu. Quả thật là một áng văn trác tuyệt xưa nay ít có.

Với mong muốn giới thiệu cùng quý độc giả một bản văn hay trong văn chương Phật giáo, cũng là để nhắc nhở cho nhau nghe những lời răn dạy của bậc Tổ sư ngày trước, nên chúng tôi không nệ chỗ học kém cỏi, cố gắng chuyển dịch bản văn này sang tiếng Việt để nhiều người có thể dễ dàng tìm đọc.

Ngoài ra, chúng tôi cũng giới thiệu đôi nét về hành trạng của Tổ Quy Sơn - người đã sáng lập ra tông Quy Ngưỡng, một trong các tông phái quan trọng của Thiền Trung Hoa. Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về giá trị và bối cảnh ra đời của tác phẩm.

Đồng thời, nhằm giúp cho những ai chưa quen thuộc lắm với chữ Hán cũng có thể sử dụng được phần nguyên tác để hiểu sâu hơn nội dung bản văn, chúng tôi cũng biên soạn thêm phần Tham khảo chữ Hán.

Do sở học có giới hạn, chúng tôi biết chắc sẽ không sao tránh khỏi ít nhiều sai sót khi thực hiện công việc này. Tuy nhiên, với tâm nguyện mong muốn cho hết thảy mọi người đều được lợi lạc nhờ nơi sự giáo

hóa của chư Phật Tổ, chúng tôi mong rằng sẽ nhận được sự cảm thông và tha thứ, chỉ dạy từ các bậc tôn túc và quý độc giả xa gần.

Mùa Vu Lan, PL 2547

Trân trọng,

OceanofPDF.com

Nguyễn Minh Tiến

Chánh văn

Do nghiệp lực trói buộc mà có thân này, không khỏi bao điều khổ lụy. Thân thể từ cha mẹ sanh ra, vốn thật chỉ là giả hợp các duyên. Dù là nương nơi bốn đại mà tồn tại, nhưng bốn đại ấy chẳng lúc nào là không xung khắc.

Chuyện vô thường già chết không hề hẹn trước. Sớm còn tối mất, thoát chốc đã sang đời khác; như sương như móc, thoát có thoát không; như cây ven bờ vực, như dây leo vách giếng, có chi bền chắc?

Niệm niệm nhanh chóng nối nhau, chỉ trong chớp mắt, trút hơi thở đã qua kiếp khác. Sao lại có thể yên lòng mà bỏ phí cuộc đời trôi qua vô ích?

Làm người xuất gia, chẳng thể dâng cho cha mẹ miếng ăn ngon ngọt, cho đến quyển thuộc cũng đều dứt bỏ. Không lo việc nước, cũng chẳng kể tục nghiệp nhà; xa lìa xóm giếng thân tộc, xuống tóc theo thầy học đạo. Vậy nên trong lòng phải biết chuyên cần sớm tối công phu, ngoài học lấy đức hiền hòa không tranh chấp; xa lánh chốn thế tục mà một lòng cầu giải thoát.

Lễ nào vừa được thọ giới phẩm liền tự xưng là bậc tỳ-kheo, ăn hạt cơm của tín thí thập phương chẳng chịu xét cho cùng do đâu mà có, chỉ nói bừa rằng việc ấy là lẽ đương nhiên. Ăn xong dùm đầu trò chuyện huyền thuyên, cứ vậy chạy theo cái vui trong chốc lát, không biết rằng vui đó chính là nguyên nhân của khổ.

Lăn lóc bao đời theo thói tục, chưa từng nhìn lại chính mình. Thời gian năm tháng lần lữa luống qua, thọ nhận càng nhiều, lợi dưỡng càng lắm, chẳng lúc nào nghĩ đến việc dứt bỏ. Tích tụ ngày càng nhiều, chung quy cũng chỉ là nuôi giữ lấy xác thân phù phiếm.

Đấng Đạo sư đã có lời khuyên răn khuyến khích, tỳ-kheo phải tiến lên trên đường đạo, chớ nên buông thả thân mình; chuyện ăn mặc ngủ nghỉ đừng bao giờ hưởng thụ cho đầy đủ. Người ta vốn phần đông tham đắm vào những chuyện ấy, chỉ quanh quẩn mãi thoát chốc đã hết đời. Vậy nên kẻ hậu học chưa hiểu sâu tông chỉ cần phải siêng năng cầu học

với người đã biết. Sao lại toan nói rằng việc xuất gia quý cầu no cơm ấm áo?

Phật trước kia chế định giới luật, mở bày chỉ dạy người tầm tối; oai nghi phép tắc trong sạch như băng tuyết. Kẻ mới phát tâm nương theo đó mà ngăn chặn mọi điều sai phạm. Phép tắc tinh vi, dẹp bỏ hết những điều tối tệ. Nơi truyền dạy giới luật chưa từng lạm được nương theo, pháp rất ráo thượng thừa làm sao hiểu thấu? Thật đáng tiếc thay, bỏ phí một đời trôi qua vô ích, sau dù hối tiếc cũng không còn kịp nữa. Lời Phật dạy không chịu ghi lòng tạc dạ, thì đạo nhiệm mầu không thể do đâu mà tỏ ngộ.

Cho đến khi tuổi tác về già, dù xuất gia trải đã nhiều năm mà trong tâm thật chẳng được gì. Vì chẳng chịu gần gũi học người hiền đức, chỉ biết nông nhênh cao ngạo.

Chưa thông giới luật, chẳng biết tự chế phục mình. To tiếng nặng lời khoác lác huyênh hoang, chẳng biết kính nhường kẻ trên người dưới, so ra khác gì ngoại đạo? Đến bữa ăn khua bát ồn ào, ăn vội vàng đứng dậy đi trước. Đi ở không tuân phép tắc, chẳng ra dáng vẻ bậc xuất gia; đứng ngồi hoảng loạn, náo động tâm người khác. Phép tắc ít nhiều chẳng giữ, oai nghi lớn nhỏ đều không, chẳng dựa vào đâu để răn đe kẻ dưới, mà người mới nhập đạo nhìn vào cũng chẳng thấy có gì để noi theo học.

Như có ai vừa chỉ ra chỗ sai sót, liền bảo rằng: Như ta đây mới thật bậc ẩn tu! Chưa nghe làm theo lời Phật dạy, chỉ một lòng ôm giữ tánh tình thô thiển. Chỗ thấy biết như vậy, chung quy cũng là vì khi mới nhập đạo biếng nhác chẳng tinh cần, tham đắm thế tục, lần lữa qua ngày. Thấm thoát hết đời thành ra buông lung thô lỗ. Thoắt chốc đã già nua lụm cụp, gặp việc đành bế tắc. Người mới học đến thừa hỏi chẳng có chi để chỉ bày. Như có gượng nói ra cũng chỉ là sai kinh lệch nghĩa. Vậy mà có bị khinh chê, lại trách rằng hậu sinh vô lễ, rồi nổi trận lôi đình to tiếng với người.

Một mai nằm trên giường bệnh, khổ não đau đớn bức bách không kể xiết. Bấy giờ mới sớm tối lo sợ, tâm tưởng hoang mang. Đường sắp tới u ám mê mờ chẳng biết về đâu! Trong lòng hối tiếc cũng không còn kịp nữa, như kẻ khát nước mới đi đào giếng, có ích lợi gì? Tự hận mình trước đã không sớm lo tu tập, để khi tuổi già chắt chứa đầy tội lỗi. Cái chết gần kề trong thoáng chốc, hãi hùng khiếp sợ biết bao! Trút hơi thoát khỏi cuộc đời, như con chim bay xuyên qua dải lụa, nghiệp lực dắt dẫn

thần thức trôi lăn. Như người nhiều nợ lắm chủ theo đòi, ai mạnh được trước; tạo nghiệp đã nhiều, phải tùy theo chỗ nặng nề nhất mà thọ thân gánh chịu. Con quỷ vô thường luôn chực cướp đi sinh mạng của mình, chẳng lúc nào ngưng. Đời người hạn cuộc chẳng thể kéo dài, thời gian trôi qua không hề chờ đợi. Ba cõi luân hồi chưa thoát được ra thì cứ phải như thế mà mãi mãi thọ thân lưu chuyển.

Lạ lòng thương cảm biết bao! Trong lòng thương xót thống thiết, há có thể ngậm miệng không nói? Nên muốn nhắc nhở cảnh tỉnh cho nhau. Đáng buồn là chúng ta sanh ra cuối thời tượng pháp, cách Phật quá xa, Chánh pháp chẳng mấy ai am hiểu. Người đời đa phần đều giải đãi. Vì vậy lược nói ra đây đôi chút thấy biết hẹp hòi để khuyên răn những người hậu học. Nếu chẳng từ bỏ sự kiêu căng cao ngạo, nết cũ thật khó chuyển đổi!

Người đã xuất gia, cất bước vượt lên cao xa; tâm tánh, cốt cách khác người thế tục. Tiếp nối mà làm hưng thịnh đạo pháp, nhiếp phục hết thảy những thói hư tật xấu. Lấy việc ấy mà báo đáp bốn ơn, bạt khổ cứu nguy khắp trong ba cõi. Nếu không được vậy, chỉ là kẻ lạt mang hình tướng xuất gia, lời nói việc làm phóng túng lơ đãng, uổng nhận sự cúng dường của thập phương tín thí. Như người giậm chân tại chỗ, dù nhiều năm qua một tấc chẳng dời! Mơ màng thoát chốc qua hết một đời, chẳng biết nương vào đâu làm chỗ dựa!

Huống chi, đường đường mang hình tướng của một vị tăng, dáng vẻ tốt đẹp, đều là quả báo có được nhờ căn lành gieo trồng từ thuở trước. Lẽ đâu lại khoanh tay ngồi yên để thời gian trôi qua không hối tiếc? Sự nghiệp nếu chẳng chuyên cần, dựa vào đâu mà mong thành đạo quả? Chẳng những một đời trôi qua vô ích, cho đến kiếp sau cũng chẳng được gì!

Quyết tâm rời bỏ mẹ cha, khoác áo nâu sòng là ý muốn vượt trên thế tục. Sớm tối khắc ghi việc ấy, lẽ đâu để luống ngày qua? Nguyện làm được bậc trụ cột trong Phật pháp, nêu gương hậu thế. Thường mong muốn như thế cũng chưa hẳn đã được ít nhiều như nguyện.

Mở miệng nói ra phải hợp kinh điển. Luận bàn phải dựa theo những gương sáng thuở xưa. Hình tướng oai nghi đỉnh đạc, tâm ý khí lực cao cả thanh thoát.

Đi xa phải có bạn hiền, thường giữ cho tai mắt được trong sạch. Trú ngụ phải chọn cùng người tốt, thường nghe những việc chưa nghe. Cho

nên nói: “Sinh ta ra là cha mẹ, giúp ta thành người là bạn hữu.” Được gần người hiền như đi giữa đám hơi sương, tuy không ướt áo nhưng lúc nào cũng được ẩm mát. Gần kẻ ác thì nuôi lớn thêm điều ác trong chỗ thấy biết; sớm tối làm việc ác liền phải chịu lấy quả báo trước mắt. Sau khi chết rồi phải chịu chìm đắm. Thân người một khi mất đi, muôn kiếp khó lòng được lại.

Lời nói thẳng trái tai, sao không khắc ghi vào tâm khảm? Theo đó liền có thể lắng sạch tâm trí, nuôi dưỡng đức hạnh, lui về chỗ vắng vẻ không còn hình tích danh tánh, giữ lòng chuyên chú trong sạch mà dứt hết sự ồn ào nhiễu loạn.

Như muốn tham thiền học đạo, vượt thẳng qua những pháp môn phương tiện, tâm phải hợp được với tôn chỉ huyền diệu, cứu xét chi ly chỗ tinh yếu, quyết định chọn lấy chỗ sâu xa, hiểu thấu cội nguồn chân thật. Rộng đường học hỏi với những người đi trước, gần gũi bạn hiền.

Cách tu này rất khó đạt đến chỗ kỳ diệu, nên phải khẩn thiết dụng tâm tinh tế, mới có thể do trong ấy mà tức thời hiểu được chỗ cốt yếu nhất, liền nương theo đó mà dần dần ra khỏi trần tục.

Như vậy tức là phá sạch hết hai mươi lăm cảnh có trong ba cõi. Hết thấy các pháp trong ngoài đều rõ biết là không thật. Do tâm khởi hiện, tất cả đều là tên gọi không thật. Đừng để tâm bám víu nương đắm. Chỉ cần tình ý không nương đắm theo vật, thì vật làm sao ngăn ngại được người? Mặc cho muôn pháp chuyển xoay, không dứt bỏ cũng không nối tiếp.

Nghe biết âm thanh hình sắc, thấy đều là những chuyện bình thường; dù bên này hay bên kia, chỗ ứng dụng thấy đều đầy đủ.

Chỗ làm nếu được như thế, thật không uổng đã mặc áo xuất gia. Báo đáp được bốn ơn, bạt khổ cứu nguy khắp trong ba cõi. Như trong nhiều kiếp vẫn có thể không thối chí, thì quả Phật nhất định đạt tới. Đối với ba cõi không còn ràng buộc, chỉ như người khách đến đi, lúc hiện lúc ẩn đều có thể làm khuôn phép cho kẻ khác.

Tu theo phép học đạo tham thiền như vậy, quả là pháp môn huyền diệu hơn hết. Chỉ cần có đủ quyết tâm, pháp không sai dối.

Như với người ở mức bình thường, không thể nhất thời vượt thoát, thì nên hết sức chú tâm tìm tòi học hỏi giáo pháp. Thông thuộc kinh điển, nghiền ngẫm cứu xét nghĩa lý tinh tường, rồi truyền rộng ra khắp nơi, dẫn dắt người hậu học, báo đáp ơn đức Phật.

Thời gian trôi qua, chớ nên luống mất, phải nên lấy sự tu tập như trên mà làm chỗ dựa đời mình. Giữ lấy oai nghi, thành bậc pháp khí giữa chúng tăng.

Chẳng thấy như dây leo kia, nhờ dựa vào thân cây tùng mà lên được đến tầng cao chót vót. Hãy chọn nhân lành cao trổi mà ký thác đời mình, mới có thể rộng làm lợi ích. Phải hết lòng tu tập, giữ gìn trai giới, đừng khinh thường mà giảm bớt hoặc bỏ qua. Đời đời kiếp kiếp về sau nhờ đó mà được hưởng quả phước rất nhiệm mầu.

Không nên nhàn nhã để phí ngày qua, biếng nhác bỏ đi thời khắc. Thời gian quý giá biết bao, sao chẳng cầu vươn tới? Uống nhận của thập phương tín thí, lại phụ cả bốn ơn. Phiền lụy chất chứa càng nhiều, bụi trần khuất lấp tâm trí, đường tới thành ra ngăn lấp, người người đều khinh chê.

Người xưa nói: “Đã là trượng phu, ai ai cũng có thể làm nên việc.” Không nên tự hạ thấp mình mà nhục tâm, thối chí. Nếu không được như vậy, thật uổng công xuất gia, thoát chốc qua hết một đời không chút ích lợi.

Thành khẩn cầu mong các vị đều bừng cao chí khí quyết liệt, mở rộng hoài bão khác người. Mỗi mỗi việc làm đều noi gương những bậc cao thượng, chẳng buông thả theo kẻ thấp hèn.

Chỉ một đời này quyết tu hành chứng đạo, tự mình lo liệu chẳng dựa vào ai. Ngăn dứt vọng niệm, cắt đứt muôn duyên, không còn chạy theo trần cảnh. Tâm không cảnh lặng, chỉ vì ngăn ngại đã lâu nên chẳng suốt thông.

Hãy đọc kỹ bài văn này, luôn luôn tỉnh giác gắng tu. Mạnh mẽ tự chủ lấy mình, đừng buông thả theo thói thường. Nghiệp quả dẫn dắt người đi thật khó lòng trốn tránh, như âm thanh thế nào tiếng vọng thế ấy, hình thế có ngay thì bóng soi mới thẳng. Nhân quả rõ ràng như thế, lẽ nào không lo sợ?

Vì vậy trong kinh nói rằng: “Dù việc làm đã trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp quả không thể mất. Khi nhân duyên đã hội đủ rồi, quả báo phải tự nhận lấy.” Vậy nên biết rằng, hình phạt trong ba cõi luôn bám theo mà giết hại người, phải nỗ lực chuyên cần tu tập, đừng bỏ phí ngày qua.

Bởi hiểu thấu được sự nguy hại của tội lỗi, nên mới khuyên nhau tu tập hành trì. Nguyên sao trong trăm ngàn kiếp, dù sinh ra ở đâu cũng được cùng nhau làm bạn đồng tu.

Có bài tụng để khuyên răn rằng:

Thân hư huyễn trong mộng,
Hình sắc gì ữa chốn không.
Việc đã qua không cùng,
Việc về sau ai biết?
Sanh đây, thác về kia,
Chìm nổi, lăn lóc khổ.
Chưa thoát ngoài ba cõi,
Sao có thể nghỉ yên?
Tham luyến chốn thế gian,
Năm uẩn duyên hợp thành.
Sanh ra mãi đến già,
Rốt không được gì cả!
Gốc rễ tự vô minh,
Từ đó phải mê lầm.
Ngày tháng luống trôi qua,
Thời khắc không lường được.
Một đời này uổng phí,
Qua đời khác chẳng thông.
Tiếp nối mãi mê lầm,
Đều do sáu tên giặc.
Lăn lóc gì ữa sáu đường,
Loanh quanh trong ba cõi.
Sớm cầu bậc minh sư,
Gần gũi người đức hạnh.
Thân tâm khéo chọn lựa,
Quét hết bao gai góc.
Đời nổi trôi phù phiếm,
Sao để duyên thúc bức?
Phải xét cùng pháp lý,
Quyết chúng ngộ đạo mau.
Tâm cảnh đều mất sạch,
Không nhớ, không tưởng đến.
Sáu căn tùy tự nhiên,
Đi ở đều vắng lặng.

*Vọng tâm không sanh khởi,
Muôn pháp tự dứt là.*

OceanofPDF.com

Viết sau khi dịch

Bản dịch này tôi viết xong đã nhiều năm nay, từng đưa cho nhiều vị tôn túc xem qua, đều nói là rõ ràng, dễ hiểu. Tuy nhiên, bản thân tôi mỗi lần đọc lại vẫn thấy một khoảng cách nhất định giữa bản dịch và nguyên tác. Cho dù đã cố gắng hết sức mình, tôi vẫn không sao hài lòng được với việc đã làm.

Tuy nhiên, điều làm tôi cảm thấy phần nào được an ủi là, đây không phải trường hợp duy nhất đối với các bản văn hay bằng chữ Hán. Còn nhớ cách đây gần hai mươi năm, bài thơ Hoa cúc của thiền sư Huyền Quang cũng đã từng làm tôi suy nghĩ mãi, vì không sao dịch hết được ý thơ trong nguyên tác. Chỉ riêng một câu “*Phần hương độc tọa tự vong ưu*” () đã là một thách thức gần như không thể vượt qua! Thế rồi, nhiều năm sau, được đọc các bản dịch của những bậc tiền bối lão thành, uyên bác... tôi mới vỡ lẽ ra là, ngay cả các vị cũng không xóa bỏ được khoảng cách giữa bản dịch và nguyên tác. Và tôi còn nhận ra một điều: Nguyên tác càng hay thì khoảng cách này dường như càng lớn!

Tính hàm súc của văn chương chữ Hán gần như không thể phủ nhận được, nhất là với những bản văn hay. Việc chuyển dịch rõ ràng là có những giới hạn nhất định rất khó lòng vượt qua. Vì thế, để thật sự có thể cảm nhận được cái hay của nguyên tác, quả thật không gì bằng đọc hiểu được trực tiếp từ chữ Hán. Theo lời cha tôi kể lại, những người xuất gia ngày trước buộc phải đọc hiểu được và học thuộc lòng bản văn này bằng chữ Hán. Đây cũng là một trong những lý do khiến cho ít người nghĩ đến việc dịch sang tiếng Việt.

Ngày nay có khác. Lớp trẻ bây giờ không mấy người đọc được chữ Hán. Vì thế, việc chuyển dịch sang tiếng Việt có lẽ là cách tốt nhất để giới thiệu bản văn hay này đến với nhiều người. Cho dù có những hạn chế nhất định như đã nói, nhưng tâm huyết của người xưa cũng có thể nhờ đó mà không đến nỗi phải mai một.

Tuy nhiên, để bù đắp phần nào cho những thiếu sót khi chuyển dịch, việc diễn giải thêm một vài ý chính có lẽ cũng là một việc nên làm.

Nhân quả và vô thường

Nhân quả là một trong những nguyên lý cơ bản quan trọng nhất trong Phật pháp. Khổ não đời này tất yếu là do nghiệp lực từ đời trước. Vì thế mà có thân là có khổ, bởi thân này vốn do nghiệp lực sinh ra, chịu sự chi phối, dắt dẫn của nghiệp lực. Nghiệp đã buộc nơi thân, vấn đề không phải là làm sao tránh né, mà là phải đối mặt và vượt qua như thế nào.

Soi rọi vào bản chất thật sự của thân này, mới hay rằng bốn đại vốn đều không thật. Có người cho rằng quan niệm về “bốn đại” của thời xa xưa nay không còn đúng nữa. Thật ra, về mặt nguyên lý thì vấn đề vẫn không có gì thay đổi cả. Tính giả hợp của bốn đại, hay tính giả hợp của các nguyên tử, phân tử, tế bào... vẫn là như nhau, có khác chẳng chỉ là tên gọi cho phù hợp với sự hiểu biết về vật chất của mỗi giai đoạn. Còn tính triết lý hàm chứa trong quan niệm này quả thật không thay đổi, vẫn luôn đúng đắn. Nghĩ mà xem, rõ ràng là chúng ta không thể, và cũng sẽ không bao giờ có thể tìm được một “cái ta thật có” trong những yếu tố giả hợp đó, cho dù có gọi đó là “bốn đại”, hay “phân tử”, hay “tế bào”... gì gì đi nữa. Sự giả hợp của chúng để tạo thành xác thân vật chất này là một sự gá mượn hoàn toàn nơi các nhân duyên. Nhân duyên đầy đủ thì hội tụ, nhân duyên hết thì tan rã... Dù muốn hay không ta cũng chẳng thể nào làm chủ được sự tồn vong của xác thân này.

Trong rất nhiều kinh Phật, tính không thật của “thân tứ đại” này luôn được nhắc đến như một thực tế cần ghi nhớ. Tuy nhiên, cái nguyên lý “tứ đại giai không” vốn dĩ rất ít người thật sự cảm nhận được, mà cái “có thật” của thân này thì không ai là không biết. Cái gọi là “có thật” đó, chính là những khổ lụy mà mỗi người chúng ta đều phải gánh chịu ngay từ thuở lọt lòng. Những khổ lụy ấy, nhìn xa là do nơi nghiệp lực, mà nhìn gần thì chính là do bởi sự “xung khắc” thường xuyên của các yếu tố cấu thành thân này. Bởi vậy, có thân là có khổ! Điều này thật sâu sắc biết bao! Ở đây lời văn chỉ gọi nhắc chỗ cốt tủy để mở đầu cho những ý hướng khác, nếu đi sâu vào phân tích lý nhân duyên, nghiệp quả thì còn biết bao nhiêu điều để nói!

Tuy là cội nguồn của khổ lụy, nhưng thân này lại chẳng lấy gì làm bền chắc. Dù muốn dù không, chúng ta hầu như cũng hoàn toàn không

thể đảm bảo được sự tồn tại của nó, dù là chỉ trong thoáng chốc. Bởi vậy, kinh Tứ thập nhị chương dạy rằng, mạng người còn mất chỉ trong hơi thở. Sớm còn, tối mất, mỏng manh “như sương như móc”, “như cây ven bờ vực, như dây leo vách giếng”... Quả là những hình ảnh so sánh rất rõ ràng minh bạch. Mạng người đã thế, có chi là bền chắc?

Trong thực tế quanh ta, chuyện sống chết cũng không ít trường hợp diễn ra hoàn toàn không báo trước. Hôm nay gặp nhau, ngày mai không còn nữa. Vừa mới chuyện trò vui vẻ cùng nhau, phút chốc đã nghe tin dữ... Những chuyện như thế, quả thật không lạ lòng gì đối với bất cứ ai. Tuy nhiên, điều lạ lòng nhất là rất ít người thường xuyên nghĩ đến, nhớ đến thực tế ấy! Nếu người ta luôn nhớ đến điều này, cuộc sống hẳn đã tốt đẹp hơn nhiều lắm, bởi chẳng mấy ai lại còn có hứng thú để lao vào những cuộc tranh chấp hơn thua, gây gổ cùng nhau khi biết rằng cuộc sống quý giá này vốn rất mong manh, ngắn ngủi. Tính chất vô thường hóa ra lại là một cái gì đó “rất thường” mà không mấy người chịu để tâm suy ngẫm.

Nêu lên lý nhân quả, sự giả hợp của các duyên và tính cách tạm bợ của đời sống, bài văn đã phác thảo được một tiền đề quan trọng cần thiết cho những ý tưởng sách tấn sẽ được trình bày nối tiếp theo sau.

OceanofPDF.com

Chí hướng xuất gia

Cuộc sống đã mong manh ngăn ngửi, sự nghiệp một đời biết dựa vào đâu để gọi là đại sự? Bởi vậy, người có đủ trí tuệ và ý chí không thể không chọn con đường xuất thế. Nếu không được vậy, thật là “*bỏ phí cuộc đời trôi qua vô ích*” vậy.

Nhưng đại nghiệp xuất thế không phải một sớm một chiều đã có thể làm nên. Huống chi có được xác thân này vốn là nhờ ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha như trời biển, lại thêm sự dạy dỗ, nâng đỡ của thầy cô, bạn hữu... cho đến sự bảo bọc, cậy nhờ nơi xóm giềng, xã hội... Đã vậy, nếu không biết nghĩ đến phần trách nhiệm của mình đối với tất cả, thì dẫu chuyện nhỏ cũng chưa thể gọi là thành tựu, huống hồ là đại sự!

Nhưng đây vốn là tâm niệm rất dễ mắc phải của người xuất gia! Một khi lập chí xuất trần, thường xem nhẹ hết thấy những gì thuộc về thế tục. Vấn đề thật ra không đúng là như vậy. Dù quả thật đã không còn có thể “*dâng cho cha mẹ miếng ăn ngon ngọt*”, cũng “*không lo việc nước*”, “*chẳng kể tục nghiệp nhà*”... nhưng những điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng người xuất gia là rũ bỏ mọi bổn phận, trách nhiệm làm người. Sự khác biệt ở đây là cần phải dốc chí “*làm nên đại sự*” như một phương tiện để báo đáp công ơn của những ai đã từng thương yêu, bảo bọc cho mình. Bởi vậy, người xuất gia phải canh cánh bên lòng trách nhiệm nặng nề là phải vượt lên trên mọi chuyện tầm thường thế tục mà một lòng cầu đạo giải thoát.

Những điều nên tránh

Tuy rằng tâm nguyện, ý chí của người xuất gia là to lớn khôn cùng, nhưng nếu không khéo nghiêm trì giới luật, vâng theo lời giáo huấn của Bốn sư thì thật rất dễ lầm đường lạc lối. Trong văn này, Tổ sư nêu lên những ý chung, mà khi xét lỗi riêng đời nay không ít người mắc phải.

Lỗi đầu tiên dễ mắc phải nhất là sự tự mãn, kiêu căng. Người xuất gia vừa thọ Đại giới xong, oai nghi hình tướng đầy đủ thì ai ai cũng đều cung kính, trân trọng, cho đến những bậc quyền thế của thế gian cũng quỳ lạy lễ bái. Nhiều người không biết rằng sự cung kính đó bước đầu vốn dĩ có được chỉ là nhờ nơi hình tướng tăng sĩ, còn oai nghi đức hạnh thật sự của mỗi người là việc không phải tự nhiên có được. Vì không phân biệt được chỗ khác biệt này, nên thay vì chuyên cần tu tập, tinh chuyên giới luật để xứng đáng với cương vị bậc xuất gia, lại sanh tâm kiêu mạn tự cho rằng mình đã có được oai đức hơn người. Nghĩ như thế nên xem việc thập phương tín thí cúng dường chu cấp vật thực cho mình chỉ là chuyện đương nhiên phải vậy! Tâm đã kiêu mạn như thế nên không thể theo con đường khổ hạnh tinh chuyên, chỉ biết sống buông thả theo vật dục, theo những tình cảm thế tục thông thường không khác, quên mất rằng những điều ấy thấy đều là nguyên nhân chuốc lấy khổ não về sau!

Nếu biết nhớ lại chí hướng lúc xuất gia, nhớ lại những trách nhiệm nặng nề khi bước chân vào con đường xuất thế, thì chẳng thể nào lơ là buông thả được. Phật dạy rằng, người xuất gia lấy đạo nghiệp thay cho sự nghiệp của thế tục, phải biết tự thân tiến mãi không ngừng trên đường tu tập. Bởi vậy luôn phải ghi nhớ trong lòng câu “tam thường bất túc”, “*chuyện ăn mặc, ngủ nghỉ đừng bao giờ hưởng thụ đầy đủ*”. Nếu chỉ biết mong cầu “*no cơm ấm áo*” thì thật là uổng phí cả một đời, cho dù có sớm kinh tối kệ thì rốt cùng cũng chẳng có được chút ích lợi gì.

Chỗ nương dựa trước tiên của người xuất gia nhất thiết phải là giới luật. Trước khi Phật nhập Niết-bàn cũng đã ân cần dặn dò hàng đệ tử về sau phải lấy giới luật làm thầy, xem đó như Phật còn tại thế. Thật đáng tiếc có những người tự cho mình là lợi căn thượng trí, chỉ muốn nghiên tầm những nghĩa lý sâu xa mà không chú trọng đến việc tinh chuyên giới

luật. Đây là một sai lầm rất lớn mà bất cứ ai khi đã mắc vào đều khó lòng tăng tiến trên đường tu tập. Bởi vì giới luật vốn dĩ là cái nền móng chắc chắn nhất định phải có để thực hành bất cứ pháp môn nào.

Chỉ riêng một việc không nghiêm trì giới luật là gốc của muôn ngàn lỗi lầm sai trái khác. Tự thân chẳng giữ được phép tắc oai nghi, trí huệ cũng không do đâu mà sinh khởi; chẳng những đã không có chút lợi lạc cho riêng mình, lại còn gây cản trở việc tu tập của mọi người chung quanh. Một mai tuổi cao tác lớn, thành bậc lão thành trong tăng chúng nhưng lại chẳng có gì để cho kẻ hậu học noi theo. Có ai đến hỏi nghĩa lý sâu mầu trong kinh điển cũng chẳng biết lấy gì mà giảng giải. Hơn thế nữa, vì tâm kiêu mạn chưa được dứt trừ, nên không thể tự thấy biết lỗi mình, thường đem tâm sân hận mà đáp lại với người muốn giúp mình sửa lỗi. Những sai lầm này, tuy là đối với mỗi người đều có chỗ khác biệt tinh tế, nhưng tựu trung cũng không ngoài những điều mà Tổ sư đã nêu ra trong văn này.

Điều quan trọng được nhấn mạnh ở đây không phải là sự so sánh hơn thua cùng người khác, mà là tính chất khẩn thiết, nhanh chóng của cuộc sống vô thường ngăn ngủi này. Thoắt chốc đời sống đã qua đi, thọ mạng không còn, cái khổ già nua, bệnh hoạn lại có thể ập đến tưởng như trong chớp mắt. Một khi lìa bỏ kiếp này, vốn liếng một đời chẳng có gì để mang theo, liền chịu sự dắt dẫn của nghiệp lực mà trôi lăn vào ác đạo.

Những việc nên làm

Vì thế, một khi đã quyết chí xuất gia, không sợ thân mình nhiều lỗi, chỉ sợ vết cũ khó chữa. Dù có bao nhiêu thói hư tật xấu mà chịu một lòng nghiêm trì giới luật, học hỏi chuyên cần, thì chẳng lo gì ngày một tinh tấn hơn. Bởi Phật chế giới luật vốn dĩ là vì người có lỗi, không phải dành cho các bậc thánh tịnh hạnh. Chỉ cần một lòng tin tưởng giữ theo, cho dù người có nhiều tật xấu đến đâu rồi cũng dần dần sẽ được trở nên oai nghi thanh tịnh.

Người xuất gia phải xem việc cúng dường của thập phương tín thí như món nợ lớn. Một lòng cầu đạo giải thoát thì không lo gì nợ kia không trả hết; nhưng nếu lơ là giải đãi, quyết chẳng tránh đâu được có ngày phải trả lại đủ cho người từng hạt gạo, cọng rau đã từng thọ nhận.

Tự mình có đủ nhân duyên để đứng vào hàng tăng chúng vốn đã là một phước báu phải tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp, không phải ai cũng dễ dàng có được. Vì vậy mà người xuất gia phải ngày đêm ghi nhớ mục đích đã đề ra cho cả một đời mình, phải rèn luyện cho mình thành bậc pháp khí trụ cột trong đạo pháp. Có như vậy mới không uổng đi chí nguyện ban đầu.

Việc tu tập tuy là phải nương theo sự dẫn dắt của bốn sư, nhưng được gần gũi với những người bạn tốt cũng là điều lợi lạc vô cùng to lớn. Bởi vậy mà so sánh như người “*đi giữa đám hơi sương, tuy không ướt áo nhưng lúc nào cũng được ấm mát*”. Với sự dẫn dắt của bậc minh sư, nếu được thêm những bạn đồng tu khéo biết cùng nhau sách tấn thì việc tiến tới trên đường đạo có thể nói là không khó lắm. Người tục nói: “*Chọn bạn mà chơi*”, cũng không ngoài ý này.

Người bạn hiền thường hay nói thẳng, vì muốn giúp điều tốt cho mình. Vì thế, phải biết tự răn mình, biết nhận nghe những lời can gián, phê phán từ người khác. Nếu chỉ muốn được nghe toàn những lời ngon ngọt êm tai, thì việc sa đọa chắc chắn không bao lâu sẽ đến mà thôi.

Thiền học và giáo học

Người xuất gia nếu có đủ quyết tâm và trí tuệ, có thể chọn theo con đường thẳng tắt của Thiền môn. Đây là con đường cực kỳ khó khăn, nhưng cũng là con đường có thể giúp người tu nhanh chóng thẳng đến bờ giải thoát, vì thế mà nói là “*vượt thẳng qua những pháp môn phương tiện*”.

Điều quan trọng cần nói ở đây là, người tu nhất thiết phải hết sức tỉnh táo trong việc tự biết lấy mình. Phải có đủ năng lực, trí tuệ và ý chí quyết tâm trong việc cầu đạo. Chuyên cần nỗ lực trong công phu hành trì, hiểu sâu được tông chỉ, ý thú của Thiền đạo thì mới có thể đi đúng đường mà đạt đến chỗ giải thoát. Bằng như tự cho mình là bậc thượng căn thượng trí nhưng thật ra lại không đủ sức để vượt thẳng đến cội nguồn, thì việc lầm đường lạc lối rất dễ xảy ra.

Thử hình dung như một người quyết chí muốn qua sông, tự lượng biết sức mình rồi mới lao xuống dòng nước để bơi thẳng qua mà chẳng cần nhờ cậy đến thuyền bè. Nếu quả là người trí lực đầy đủ, tất nhiên sẽ rút ngắn được thời gian mà điểm đến cũng không khác chi người đi thuyền. Tuy nhiên, nếu không lượng đúng sức mình thì rõ ràng là bờ kia chẳng bao giờ đến được.

Người tu thiền tự dựa vào sức mình, cầu đạo giải thoát bằng phương tiện thẳng tắt cũng giống như người bơi qua sông kia vậy.

Bằng như tự biết sức mình không thể bơi thẳng qua sông, thì tốt hơn nên nhờ đến thuyền bè, đến người đưa đò... Bằng cách này dù có chậm chạp hơn, nhưng nếu đã quyết tâm thì chắc chắn cũng sẽ có ngày đến được bờ bên kia.

Vì thế, việc tu thiền xưa nay vẫn được thừa nhận là pháp môn tối thượng, huyền diệu hơn hết, nhưng không phải ai cũng có đủ khả năng để nương theo.

Đối với những người không đủ trí lực để nương theo Thiền đạo, nên chọn lấy việc chuyên cần học hỏi, hành trì theo giáo pháp. Theo con đường này cần phải hiểu rõ tông chỉ, nắm vững nghĩa lý trong kinh giáo và theo đó mà rộng truyền giáo hóa cho người khác. Nhờ nương theo việc giáo hóa mà tự mình cũng được phần lợi ích tăng tiến. Như vậy gọi là

“tự giác, giác tha”. Cũng lấy việc tự mình tu tập và giáo hóa người khác mà làm phương tiện báo đền ơn đức Phật.

OceanofPDF.com

Khuyến tu

Việc đại sự của người xuất gia, những gì nên làm, những gì nên tránh, đến đây đều đã nêu rõ. Năm hiểu được như vậy rồi thì chỉ còn một việc là tự thân mỗi người phải cố gắng quyết chí tu tập hành trì. Ý chí đó phải được xác lập từ lúc xuất gia và không ngừng vun bồi, củng cố qua năm tháng. Có như thế mới mong thành tựu được ý nguyện ban đầu. Bằng không được vậy, thời gian nhanh chóng trôi qua thì hết một đời cũng không thể hé mở được cánh cửa giải thoát.

Như dây leo nương thân cây cao mà lên được tầng cao chót vót, người xuất gia phải biết vững niềm tin nơi Tam bảo, ký thác cả đời mình nương theo Chánh pháp, nhờ đó mới có thể được phần lợi ích cho mình cũng như rộng làm lợi ích cho bao nhiêu người khác. Nếu không gấp rút lo việc tu tập, chẳng những một đời này mất phần lợi lạc mà nhiều kiếp về sau cũng phải chìm đắm trôi lăn trong khổ não.

Được sinh làm người, chỉ cần có quyết tâm thì đạo giải thoát dù khó khăn cũng không phải là không thực hiện được. Nếu người khác đã có thể đạt đến, thì mình cũng nên lập chí tự thành. Không nên tự hạ thấp mình mà nhục tâm, thối chí.

Kết ý

Tổ sư viết bài văn này, lời lẽ khẩn thiết, chân thành, nêu việc lỗi để răn dạy, nói điều hay để khuyến khích. Bởi vậy đọc qua có thể cảm nhận được ngay tấm lòng từ bi vô lượng của người, rộng vì tất cả đồ chúng và hàng hậu học chúng ta mà khuyên dạy. Dù thời gian năm tháng nối tiếp trôi qua, mà giờ đây đọc lại văn này vẫn thấy trong lòng đầy cảm xúc. Nếu không phải nguyện lực của bậc Bồ Tát độ sinh, hẳn không thể viết ra bài văn kiệt xuất này được.

Tiếc rằng những kẻ hậu học đời nay, nhiều người quên mất chí hướng xuất trần. Lắm khi mang hình tướng của một vị tăng mà chỗ học, chỗ hành không khác chi người thế tục. Một khi đọc đến văn này, chẳng lấy làm xấu hổ lắm sao? Mong rằng nhờ sức từ bi nhiếp độ của Tổ sư, hết thấy những ai đã lầm đường lạc lối, khi xem đến bản văn này đều sẽ tự mình thức tỉnh mà phấn chấn sửa mình, chuyên cần tu tập, nhanh chóng vượt lên bến bờ giải thoát, chỗ lợi ích cho mình cho người đều nhờ đó mà được thành tựu viên mãn.

OceanofPDF.com

Hành trạng Tổ Quy Sơn Linh Hựu

Tổ sư sinh năm 771, vốn người họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phúc Châu. Ngài xuất gia năm 15 tuổi, theo thầy là Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện. Năm 20 tuổi thọ giới Cụ túc tại chùa Long Hưng thuộc Hàng Châu, pháp hiệu là Linh Hựu.

Từ khi xuất gia, ngài chuyên cần học tập kinh điển của cả Đại thừa và Tiểu thừa. Năm 23 tuổi đến Giang Tây tham bái Tổ Bách Trượng. Tổ Bách Trượng vừa gặp ngài đã biết ngay là bậc pháp khí, liền thu nhận làm đệ tử, cho được sớm tối kề cận để tham học.

Một hôm, ngài đang đứng hầu Tổ Bách Trượng. Tổ hỏi: “Ai đó?” Ngài đáp: “Con là Linh Hựu.” Tổ nói: “Ông khơi trong bếp xem có lửa hay không?” Ngài đến khơi trong bếp thấy đã tắt hết, bèn nói là không có lửa. Tổ sư thân tới bên bếp lửa, bới sâu trong tro lấy ra được chút than còn đỏ, đưa lên mà hỏi rằng: “Ông nói không có lửa, vậy đây là cái gì?” Ngài nhân lúc đó bừng tỉnh ngộ, lễ tạ thầy trình chỗ sở kiến.

Tổ Bách Trượng nói: “Đây chỉ là chỗ rẽ tạm thời trên đường đi. Trong kinh nói: Muốn hiểu nghĩa Phật tánh phải xem nơi thời tiết nhân duyên. Một khi thời tiết đến, như mê chợt ngộ, như quên chợt nhớ, mới biết ra đó là vật của mình, không phải do bên ngoài mà có được. Vì thế, Tổ sư nói rằng: Ngộ rồi cũng như chưa ngộ, không có tâm cũng không có pháp, chính là không các tâm hư vọng, tâm phàm, tâm thánh... Từ xưa nay tâm pháp vốn tự đầy đủ, nay ông đã được rồi, phải khéo tự giữ gìn.”

Sau, ngài được Tổ Bách Trượng cho giữ chức Điển tòa.

○ ○ ○

Bấy giờ có Tư Mã Đầu Đà là một vị thiền sư du phương. Một hôm từ Hồ Nam đến chỗ Tổ Bách Trượng, nói rằng: “Tôi đến xứ Hồ Nam tìm được một ngọn núi tên là Đại Quy, là nơi có thể dung chứa đến 1.500 người, chính là chỗ dành cho bậc thiện tri thức cư ngụ.”

Tổ Bách Trượng hỏi: “Lão tăng này đến đó ở được chăng?”

Tư Mã Đầu Đà đáp: “Không phải chỗ Hòa thượng ở được.”

Lại hỏi: “Vì sao vậy?”

Tư Mã Đầu Đà nói: “Hòa thượng như xương, núi kia như thịt, nếu có đến ở thì đồ chúng không tới số ngàn.”

Tổ Bách Trượng lại hỏi: “Như trong đồ chúng của ta, có ai được chăng?”

Tư Mã Đầu Đà đáp: “Phải đợi xem qua mới biết.”

Tổ Bách Trượng liền bảo thị giả gọi vị Thủ tòa là thiền sư Hoa Lâm đến, hỏi Tư Mã Đầu Đà rằng: “Người này được chăng?”

Tư Mã Đầu Đà quan sát, bảo Hoa Lâm đừng hăng một tiếng và bước đi mấy bước, rồi nói: “Không thể được.”

Tổ Bách Trượng lại cho gọi ngài - tổ Quy Sơn - đến. Tư Mã Đầu Đà vừa nhìn thấy liền nói: “Vị này chính là chủ nhân của Quy Sơn rồi.”

Đêm ấy, Tổ Bách Trượng gọi ngài vào trong phòng, dặn dò rằng: “Ta tùy duyên giảng pháp nơi đây, còn chỗ thắng cảnh Quy Sơn là nơi ông nên đến ở để tiếp nối tông môn của ta mà rộng độ cho những người hậu học.”

Thiền sư Hoa Lâm nghe biết chuyện, thưa hỏi: “Con nay là người đứng đầu trong chúng, sao vị Diển tòa lại được làm trụ trì?”

Tổ Bách Trượng nói: “Nếu ai có thể đối trước chúng nói ra một câu xuất cách sẽ cho làm trụ trì.”

Rồi chỉ cái tịnh bình mà hỏi: “Không được gọi là tịnh bình, ông gọi là gì?”

Hoa Lâm nói: “Không thể gọi là cây lũng.”

Tổ Bách Trượng lại hỏi ngài. Ngài đá cái tịnh bình ngã nhào rồi đi ra. Tổ Bách Trượng cười nói: “Ông đệ nhất tòa thua mất hòn núi này rồi.”
Liền sai ngài đến Quy Sơn.

o o o

Quy Sơn là ngọn núi cao chót vót, không có bóng người, vượn khỉ tụ tập thành bầy. Ngài nhặt những trái sung, trái dẻ mà làm thức ăn. Được chừng năm bảy năm qua, chẳng có ai lui tới. Ngài tự nghĩ: “Ta đến đây làm trụ trì là muốn làm lợi ích cho người. Nay đường xá đến đây chẳng được, làm sao có người tụ họp?” Liền rời khỏi am thất mà tìm xuống núi. Ra đến cửa núi, thấy những rãnh độc, hổ báo, lang sói chặn đầy ngang đường. Ngài nói: “Này các giống thú, đừng chặn đường đi của ta. Như ta có duyên với núi này, các người hãy đi nơi khác. Như ta không có duyên với núi này, các người không cần đi, ta theo đường mà đến cho các người ăn thịt vậy.”

Nói xong, tất cả các giống thú dữ ấy liền tứ tán đi mất hết. Ngài lại quay về am thất. Chưa được một năm sau, thượng tọa Lại An cùng với một số tăng chúng từ chỗ ngài Bách Trượng tìm đến mà trợ giúp với ngài. Lại An nói: “Tôi xin vì Hòa thượng mà làm chức Điển tòa, đời tăng chúng được 500 vị mới thôi.”

Từ đó về sau, dân cư dưới núi mới dần dần biết đến, lập nên cảnh chùa. Liên soái Lý Cảnh Nhượng có tâu lên vua xin ban hiệu chùa là Đồng Khánh. Tướng quốc Bùi Hữu cũng thường đến thưa hỏi những chỗ sâu xa huyền diệu. Người trong thiên hạ đến học thiền ngày càng đông đúc. Trong những vị đặc pháp có thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch là bậc cao trỗi, nên người đời tôn xưng tông này là tông Quy Ngưỡng.

Ngài rộng truyền giáo pháp được hơn 40 năm. Vào niên hiệu Đại Trung thứ 7 đời nhà Đường, ngày mồng 9 tháng Giêng, ngài tắm gội sạch sẽ rồi ngồi an nhiên vui vẻ mà thị tịch, thọ 83 tuổi, trải 64 tuổi hạ. Vua ban thụy hiệu là Đại Viên Thiền sư, dựng tháp thờ tại Quy Sơn, đặt tên tháp là Thanh Tịnh. Vì thế, pháp hiệu của ngài là Linh Hựu nhưng người đời thường tôn kính gọi là Quy Sơn Đại Viên Thiền sư.

Bài văn cảnh sách do ngài làm ra được truyền tụng khắp chốn thiền môn, trải qua nhiều đời sau vẫn còn được trân trọng.

Nguyên bản Hán văn

OceanofPDF.com

Phần dịch âm

Quy Sơn Đại Viên Thiền sư cảnh sách văn

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy. Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Tuy nãi tứ đại phù trì, thường tương vi bội.

Vô thường lão bệnh bất dĩ nhân kỳ. Triều tồn tịch vong, sát-na dị thể. Thí như xuân sương, hiểu lộ, thúc hốt tức vô; ngạn thọ, tỉnh đằng, khởi năng trường cửu!

Niệm niệm tấn tốc, nhất sát-na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yển nhiên không quá?

Phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly. Bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự. Miến ly hương đảng, thế phát bẩm sư. Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tranh chi đức, huýnh thoát trần thế, kí kỳ xuất ly.

Hà nãi tài đẳng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị tỳ-kheo? Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trú, bất giải thốn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng. Khiết liễu tụ đầu huyền huyền, dẫn thuyết nhân gian tạp thoại. Nhiên tắc nhất kỳ sẵn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân!

Năng kiếp tuần trần, vị thường phần tỉnh. Thời quang yếm một, tuế nguyệt sa đà, thọ dụng ân phần, thí lợi nùng hậu, động kinh niên tải bất nghĩ khí ly. Tích tụ tư đa bảo trì huyền chất.

Đạo sư hữu sắc, giới húc tỳ-kheo, tiến đạo nghiêm thân tam thường bất túc. Nhân đa ư thử đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai, tấp nhiên bạch thủ. Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia quý cầu y thực.

Phật tiên chế luật, khai sáng phát môg; quỹ tắc uy nghi tịnh như băng tuyết. Chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm, vi tế điều chương cách chư ối tề. Tỳ ni pháp tịch tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa khởi năng chân biệt? Khả tích nhất sanh không quá, hậu hối nan truy. Giáo lý vị thường thổ hoại, huyền đạo vô nhân kế ngộ!

Cập chí niên cao lập trường, không phúc cao tâm, bất khăng thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo. Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô. Hoặc đại ngữ cao thanh, xuất ngôn vô độ. Bất kính thượng trung hạ tọa, bà-la-môn tụ hội vô thù. Oản bát tác thanh, thực tất tiên khởi. Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô; khởi tọa chung chư, động tha tâm niệm. Bất tồn ta ta quý tặc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phổng hiệu.

Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn tăng. Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo. Như tư tri kiến cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhân tuần, nhằm nhiệm nhân gian, toại thành sơ dã. Bất giác lũng chửng lão hủ, xúc sự diện tường. Hậu học tư tuần vô ngôn tiếp dẫn. Túng hữu đàm thuyết bất thiệp điển chương. Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sinh vô lễ, sân tâm phần khởi ngôn ngữ cai nhân.

Nhất triều ngọa tạt tại sàng, chúng khổ oanh triển bức bách, hiểu tịch tư thốn, tâm lý hồi hoàng. Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng. Tùng tư thí tri hồi quá, lâm khát quật tỉnh hể vi! Tự hận tảo bất dự tu, niên văn đa chư quá cữu. Lâm hành huy hoắc, phạ bố chương hoàng. Học xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp. Như nhân phụ trái, cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan, trọng xứ thiên trụ. Vô thường sát quý niệm niệm bất đình, mạng bất khả diên, thời bất khả đãi. Nhân thiên tam hữu ưng vị miễn chi, như thị thọ thân phi luận kiếp số.

Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm, khởi khả giam ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh tượng quý, khứ thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ, nhân đa giải đãi, lược thân quản kiến dĩ hiểu hậu lai. Nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán.

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục. Thiệu long thánh chửng, chấn nhiếp ma quân. Dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí. Tích niên hành xứ thốn bộ bất di, hoảng hốt nhất sanh tương hà bằng thị.

Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan, giai thị túc thực thiện căn cảm tư dị báo. Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ, bất quý thốn âm. Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tựu. Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô từ.

Từ thân quyết chí phi tri, ý dực đấng siêu hà sở. Hiểu tịch tư thốn, khởi khả thiên diên quá thời. Tâm kỳ Phật pháp đồng lương, dụng tác

hậu lai quy cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiếu phần tương ưng.

Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bạng ư kê cổ. Hình nghi đĩnh đặc, ý khí cao nhàn.

Viễn hành yếu giả lương bằng, sắc sắc thanh ư nhĩ mục. Trú chỉ tất tu trạch bạng, thời thời văn ư vị văn. Cố vân: Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu. Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y thời thời hữu nhuận.

Hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo. Một hậu trầm luân, nhất thất nhân thân vạn kiếp bất phục!

Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai? Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh. Uẩn tố tinh thần, huyền hiêu chỉ tuyệt.

Nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn, tâm khế huyền tâm, nghiên cơ tinh yếu. Quyết trạch thâm áo, khai ngộ chân nguyên, bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tông nan đắc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhân, tiện thị xuất trần giai tiệm.

Thử tắc phá tam giới nhị thập ngũ hữu, nội ngoại chư pháp tận tri bất thật, tòng tâm biến khởi tất thị giả danh. Bất dụng tương tâm tấu bạc, dẫn tình bất phục vật, vật khởi ngại nhân. Nhậm tha pháp tính châu lưu, mặc đoạn mặc tục. Văn thanh kiến sắc cái thị tầm thường, giá biên na biên ứng dụng bất khuyết.

Như tư hành chỉ, thật bất uổng phi pháp phục, diệc nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất thối, Phật giai quyết định khả kỳ. Vãng lai tam giới chi tâm, xuất một vị tha tác tắc.

Thử chi nhất học tối diệu tối huyền. Dẫn biện khẳng tâm, tất bất tương trám.

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu. Thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp, tinh sừ nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức.

Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phù trì. Trú chỉ uy nghi, tiện thị tăng trung pháp khí.

Khởi bất kiến ý tòng chi cát, thương tủng thiên tâm; phụ thác thẳng nhân, phương năng quảng ích. Khẩn tu trai giới, mặc mạn khuy du. Thế thế sanh sanh thù diệu nhân quả.

Bất khả đặng nhàn quá nhật, ngọt ngọt độ thời, khả tích quang âm bất cầu thẳng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân.

Tích lỵ chuyển thâm, tâm trần dị Ứng. Xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi.

Cổ vân: Bỉ ký trượng phu, ngã diệc nhĩ. Bất Ứng tự khinh nhi thối khuất. Nhược bất như thử, đồ tại tri môn, nhằm nhiệm nhất sanh, thù vô sở ích.

Phục vọng hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đạt chi hoà. Cử thổ khán tha thương lưu, mặc thiện tùy Ứ dung bỉ.

Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhân. Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch, chỉ vị cứu trệ bất thông.

Thực lăm tư văn, thời thời cảnh sách. Cường tác chủ tế, mặc tuần nhân tình. Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty. Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan. Nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ.

Cổ kinh vân: Giả sử bá thiên kiếp sở tác nghiệp bất vong. Nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ. Cố tri tam giới hình phạt, oanh bán sát nhân, nỗ lực cần tu, mặc không quá nhật.

Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì. Nguyễn bá kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ.

Nãi vi minh viết:

*Huyễn thân mộng trạch
Không trung vật sắc.
Tiền tế vô cùng,
Hậu tế ninh khắc?
Xuất thử một bỉ,
Thăng trầm bì cực.
Vị miễn tam luân,
Hà thời hưu tức?
Tham luyến thế gian,
Ấm duyên thành chất,
Tùng sanh chí lão,
Nhất vô sở đắc.
Căn bản vô minh,
Nhân tư bị hoặc.
Quang âm khả tích,
Sát-na bất trắc.*

Kim sanh không quá,
Lai thế trất tấc.
Tùng mê chí mê,
Giai nhân lục tấc.
Lục đạo vãng hoàn,
Tam giới bồ bặc.
Tảo phóng minh sư,
Thân cận cao đức.
Quyết trạch thân tâm,
Khứ kỳ kinh cức.
Thế tự phù hư,
Chúng duyên khởi bực.
Nghiên cùng pháp lý,
Dĩ ngộ vi tấc.
Tâm cảnh câu quyên,
Mạc ký mạc ức.
Lục căn di nhiên,
Hành trú tịch mặc.
Nhất tâm bất sanh,
Vạn pháp câu tấc.

Tham khảo chữ Hán

Chúng tôi biên soạn phần tham khảo này để giúp quý độc giả nào chưa từng học qua chữ Hán có thể sử dụng để dễ dàng làm quen với nguyên tác. Nếu tham khảo phần này, hoặc dùng để học, sẽ có thể đọc trực tiếp được toàn văn bằng chữ Hán.

Các chữ được sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó để tiện cho việc học, và được giải nghĩa giới hạn theo nghĩa dùng trong các bài văn mà thôi.

nhất → số một, đứng đầu, như *nhất sát-na gian* (trong khoảng thời gian một sát-na)

thất → số bảy, đứng thứ bảy, như *thất giả tôn trọng kỷ linh* (thứ bảy là tôn trọng tự tánh linh giác)

nãi → là, lại... tiếng trợ từ dùng để đặt câu, như *hà nãi...* (sao lại...), *tuy nãi...* (dù là, tuy là...), *nãi chí...* (cho đến như...)

cửu → số chín, đứng thứ chín, như *cửu giả cầu sinh Tịnh độ* (thứ chín là cầu sinh về Tịnh độ)

liễu → hiểu biết, hiểu rõ, như *liễu nghĩa thượng thừa* (hiểu rõ được ý nghĩa của pháp môn rốt ráo cao nhất)

nhị → số hai, dùng trong số đếm, như *nhị thập ngũ hữu* (hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu)

nhân → người, con người, người ta, như *nhân sở khinh khi* (người ta đều khinh chê)

nhập → vào, đi vào, thể nhập vào, như *thường văn nhập đạo yếu môn...* (thường nghe rằng cửa ngõ quan trọng vào Đạo...)

bát → số tám, đứng thứ tám, như *tướng hữu kỳ bát* (hình tướng có tám loại)

đao → con dao, lưỡi dao, như *đăng đao sơn* (lên núi đao)

lực → sức lực, sức mạnh, như *nỗ lực* (gắng sức)

thập → số mười, như *thập phương* (mười phương)

hựu → cũng như, lại nữa, lần nữa, như *hựu bất tham dục lạc quả báo* (cũng không tham dục lạc, quả báo)

trượng → người, được dùng với ý tôn xưng, kính trọng, như *lão trượng* (cụ già), *trượng phu* (đấng nam nhi)

tam → số ba, thứ ba, như *tam thường bất túc* (ba việc thường không đầy đủ - nghĩa là ba chuyện ăn, mặc và ngủ nghỉ)

thượng → trên, phía trên, cao trội hơn hết, như *thượng thừa* (pháp cao trội hơn hết)

hạ → dưới, phía dưới, thấp kém hơn hết, như *bất kính thượng trung hạ tọa* (không cung kính người trên kẻ dưới)

cửu → lâu xa, như *trường cửu* (lâu dài), *cửu trệ* (sự ngăn ngại đã lâu)

đã → trợ từ cuối câu: vậy, thế... như *bất khả hoãn đã* (không thể trì hoãn vậy)

vong → mất đi, như *giả sử bá thiên kiếp số tác nghiệp bất vong* (giả như có những điều đã làm trong trăm ngàn kiếp, nghiệp quả cũng không mất đi)

ngột → mơ hồ, không hiểu rõ, như *ngột ngột độ thời* (mơ hồ để thời gian trôi qua)

phàm → nói chung, thông thường, phàm tục, như *phàm loại giai nhiên* (muôn loài đều như vậy), *phàm phu* (người phàm tục)

thiên → một ngàn, như *bá thiên kiếp* (trăm ngàn kiếp)

khẩu → cái miệng, cũng chỉ miếng ăn, lời nói, như *thân khẩu số phí* (những sự tiêu dùng cho thân và miệng, tức là chuyện ăn mặc), *sanh bất năng dưỡng kỳ khẩu thể* (lúc sống không thể nuôi dưỡng)

độ → đất, vùng đất, cõi nước, như *Tịnh độ* (cõi nước thanh tịnh, chỉ thế giới Cực Lạc ở Tây phương), *tại thử độ tu hành* (tu hành ở

cõi nước ấy)

sĩ → người thuộc một giai cấp, hạng loại nào, như *nho sĩ* (người học đạo Nho), *trung lưu chi sĩ* (người thuộc hạng trung bình)

tịch → chiều tối, như *triều tôn tịch vong* (sớm còn tối mất)

đại → lớn, quan trọng, như *tứ đại* (bốn yếu tố quan trọng), *đại nhân* (tiếng tôn xưng người quan trọng)

nữ → người nữ, đàn bà, con gái, như *tịnh tín nam nữ đẳng* (những kẻ nam người nữ có lòng tin thanh tịnh)

tử → con trai, con cái nói chung, như *tích vi kỳ tử* (trước đây là con của người ấy), *Thích tử* (con của Phật, chỉ người xuất gia mang họ Thích)

thốn → tắc (một phần mười thước), hoặc chỉ khoảng cách rất ngắn, như *thốn bộ bất di* (bước ngắn cũng chẳng dời đi)

tiểu → nhỏ bé, nhỏ nhặt, như *tiểu tiểu oai nghi* (oai nghi nhỏ nhặt)

thi → từ dùng phiên âm chữ sīla trong Phạn ngữ thành *thi-la* (), nghĩa là giới luật.

sơn → núi, như *sơn tăng* (vị tăng tu ở núi, nghĩa là ẩn tu)

kỉ → tự thân, của mình, như *vô ích ư kỷ* (chẳng ích gì cho chính mình), *tôn trọng kỷ linh* (tôn trọng tánh linh giác của mình)

đĩ → đã qua, qua rồi, như *Phật dĩ diệt độ* (Đức Phật đã diệt độ rồi), *ký dĩ xuất gia* (đã xuất gia rồi)

tài → vừa mới, như *tài đắc thành nhân* (vừa mới được thành người)

bất → không, dùng để phủ định, như *bất kính* (không cung kính)

trung → ở giữa, khoảng giữa, như *vụ lộ trung hành* (đi giữa đám hơi sương)

chi → tiếng nối các danh từ để chỉ nghĩa sở hữu, thuộc về, như *phụ mẫu chi di thể* (thân thể của cha mẹ truyền lại cho), *bất tranh*

chi đứ (cái đứ không tranh chấp)

vân → nói rằng, như *cổ vân* (người xưa nói rằng), *kinh vân* (trong kinh dạy rằng)

hỗ → lẫn nhau, qua lại thay thế cho nhau, như *thế thế sanh sanh hỗ vi phụ mẫu* (đời đời kiếp kiếp thay thế làm cha mẹ của nhau)

ngũ → số năm, dùng trong số đếm, như *nhị thập ngũ* (hai mươi lăm)

đán → cái giếng nước, như *tĩnh đặng* (dây bò miệng giếng) *quật tỉnh* (đào giếng)

cừu → cừu địch, kẻ oán thù, như *tích nhật khấu cừu* (ngày trước là giặc cướp oán thù)

kim → bây giờ, lúc này, như *kim sanh* (trong đời này), *kim nhật* (ngày nay)

nhưng → như cũ, không thay đổi, như *nhưng cựu si mê* (vẫn si mê như cũ)

, **nội, nạp** → bên trong, như *nội trược ngoại thanh* (bên trong như chớp, bên ngoài [ra vẻ] trong sạch), bên trong, trong lòng, như *quốc nội* (trong nước), *nội cần khắc niệm chi công* (trong lòng lấy việc chuyên cần khắc phục tâm tưởng làm công phu)

lục → số sáu, như *giai nhân lục tặc* (đều do nơi sáu tên giặc)

phân → thành phần, phần trong tổng số, như *thiểu phần tương ưng* (có ít phần phù hợp theo)

thiết → khẩn thiết, quyết lòng, như *thiết tu tử tế dụng tâm* (khẩn thiết dụng tâm tinh tế)

vật → không nên, đừng, như *vật úy nan nhi thối khiếp* (đừng sợ khó khăn mà thối thất)

hóa → hóa độ, giáo hóa, như *thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh* (trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh)

thăng → lên cao, tiến lên, như *bất cầu thăng tiến* (không cầu được tiến bộ)

cập → đến, tới, như *do biểu cập lý* (từ ngoài đến trong), *cập chí* (cho đến khi)

hữu → bạn bè, như *thành ngữ giả bằng hữu* (giúp ta nên người là bằng hữu)

thiên → trời, như *nhân thiên tam hữu* (ba cõi trời người)

phu → 1. người đàn ông, như *trượng phu* (đấng nam nhi); 2. **phù** → từ dẫn nhập vào câu, như *phù xuất gia giả* (phàm là người xuất gia)

thiếu → ít, thiếu, như *thiếu phần* (có ít phần)

vưu → càng hơn, hơn nữa, như *giải đãi vưu khổ* (lười nhác càng khổ hơn), *vưu vi thống tích* (càng đau xót đáng tiếc hơn)

ảo → hư huyền, không thật, như *huyền thân mộng trạch* (thân hư huyền trong căn nhà mộng)

dẫn → dắt dẫn, đưa đi, như *tiếp dẫn* (đón tiếp dẫn đường đi)

tâm → tâm tư, tình cảm, tấm lòng... như *sân tâm* (lòng nóng giận)

hộ → hộ, căn nhà, như *bỉ tắc tất môn bồng hộ* (người khác thì nhà tranh vách lá)

thủ → tay, như *củng thủ* (khoanh tay)

văn → văn chương, bài văn, như *thục lãm tư văn* (đọc kỹ bài văn này)

phương → 1. phương hướng, như *thập phương* (mười phương), 2. trợ từ, mới ... như *phương nãi tương khuyến* (mới khuyên bảo lẫn nhau) 3. phương thế, cách thức, như *phương tiện* (phương cách thuận tiện)

nhật → ngày, như *bất khả đẳng nhàn quá nhật* (không thể nhàn nhã để ngày trôi qua)

viết → nói rằng, viết rằng như *Khổng tử viết* (Khổng tử nói rằng), *nãi vị minh viết* (nên có bài tụng rằng)

nguyệt → tháng, như *tuế nguyệt* (năm tháng), *nhật vãng nguyệt lai* (ngày qua tháng lại, ý nói thời gian nhanh chóng trôi qua)

chỉ → dừng lại, như *chỉ tuyền* (dừng lại dứt sạch)

tỉ → trong danh từ *tỳ-kheo*, phiên âm tiếng Phạn là bhikṣu, để chỉ người xuất gia đã thọ giới Cụ túc, có người đọc là tỉ-khâu hay tỉ-khưu.

mao → lông, như *phi mao đái giác* (mang lông đội sừng, chỉ các loài cầm thú)

thủy → nước, thức uống, như *nhất xan nhất thủy* (miếng cơm ngậm nước)

hỏa → lửa, như *mãnh hỏa thành trung* (trong thành lửa dữ)

phụ → cha, như *phụ mẫu* (cha mẹ)

phiến → chốc lát, giây lát, như *phiến khắc* (trong chốc lát, thoáng chốc)

vương → vua, đứng đầu, như *chư thiên trung vương* (đứng đầu trong các pháp lành)

thả → hãy (làm điều gì), như *thả ư giáo pháp lưu tâm* (hãy để tâm vào giáo pháp)

thế → đời, kiếp, như *dị thế* (đời khác), *trần thế* (cõi trần)

khâu → trong danh từ *tỳ-kheo*, đúng ra chữ này đọc là khâu hay khưu trong các nghĩa khác, nhưng do thói quen ta vẫn đọc chữ này là kheo trong cụm từ *tỳ-kheo* để chỉ người xuất gia đã thọ giới Cụ túc (phiên âm theo tiếng Phạn là bhikṣu). Vì thế có một số người cũng đọc danh từ này là tỉ-khâu hay tỉ-khưu.

chủ → người làm chủ, đứng đầu, như *chủ nhân* (người chủ), *chủ tế* (chúa tế, đứng đầu)

hồ → trợ từ dùng cuối câu hỏi, như *vong thất thượng nhĩ, huống vị phát hồ?* (quên mất còn như vậy, huống là chưa phát tâm?)

tử → kỹ càng, thận trọng, như *tử tế* (kỹ lưỡng tinh tế)

tha → (người hay vật) khác *động tha tâm niệm* (xao động tâm niệm người khác), *tha nhân* (người khác)

nhận → đơn vị đo lường, bằng 8 thước xưa, như *vạn nhận chi sơn* (núi cao muôn nhận, nghĩa là rất cao)

đại → thay thế, đại diện, như *dục đại ngã khổ* (muốn thay ta chịu khổ)

linh → làm cho, khiến cho, như *kim linh tương tục* (nay khiến cho tiếp tục)

đĩ → lấy đó, dùng đó, như *thường dĩ như tử* (thường lấy như thế), *dĩ độc trị độc* (lấy độc trị độc)

xuất → ra khỏi, hiện ra, sinh ra, như *xuất gia* (ra khỏi gia đình, nghĩa là đi tu), *xuất tử một bĩ* (sinh ra chỗ này, mất đi chỗ kia)

công → công sức, công phu, như *khắc niệm chi công* (công phu khắc chế tâm ý)

gia → nhiều hơn, thêm, như *bất gia ái trọng* (chẳng thêm phần thương yêu quý trọng)

bao → bao bọc, bao gói, như *thập nguyệt bao tàng* (mười tháng bao bọc chất chứa)

khứ → 1. trừ bỏ đi, như *khứ kỳ kinh cức* (trừ bỏ hết những gai góc ấy) 2. đi, đến, như *khứ tỵ* (đi khỏi, tỵ đến) 3. đã qua, cách xa như *khứ niên* (năm ngoái) *khứ thánh thời diêu* (cách thời đức Phật đã lâu xa)

cổ → chuyện xưa, người xưa, như *kê cổ* (xét các chuyện xưa), *cổ vân* (người xưa nói rằng)

thao → lạm được, dùng với ý khiêm tốn, tự cho mình là không xứng đáng, như *thao tại tri kỷ* (lạm được làm người tri kỷ), *thao bồi* (lạm được nương theo)

chỉ → chỉ... mà thôi, được dùng để nhấn mạnh, như *chỉ hội thuyết bất hội tổ* (chỉ biết nói mà không biết làm), *chỉ vi cứu trệ*

bất thông (chỉ là ngăn ngại lâu ngày không thông suốt)

khiếu → kêu, gọi, như *nhấn thỉnh khiếu hào chi thâm* (chịu đựng nghe tiếng kêu khóc thâm thiết)

khả → có thể, có khả năng, như *dung mạo khả quan* (hình dung đáng vẻ có thể xem được, nghĩa là đẹp để dễ coi)

tứ → số bốn, như *tứ đại* (bốn chất quan trọng)

ngoại → bên ngoài, như *ngoại hoằng bất tranh chi đức* (bên ngoài mở rộng cái đức không tranh chấp)

thất → mất đi, như *nhất thất nhân thân vạn kiếp bất phục* (một khi mất đi thân người thì vạn kiếp không được lại)

ni → chữ dùng phiên âm trong nhiều danh từ, như *Tỳ-ni* (phiên âm tiếng Phạn là Vinaya, tức là Luật tạng), *Lam-tỳ-ni* (phiên âm tiếng Phạn là Lumbinī, tên vườn Lam-tỳ-ni)

xảo → vừa mới, như *xảo phong xuy chi* (gió vừa mới thổi qua)

bố → ban rải, cho ra, như *bố thí* (cho ra khắp nơi)

ấu → tuổi thơ, còn nhỏ, như *ấu ly phụ mẫu* (xa lìa cha mẹ khi còn nhỏ)

phất → không, từ phủ định, như *nhân độn phất ma* (vì cùn lụt mà không mài)

hoằng → rộng, mở rộng, như *ngoại hoằng bất tranh chi đức* (bên ngoài mở rộng cái đức không tranh chấp)

tất → chắc chắn, chắc là, như *tất bất tương trá* (chắc chắn là không lừa dối nhau)

vị → chưa, không, như *vị miễn hình lụy* (chưa thoát khỏi được sự trói buộc thân hình)

mạt → cuối hết, như *mạt thế* (đời cuối), *mạt pháp* (pháp đã gần dứt, tận cùng)

bản → gốc, nguồn, như *căn bản vô minh* (gốc rễ ở nơi vô minh)

chính, chánh → chính yếu, chân chánh, như *đốn ngộ chánh nhân* (tức thời hiểu rõ được nguyên nhân chính yếu, tức là chỗ cốt yếu)

mẫu → mẹ, như *phụ mẫu* (cha mẹ)

dân → dân, người trong cõi nước nói chung, như *nhân dân bị hóa ở Đông phương* (người dân được hóa độ ở cõi Đông)

băng → băng, nước đông lại thành khối, như *kết băng* (đông lại thành băng), *băng tuyết* (băng và tuyết)

vĩnh → mãi mãi, lâu dài, như *an lạc vĩnh kiếp* (yên vui mãi mãi)

phạm → phạm vào, như *tác phạm* (làm việc phạm vào)

huyền → nhiệm mầu, huyền diệu, như *huyền đạo vô nhân kế ngộ* (đạo nhiệm mầu không do đâu để hợp ý hiểu ra)

ngõa → viên ngói, như *ngõa lịch* (ngói sỏi, chỉ những thứ không có giá trị)

cam → vị ngọt, như *cam chỉ* (món ngon ngọt)

sinh, sanh → sống, đời sống, như *nhất sanh không quá* (một đời luống qua vô ích, vô bổ)

dụng → dùng, sử dụng, như *dụng báo tứ ân* (dùng để báo đáp bốn ơn)

do → do nơi, nhờ nơi, như *bất do biệt nhân* (không do nơi người khác)

bạch → trắng, bạc trắng, như *táp nhiên bạch thủ* (thoắt đã bạc trắng mái đầu)

bì → da, như *bì nhục* (da thịt)

mục → con mắt, như *nhĩ mục* (tai mắt)

lập → thiết lập, lập thành, như *đồng lập thủ nguyện* (cùng nhau lập nguyện này)

giao → trao cho, mang đến cho, như *hiếu tịch tạo ác, tức tự giao báo* (sớm tối làm việc ác, tức tự mang lấy quả báo)

diệt → cũng vậy, lại cũng, như *diệt nãi thù báo tứ ân* (lại cũng báo đáp được bốn ơn), *bỉ ký trượng phu, ngã diệt nhĩ* (người kia đã là đấng nam nhi, ta đây cũng như vậy)

nhậm → tiếp nhận, chấp nhận, như *nhậm chức* (nhận chức), *nhậm tha pháp tánh châu lưu* (đón nhận sự xoay chuyển của các pháp)

phục → cúi xuống, như *phục vọng* (cúi mong)

hưu → thôi, dừng nghỉ, như *đam vị bất hưu* (mê đắm mùi vị không thôi)

tiên → trước, trước kia, như *Phật tiên chế luật* (trước kia Phật chế định ra giới luật), *tiên tri* (biết trước)

quang → ánh sáng, dùng theo nghĩa bóng để chỉ thời gian, như *thời quang diệt bất hư khí* (thời gian cũng không bỏ phí)

toàn → hoàn toàn, trọn vẹn, như *tập liễm toàn vô* (hoàn toàn không có sự câu thúc, chế phục)

cộng → hợp, cộng lại, như *giả chúng duyên nhi cộng thành* (các nhân duyên giả hợp mà thành)

tái → trở lại, lần nữa, như *pháp môn tái xiển* (cửa pháp lại mở ra, nghĩa là các pháp môn lại được xiển dương, rộng truyền)

băng → băng giá, nước đông lại vì lạnh, như *băng đông* (băng giá đông lại)

quyết → dứt khoát, kiên quyết, như *quyết tâm* (lòng kiên quyết làm điều gì), *quyết chí* (dốc lòng), thường viết là

hình → hình phạt, như *tam giới hình phạt* (hình phạt trong ba cõi)

hợp → phù hợp, hợp lẽ, như *pháp nhĩ hợp cúng* (theo pháp cúng dường như thế là hợp)

cát → dùng trong phiên âm chữ duṣkṛta (- *cát-la*), tức *đột-cát-la* (), một nhóm tội trong giới luật, dịch nghĩa là tội khinh cấu.

đồng → cùng nhau, như *đồng sanh* (cùng sanh ra)

danh → tên, gọi tên, như *tùng tâm biến khởi tất thị giả danh* (do nơi tâm biến hóa mà ra tất cả đều là tên gọi không thật)

thổ → nhả ra, như *ân khố thổ cam* (nuốt đắng nhả ngọt)

hướng → nghiêng về, hướng về, như *nhất hướng tình tồn thô tháo* (chỉ nghiêng về giữ lấy những thói tật thô thiển)

hồi → trở lại, quay lại, như *vãn hồi* (làm cho trở lại như trước)

nhân → nguyên nhân, do nơi, như *lạc thị khố nhân* (vui là nguyên nhân của khổ)

tại → ở tại, như *ngọa tật tại sàng* (bệnh nằm tại giường)

địa → 1. đất, như *địa tuy hậu bất năng tải ngã* (đất tuy dày không chở được ta); 2. nơi chốn, vị trí, như *khai phát hữu địa* (có chỗ khai mở)

đa → nhiều, như *niên vãn đa chư quá cữu* (tuổi già nhiều tội lỗi)

hảo → tốt đẹp, như *tuy hữu hảo tâm* (tuy có lòng tốt), 2. **háo** → ưa thích, ham thích, như *háo danh* (ham thích danh tiếng)

như → như là, giống như, như *như nhân phụ trái* (giống như người mắc nợ)

tồn → còn, tồn tại, như *triêu tồn tịch vong* (sớm còn tối mất)

trạch → cái nhà, như *huyển thân mộng trạch* (thân hư huyễn trong căn nhà mộng)

vũ → nhà ở, như *quảng vũ nhàn đình* (nhà to sân rộng)

an → yên ổn, làm cho yên ổn, như *an quốc* (làm cho đất nước được yên ổn)

niên → năm, dùng chỉ tuổi tác, như *niên cao lập trường* (lớn tuổi, nhiều tuổi hạ)

thốn → suy nghĩ kỹ, ngẫm nghĩ, như *hiểu tịch tư thốn* (sớm tối lo nghĩ)

thành → thành tựu, làm thành, như *xúc đồ thành trệ* (đường đi đến thành ra ngưng trệ)

chỉ → ngon, như *chỉ tửu* (rượu ngon), *cam chỉ* (món ngon ngọt)

tảo → sớm, như *tảo phóng minh sư* (sớm tìm cầu bậc thầy sáng suốt)

hữu → có, như *đạo sư hữu sắc* (đấng đạo sư có lời dạy)

hủ → mục nát, vô dụng, như *lão hủ* (già yếu chẳng làm được gì nữa)

thứ → thứ, lượt, dùng trong *tháo thứ* (vội vàng, gấp rút)

thử → thế, vậy, ấy, đó, như *nhược bất như thử* (nếu không được như vậy), *dĩ thử phù trì* (lấy đó làm chỗ gìn giữ nương theo) *thử tông nan đắc* (tông ấy khó được)

tử → chết, như *thị sanh tử như oán gia* (xem sống chết như kẻ oán thù)

ô → nhơ nhớp, bẩn, như *nhiểm ô* (nhiểm bẩn, bị nhơ nhớp)

bá, bách → một trăm, như *bách tánh* (trăm họ), *bách kiếp* (trăm kiếp)

mễ → gạo, như *lạp mễ* (hạt gạo)

lão → già, người già, như *tùng sanh chí lão* (sanh ra cho đến lúc già)

nhĩ → liên từ, mà..., như *giả chúng duyên nhi cộng thành* (các nhân duyên giả hợp mà thành), *bất ưng tự khinh nhi thối khuất* (không nên tự coi thường mình mà thối lui)

nhĩ → lỗ tai, như *nhĩ mục* (tai mắt)

nhục → thịt, như *cốt nhục đô mi* (xương thịt đều nát như)

tự → tự mình, như *tự khinh* (tự coi thường mình), *quả báo hoàn tự thọ* (quả báo trở lại tự mình nhận lấy)

chí → đến, đến khi, như *tùng sanh chí lão* (sanh ra cho đến khi già), *cập chí niên cao* (cho đến khi tuổi tác đã cao)

chu → thuyên, như *dĩ Tịnh độ vi chu hàng* (dùng Tịnh độ làm thuyên bè)

sắc → hình sắc, như *văn thanh kiến sắc* (nghe âm thanh, thấy hình sắc)

huyết → máu, như *khấp huyết* (khóc chảy máu mắt)

hành → đi, làm, như *viễn hành* (đi xa), *hành trì* (giữ làm theo)
ngôn hành hoang sơ (lời nói việc làm đều phóng túng lơ đãng)

y → cái áo, y phục, như *thấp y* (ướt áo)

tây → hướng tây, phương tây, như *Tây phương quyết định vãng sanh* (quyết định vãng sanh về Tây phương)

bạn → chọn lựa, tuyển chọn, như *trạch bạn* (chọn bạn)

thân → trình bày, nói ra, như *thân oan* (nói rõ nỗi oan khúc),
lược thân (lược nói ra)

tự, tợ → giống như, tương tự, như *tự phòng ốc nhi tần tần thiên tử* (giống như phòng ốc nhiều lần thay đổi)

đần → chỉ cần, như *đần tình bất phụ vật* (chỉ cần lòng không nương theo vật)

trụ → ở tại, cư ngụ, như *hành trụ tịch mặc* (đi ở đều vắng lặng)

hà → sao, thế nào, chỗ nào... (dùng trong các câu hỏi), như *hà nãi* (sao lại như vậy), *vị tri hà vãng* (chưa biết đến nơi đâu)

phật → đức Phật, những gì liên quan đến đức Phật, như *Phật tánh* (tánh Phật), *Phật pháp* (giáo pháp của Phật)

tác → làm, thực hiện, tạo ra, như *tác nghiệp* (tạo ra nghiệp)

khắc → khắc phục, khắc chế, như *khắc niêm* (khắc phục tâm ý)

miễn → miễn trừ, thoát khỏi, như *nhân thiên tam hữu ưng vị miễn chi* (ba cõi trời người chưa thoát khỏi được)

huống → huống chi, liên từ để nhấn mạnh, như *huống nãi đường đường tăng tướng* (huống chi đường đường mang hình tướng một vị tăng)

biệt → 1. phân biệt, thấy rõ sự khác nhau, như *khởi năng chân biệt* (làm sao có thể xem xét phân biệt rõ) 2. riêng, khác, như *bất do biệt nhân* (chẳng do nơi người khác), *biệt nghiệp* (nghiệp quả riêng của mỗi người)

lợi → lợi, điều lợi, như *thí lợi nùng hậu* (mang cho các món lợi to lớn)

nỗ → cố gắng, như *nỗ lực* (gắng sức)

kiếp → một đời sống, thời gian một kiếp sống, như *vãng kiếp* (kiếp trước)

cù → nhọc nhằn, khó nhọc, như *ai ai phụ mẫu sanh ngã cù lao* (thương thay cha mẹ sinh ra ta biết bao khó nhọc)

tức → tức là, như *thức hốt tức vô* (thoáng chốc đã là không)

thôn → nuốt vào, như *thôn chi tặc can trường tận lạn* (nuốt vào thì ruột gan chín bấy)

xuy → thổi, như *xảo phong xuy chi* (gió vừa thổi qua)

ngô → ta, của ta, như *ngô mẫu* (mẹ của ta)

cáo → nói với, bảo cho biết, như *ai cáo* (đau xót có lời bảo cho biết)

toạ → ngồi, như *khởi tọa* (đứng ngồi)

giáp → cầm giữ, kèm kẹp, dùng trong *giáp tạp* (bị xen vào hỗn tạp, bị lẫn lộn vào)

diệu → hay, khéo, tuyệt diệu, như *kỳ diệu* (tuyệt diệu lạ lùng)

hoàn → trọn vẹn, đầy đủ, như *cử thể vô hoàn phu* (khắp thân không mảnh da nào còn nguyên vẹn)

hình → hình dáng, như *hình trực ảnh đoan* (hình ngay bóng thẳng)

nhẫn → nhẫn chịu, chịu đựng, như *nan nhẫn năng nhẫn* (nhẫn chịu được điều khó chịu)

chí → ý chí, như *quyết chí* (dốc chí thực hiện điều gì)

vong → quên, không còn nhớ, như *vong duyên* (quên mất các duyên)

chung → tâm ý tán loạn thất thường, như *khởi tọa chung chur* (đứng ngồi hoảng loạn)

ngã → ta, tôi, tiếng tự xưng, như *ngã diệc nhĩ* (ta cũng vậy)

giới → điều ngăn cấm không làm, như *trai giới* (giữ giới chay lạt)

phù → nương, dựa, như *phù trì* (nương giữ nhau)

ước → liên từ, nhưng, mà..., dùng trong cụm từ *ước diệc* (không những... mà còn), như *nhất sanh không quá, ước diệc lai nghiệp vô tì* (không những một đời trôi qua chẳng được gì, mà sự nghiệp sau này cũng không ích lợi)

canh, cánh → càng thêm, lại thêm, như *cánh bất khả ngôn* (càng không thể nói)

thúc → bó buộc, ràng buộc lại, như *thúc liễm sơ tâm* (gom buộc chế phục tâm ban đầu)

bộ → bước đi, như *thốn bộ bất di* (bước ngăn cũng chẳng dời đi)

mỗi → mỗi khi, mỗi lần, như *mỗi nhất tư cập* (mỗi khi nghĩ đến)

cầu → cầu mong, muốn được, như *bất cầu thăng tiến* (không cầu được tiến bộ)

quyết → chắc chắn, nhất định, quyết ý, như *quyết định vãng sanh* (nhất định phải vãng sanh)

trầm → chìm đắm, mê đắm, như *thăng trầm bì cực* (nổi chìm mệt mỏi cực nhọc)

một → chết, biến mất, như *xuất một* (ẩn hiện), *thời quang yếm một* (thời gian trôi qua mất), *xuất tử một bĩ* (sinh ra chỗ này, chết đi chỗ kia)

sa → dùng trong từ phiên âm, như sa-di, sa-môn

lao → nhà lao, chỗ giam nhốt, như *tam giới như lao ngục* (ba cõi như tù ngục giam nhốt)

nam → con trai, nam giới, như *tịnh tín nam nữ* (kẻ nam người nữ có lòng tin trong sạch)

hĩ → trợ từ cuối câu, vậy, thế... như *bất tất ngôn hĩ* (không cần phải nói vậy)

cứu → nghiên cứu, cứu xét, như *bất cứu tự tâm* (không cứu xét tự tâm mình)

tiểu → giống như, như *bất tiểu* (không được giống như người đi trước, không học theo được những điều tốt đẹp), dùng chỉ những người hư hỏng, kém cỏi

can → lá gan trong nội tạng, như *can trường* (gan ruột)

dục → nuôi dưỡng, làm cho tăng trưởng, như *dục đức* (nuôi dưỡng đức hạnh)

lương → tốt, hiền, như *thân phụ lương bằng* (gần gũi nương theo bạn tốt)

kiến → thấy biết, nhìn thấy, như *như tư tri kiến* (chỗ thấy biết như thế)

giác → tranh hơn thua nhau, như *khẩu giác* (cãi cộ), *quai giác* (hơn thua nghịch nhau)

ngôn → nói, lời nói, như *tiện ngôn ngữ thị sơn tăng* (liền nói rằng ta là thầy tăng ở núi)

thỉ → con lợn, như *khiên thỉ tỵ đồ* (dắt lợn vào lò mổ)

bối → tên một loại cây thuở xưa dùng lá để chếp kính, nên *bối diệp* (lá bối) được dùng để chỉ kính điể.

túc → đầy đủ, như *tam thường bất túc* (ba việc thường không đầy đủ, nghĩa là chuyện ăn, mặc và ngủ nghỉ đều không đến mức đầy đủ)

thân → thân thể, như *nhân thân* (thân người)

tân → vị cay, như *tân khổ* (cay đắng)

tấn → nhanh chóng, như *tấn tốc* (hết sức nhanh chóng)

na → ấy, đó, kia..., như *giá biên na biên* (bên này bên kia)

bang → nước, quốc gia, như *trị bang* (trị nước)

tà → tà vạy, không chính đáng, như *khứ tà* (trừ bỏ điều tà vạy)

tịnh → thấy đều, như *tịnh phi kỷ hữu* (thấy đều không phải của ta)

quai → trái ngược, nghịch nhau, như *quai giác* (hơn thua nghịch nhau), *nội ngoại quai giác* (trong ngoài trái nghịch nhau)

nhũ → vú, cho bú bằng vú, như *nhũ bộ* (bú mớm)

sự → việc, chuyện, vấn đề, như *xúc sự diện tường* (gặp việc quay mặt vào vách, nghĩa là không biết cách đối phó, bế tắc)

ta → một ít, tí chút, như *bất tồn ta ta quý tắc* (không giữ được chút ít phép tắc nào)

sử → khiến cho, làm cho..., như *giả sử* (giả như là ..., nghĩa là việc chưa xảy ra nhưng cứ giả định cho là như vậy)

lai → sắp đến, tương lai, như *lai xứ* (nơi sẽ đến), *lai sanh* (đời sau)

cung → cung cấp, chu cấp cho, như *bất cung cam chỉ* (không chu cấp cho món ăn ngon ngọt)

y → y theo, theo giống như, như y tiền (y như trước)

lượng → một cặp, đôi, hai cái, như *lượng đồ ký thất* (hai đường đều mất cả)

kì → ấy, đó... tiếng trợ từ, như *kỳ nhân, kỳ sự* (người ấy, chuyện ấy), *khứ kỳ kinh cúc* (đẹp bỏ những gai góc ấy)

cụ → đầy đủ, như *cụ hữu vô lượng thân thông* (có đủ vô lượng thân thông)

diễn → kinh diễn, như *bất thiệp diễn chương* (không liên quan gì đến điều chương kinh diễn)

sơ → ban đầu, mới bắt đầu, như *sơ tâm* (lúc phát tâm ban đầu)

đáo → đến, tới, như *đồng đáo đạo trường* (cùng đến nơi đạo trường)

chế → đặt, định ra, như *Phật tiên chế luật* (Phật trước kia chế định ra giới luật)

sát → dùng trong cụm từ *sát-na* để phiên âm tiếng Phạn là kṣa-ṇa, nghĩa là khoảng thời gian rất ngắn, như *nhất sát-na gian* (trong thời gian một sát-na)

khắc → khoảnh khắc, thời gian rất ngắn, như *phiến khắc* (thoắt chốc)

kiếp → kiếp, đời người, như *nhất thất nhân thân vạn kiếp bất phục* (một khi mất thân người, vạn kiếp không được lại)

tốt → hết, cuối, như *tốt tuế* (hết năm)

thủ → cầm nắm, lấy, như *khứ thủ* (bỏ và lấy, nghĩa là chọn lựa)

thụ → nhận lấy, nhận lãnh, như *quả báo hoàn tự thụ* (quả báo trở lại tự nhận lấy)

châu → khắp vòng, như *châu lưu* (xoay vòng)

vị → mùi vị, như *đam vị bất hưu* (đắm mê mùi vị không thôi)

hồ → kêu gào, như *hiệu hồ* (gào khóc)

mạng → mạng sống, như *mạng bất khả diên* (mạng sống không thể kéo dài)

hòa → hòa hợp, hài hòa, như *thanh hòa hưởng thuận* (âm thanh hài hòa thì tiếng vọng thuận theo)

cửu → tội lỗi, như *đa chư quá cửu* (nhiều sai lầm tội lỗi)

cố → đã rồi, vốn dĩ, như *cố hữu* (vốn đã có từ trước rồi),
lục thân cố dĩ khí ly (sáu thân vốn đã đứt bỏ xa lìa rồi)

dạ → đêm, tối, như *nhất dạ* (một đêm)

thuỷ → mới, vừa mới, như *tùng tư thủy tri hối quá* (từ đây mới biết ăn năn hối lỗi)

ủy → uốn theo, dùng trong *ủy mị* (yếu hèn, không tự chủ)

quý → cuối, như *quý thế* (đời cuối), *đồng sanh tượng quý* (cùng sinh ra vào cuối đời tượng pháp)

cơ → bội bạc, phụ bạc, như *cô phụ tứ ân* (phụ bạc cả bốn ơn)

tông → tông phái, phép tu, như *thử tông nan đắc* (phép tu này khó được)

định → chắc chắn không thay đổi, như *quyết định* (quyết lòng làm điều gì, không thay đổi)

uyển → quanh co, như *uyển chuyển* (khéo thay đổi cho thích hợp)

nghi → nên, điều thích hợp, như *thị cố nghi ưng đoạ sanh tử lưu* (vì vậy nên cắt đứt dòng sanh tử)

thượng → vẫn còn, hãy còn, như *ngã thượng trầm luân* (ta hãy còn chìm đắm luân lạc)

cư → ở, tại nơi, như *lập nguyện cư tiên* (việc lập nguyện phải ở trước hết)

quật → chịu khuất phục, chịu kém hơn, như *thối khuất* (chịu kém mà thối lui)

ngạn → bờ, như *hà ngạn* (bờ sông), *ngạn thụ* (cây đứng ven bờ)

hạnh → may mắn, tốt đẹp, như *hạnh vô ma chướng* (may mắn không gặp ma chướng)

diên → kéo dài ra, như *mạng bất khả diên* (mạng sống không thể kéo dài ra)

bỉ → người kia, như *bỉ ký trượng phu, ngã diệc nhĩ* (người kia đã là đấng nam nhi, ta cũng vậy)

vãng → đến, như *vãng lai tam giới chi tâm* (người khách đến đi trong ba cõi)

thiểm → đáng xấu hổ, nhục nhã, như *thiểm hiệu sa-môn* (hổ thẹn mang danh sa-môn)

trung → ngay thật, hết lòng vì ai, như *trung ngôn nghịch nhĩ* (lời nói thẳng khó nghe)

niệm → 1. khoảng thời gian rất ngắn, như *vô thường sát quỷ niệm niệm bất đình* (con quỷ vô thường giết người không một chút thời gian nào dừng nghỉ) 2. suy nghĩ, ý nghĩ, như *động tha tâm niệm* (làm dao động tâm ý người khác)

hốt → đột nhiên, bỗng nhiên, như *thúc hốt tức vô* (thoắt chốc đã là không)

phẫn → giận tức, như *sân tâm phẫn khởi* (lòng sân hận tức tối nổi lên)

phạ → khiếp sợ, như *phạ bố* (hãi hùng khiếp sợ)

bố → sợ hãi, sợ sệt, như *phạ bố* (hãi hùng khiếp sợ)

di → vui vẻ, thoải mái, như *di nhiên* (vui vẻ tự nhiên)

tính → tính chất, tính tình, như *pháp tính* (tính chất của các pháp)

khiếp → sợ, khiếp, như *thối khiếp* (sợ mà thối lui)

hoặc → hoặc là, như *hoặc đại ngữ cao thanh* (hoặc to tiếng nặng lời)

phòng → căn phòng, căn nhà, như *phòng ốc* (nhà cửa nói chung)

sở → 1. nơi chốn, như *ý dục đấng siêu hà sở* (ý muốn vượt cao đến nơi nào) 2. đều, khắp, như *sở tại giai thị dã* (đâu đâu cũng vậy cả), *nhân sở khinh khi* (người ta đều khinh khi) 3. trợ từ, điều thuộc về cái gì, như *nghiệp quả sở khiên* (nghiệp quả dắt dẫn), *sở tác* (điều đã làm)

thừa → vâng theo, nhận lấy, như *cung thừa tế tự* (cung kính nhận lãnh việc cúng kỵ)

phi → mặc áo, khoác áo, như *phi y hạ sàng* (khoác áo bước xuống giường), *phi truy* (khoác áo người tu hành)

bạt → đánh thẳng, đánh bạt đi, như *bạt nhị thập thành* (đánh chiếm được 20 thành), dùng trong cụm từ *bạt tế tức* là nói tắt của *bạt khổ tế nạn* (đánh bạt khổ não, cứu giúp nạn tai)

ư → 1. với, đối với, như *thiếp ư điểu chương* (liên quan với kinh điểu) 2. nơi, chỗ... như *thanh ư nhĩ mục* (trong sạch nơi tai mắt), *thả ư giáo pháp lưu tâm* (nên để tâm vào nơi giáo pháp)

côn → hàng con cháu nối dõi, như *hậu côn* (con cháu về đời sau)

minh → ánh sáng, sự sáng suốt, như *vô minh* (không sáng, nghĩa là ngu tối)

hôn → tối tăm, không biết, như *hôn mê* (mê muội tối tăm không biết gì)

dị → dễ, như *dị ứng* (dễ bị ngăn lấp)

tích → xưa kia, trước đây như *tích niên* (năm xưa, năm trước)

bằng → bạn bè, như *lương bằng* (bạn hiền, bạn tốt)

phục → y phục, như *pháp phục* (y phục của người tu)

đông → phương đông, hướng đông, như *đông tây mặc biện* (hướng đông tây không phân biệt được)

tùng → cây tùng, như *ý tùng chi cát* (dây leo dựa theo cây tùng)

uổng → uổng phí, không đáng, như *uổng phi pháp phục* (uổng mặc y phục người tu hành, nghĩa là không xứng đáng)

quả → kết quả, thành quả, như *nhân quả lịch nhiên* (nhân quả rõ ràng như vậy)

một → chết mất, như *một hậu trầm luân* (sau khi chết phải chìm đắm)

trị → cai trị, như *trị bang* (cai trị đất nước)

triêm → thấm nhuần, như *giới phẩm triêm thân* (thân được thấm nhuần giới hạnh)

huống → huống chi, như *huống vị phát hō* (huống chi là chưa phát tâm)

bạc → dùng trong cụm từ *thấu bạc* với nghĩa là hiểu thấu, như *tương tâm thấu bạc* (dùng tâm để hiểu thấu). Xem thêm ở chữ *thấu* - Thuyền ghé vào bến cũng gọi là *bạc*, vì thế có cụm từ *phiêu bạc* chỉ việc trôi nổi bất định qua nhiều nơi, có từ điển tiếng Việt viết sai cụm từ Hán-Việt này là *phiêu bạt*.

pháp → 1. các pháp, sự việc, như *nội ngoại chư pháp tận tri bất thật* (các pháp trong ngoài đều biết rõ là không thật) 2. giáo pháp, những gì do Phật truyền dạy, như *Phật pháp* (giáo pháp của Phật), *thả ư giáo pháp lưu tâm* (nên để tâm vào nơi giáo pháp)

ba → con sóng nhỏ, sóng nước, như *tứ hải ba đào* (sóng nước trong bốn biển)

khấp → khóc, như *khấp huyết* (khóc chảy máu mắt)

nê → bùn lầy, như *một tại ứ nê* (chìm trong bùn đọng)

mẫn → hết, dứt hết, như *tri kiến bất mẫn* (chỗ thấy biết không dứt bỏ hết)

tranh → tranh đấu, tranh đua, như *cạnh tranh* (ganh đua với nhau để giành phần hơn)

sàng → giường nằm, như *ngọa tật tại sàng* (bệnh nằm trên giường)

vật → sự vật, như *đãn tình bất ngại vật* (chỉ cần trong lòng không ngăn ngại nơi sự vật)

trạng → hình trạng, hình dáng, như *trạng tợ thanh liên nhị kết* (hình dạng như hoa sen xanh bó nhụy)

hiệp → thân cận, gần gũi ai, như *bất bàng hiệp* (không tùy tiện thân gần người khác), *hiệp tập ác giả* (gần gũi quen theo kẻ ác)

trực → ngay thẳng, như *hình trực ảnh đoan* (hình ngay thì bóng thẳng)

tri → biết, hiểu rõ, như *cố tri tam giới hình phạt oanh bán sát nhân* (vậy nên biết rằng hình phạt trong ba cõi luôn bám theo mà giết hại người)

xã → hội, nhóm những người cùng một khuynh hướng, như *liên xã* (hội niệm Phật)

tự → thờ cúng, như *tế tự* (cúng tế tổ tiên, người đã khuất)

không → không có gì, không được gì, như *mạc không quá nhật* (đừng để ngày qua không được gì)

giả → 1. người, kẻ, như *xuất gia giả* (người xuất gia), *ác giả* (kẻ ác) 2. trợ từ, ấy, đó... như *sinh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu* (sinh ra ta ấy là cha mẹ, làm cho ta nên người ấy là bè bạn) 3. trợ từ, để đặt câu hỏi, như *Khởi bất minh tâm giả tai?* (Lại không ghi khắc vào trong lòng hay sao?)

khẳng → bằng lòng, chịu làm, như *bất khẳng thân phụ lương bằng* (không chịu gần gũi thân cận bạn hiền), *đãn biện khẳng tâm* (chỉ cần chịu quyết tâm)

ngọa → nằm, như *ngọa tật tại sàng* (bệnh nằm tại giường)

du → chốc lát, dùng trong *tu du* (khoảng thời gian rất ngắn, thoát chốc)

xá → dùng trong từ phiên âm chữ *śarīra* *xá-lợi*, cũng gọi là ngọc xá-lợi, chỉ phần vật chất được lưu lại sau khi hỏa táng di thể một vị Phật, cao tăng.

cận → gần, như *thân cận thiện hữu* (thân gần người bạn hiền)

phản → trở lại, ngược lại, như *phản tỉnh* (tỉnh lại, nghĩa là biết xem lại mình mà thay đổi những điều xấu ác)

kim → vàng, dùng trong các kết hợp *kim thân* (chỉ thân Phật), *kim cương* (kim cương)

trường → dài, như *trường cửu* (lâu dài)

môn → 1. cửa, như *truy môn* (cửa nhà chùa) 2. cách thức, phương pháp, như *phương tiện chi môn* (pháp phương tiện) 3. tiếng dùng để phiên âm, như *bà-la-môn* (phiên âm tiếng Phạn là *brāhmaṇa*)

đà → dùng trong phiên âm danh hiệu Phật *Amitābha* Di-đà, hoặc A-di-đà

phụ → nương cậy, dựa vào, như *thân phụ thiện giả* (gần gũi nương cậy người hiền)

thanh → màu xanh, như *thanh liên* (hoa sen xanh)

phi → không, dùng để phủ định, như *phi luận kiếp số* (không tính được số kiếp)

lữ → bạn, người cùng chung với nhau việc gì, như *pháp lữ* (bạn đồng tu)

tiện → nhân đó, liền đó, như *tiện ngôn ngã thị tỳ-kheo* (liền nói rằng ta đây là tỳ-kheo), *tiện trách hậu sanh vô lễ* (liền trách những kẻ sinh sau là vô lễ)

nga → chốc lát, thoát chốc, như *nga yên nhi thiên, nga yên nhi nhân* (thoát chốc sinh cõi trời, thoát chốc làm người)

tục → tầm thường, dung tục, thể tục, như *tâm hình dị tục* (tâm tánh và hình dáng khác với kẻ thể tục)

bảo → giữ lấy, như *bảo trì* (giữ gìn không để mất), *bảo vệ* (giữ cho an toàn)

tín → tin, tin cậy, như *bất tín* (không tin), *tín thí* (người cúng dường tài vật vì có lòng tin)

thế → cắt, cạo, như *thế phát* (cắt tóc, xuống tóc), *thế mao* (cạo lông)

tắc → phép tắc, như *quỹ tắc oai nghi* (oai nghi phép tắc)

tiền → trước, phía trước, như *tiền lộ mang mang* (đường phía trước mờ mịt)

dũng → mạnh mẽ, gan dạ, như *dũng mãnh* (mạnh mẽ gan dạ)

miễn → cố gắng, gắng sức, như *nguyện dĩ đại chúng cộng miễn chi* (nguyện cùng với đại chúng nỗ lực gắng sức)

bồ → dùng trong từ ghép *bồ bặc* (dáng bò lổm ngổm, nghĩa bóng chỉ việc đi lại chậm chạp, khó khăn)

hậu → dày, lớn, như *thí lợi nùng hậu* (mang cho các món lợi to lớn), *địa tuy hậu bất năng tải ngã* (đất tuy dày không chở được ta)

tư → bàn luận, như *hậu học tư tuân vô ngôn tiếp dẫn* (kẻ hậu học thưa hỏi bàn bạc chẳng có lời nào để tiếp nhận dẫn dắt)

ân → nuốt vào, như *ân khẩu thổ cam* (nuốt đắng nhả ngọt, ý nói người mẹ nhường hết món ngon cho con mình)

ai → đau xót, bi ai, như *ai tai thiết tâm* (lòng thương xót biết bao nhiêu)

phẩm → hạng, bậc, phẩm hàm, như *giới phẩm* (bậc đã thọ giới)

tai → thán từ, biểu lộ cảm xúc, như *thiện tai* (lành thay), *ai tai thiết tâm* (lòng thương xót biết bao nhiêu)

thành → thành, vùng dân cư có thành bao quanh, như *thành trung* (ở trong thành)

khế → hợp ý, tương hợp nhau, như *khế ngộ* (hợp ý mà hiểu ra)

nhân → nhân duyên, thân thuộc họ hàng, như *liên nhân* (nối liền thành thân thuộc)

uy → làm cho người khác phải kính phục hoặc sợ hãi, như *oai nghi* (dáng vẻ làm người ta kính phục)

ốc → nhà ở, như *phòng ốc* (nhà cửa nói chung)

thi → xác người chết, thi thể, như *mãng mãng hoành thi* (thi thể bừa bãi khắp nơi)

độ → 1. trôi qua, như *độ thời* (để thời gian trôi qua) 2. mức độ, hạn độ, như *xuất ngôn vô độ* (lời nói ra không có sự hạn định, nghĩa là tùy tiện, bừa bãi)

kiến → xây dựng, làm nên, như *kiến lập* (xây dựng, tạo thành)

đãi → chờ đợi, như *thời bất khả đãi* (thời gian không thể chờ đợi được)

tuần → theo, chiều theo, như *mạc tuần nhân tình* (đừng chiều theo tình thường của con người)

luật → luật, điều phải tuân theo, cũng chỉ giới luật nhà Phật, như *Phật tiên chế luật* (Phật trước kia chế định ra giới luật)

hậu → sau, về sau, như *hậu học* (người học sau)

tư → nghĩ, nhớ đến, như *hiểu tịch tư thốn* (sớm tối nghĩ nhớ, suy ngẫm)

đãi → lười biếng, như *giải đãi* (chậm trễ biếng nhác)

cấp → gấp rút, khẩn cấp, như *cấp vụ* (việc khẩn cấp)

oán → thù oán, oán hận, như *oán gia* (kẻ oán thù)

thị → ý lại, nương dựa vào, như *tương hà bằng thị* (biết nương dựa vào đâu)

hoảng → bỗng nhiên, bất chợt, dùng trong từ ghép **hoảng hốt** với nghĩa là nhìn thấy không rõ ràng, đích xác, như **Hoảng hốt nhất sanh tương hà bằng thị**. (Mơ màng thoát chốc qua hết một đời, biết nương vào đâu làm chỗ dựa.)

hằng → thường, như **hằng vi giới luật** (thường phạm vào giới luật)

hồi → tâm ý mê loạn, nghi ngờ không quyết, như **tâm lý hồi hoàng** (trong lòng hoảng sợ, mê loạn nghi ngờ)

hận → oán hận, hờn giận, như **tự hận táo bất dự tu** (tự giận mình sớm không lo trước việc tu hành)

chứng → cứu vớt, như **cầu chứng** (cầu được cứu vớt)

trì → cầm nắm, giữ lấy, như **thọ trì** (nhận giữ lấy), **đĩ thử phù trì** (lấy đó mà giữ gìn nương dựa)

chỉ → chỉ đến, như **chỉ quy** (chỉ về, hướng về)

cố → cho nên, như **cố kinh vân** (cho nên trong kinh nói rằng), **cố tri** (cho nên biết rằng)

thí → cho, bố thí, cúng dường cho chư tăng cũng gọi là **thí**, như **thí lợi nùng hậu** (cúng dường các món lợi rất lớn)

kí → đã, xảy ra rồi, như **lưỡng đồ ký thất** (hai đường đều đã mất, đã thất bại)

ánh → ánh sáng, soi chiếu, như **ánh tể nhất thiết** (soi sáng hết những chỗ khuất lấp)

xuân → mùa xuân, như **xuân sương** (sương mùa xuân)

thị → là, chính là, như **tức thị lai sanh** (tức là đời sau), **tiện ngôn ngữ thị tỳ-kheo** (liền nói rằng ta đây là bậc tỳ-kheo)

khô → khô héo, khô kiệt, như **Khởi khả nhân thiên vật chửng, nhậm kỳ tự khô?** (Lẽ nào do rễ cạn mà không trồng, để cây tự khô chết?)

nhiễm → nhuộm vào, nhiễm vào, như *nhiễm ô* (nhuộm bẩn, làm nhơ nhớp)

đãi → gần như, đến mức, như *đãi bất nhẫn ngôn* (đến nỗi không nỡ nói ra)

tì → dùng trong cụm từ Tỳ-ni để phiên âm tiếng Phạn là Vinaya, tức là Luật tạng.

đồng → chiếu suốt, như *đồng đạt quang minh* (sáng soi khắp nơi)

tân → bến dò, nghĩa bóng chỉ những vị trí quan trọng, cần yếu, như *tân yếu* (những người nắm giữ quyền chính), *huyền tân* (chỗ diệu huyền quan yếu)

lưu → chảy, lưu chuyển, như *châu lưu* (xoay chuyển khắp nơi), *đoạn sanh tử lưu* (cắt đứt dòng sanh tử)

thậm → rất, lắm, như *hạnh thậm* (rất may mắn, rất tốt đẹp)

giới → thế giới, cõi nước, như *tam giới* (ba cõi)

úy → sợ, như *úy nan* (sợ khó khăn)

giai → đều, khắp, như *giai nhân lục tặc* (đều do sáu tên giặc), *giai thị túc thực thiện căn* (đều là nhờ gieo trồng căn lành từ trước)

tướng → 1. cùng nhau, qua lại với nhau, như *tương ưng* (hợp nhau, tương ứng với nhau) 2. **tướng** → hình dạng, tướng mạo, như *tăng tướng* (hình tướng của vị tăng)

tỉnh → tự xét lại chỗ lỗi lầm, sai trái của mình, như *phản tỉnh* (quay lại xét lỗi mình mà sửa đổi)

khán → xem, nhìn, như *khán giả* (người xem), *khán tha thượng lưu* (xem theo những bậc cao thượng khác)

căng → kiêu căng, cao ngạo, như *nhược bất quyên căng*, *thành nan luân hoán* (nếu như không dứt bỏ sự kiêu căng, thật khó mà thay đổi được)

ngiên → xem xét cặn kẽ, nghiên cứu, như *ngiên cơ tinh yếu*
(xem xét cặn kẽ những chỗ cốt lõi tinh yếu)

xuyên → thủng lỗ, như *học xuyên tước phi* (dải lụa thủng lỗ con chim bay qua)

hồng → màu hồng, như *hồng ngâu* (ngó sen hồng)

da → trợ từ cuối câu hỏi, như *Vân hà danh vi tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiếu, thiên, viên da?* (Thế nào gọi là tà vậy, chính đáng, chân thật, dối trá, rộng lớn, nhỏ hẹp, thiên lệch, viên mãn?)

bội → trái nghịch, xung khắc, như *thường tương vi bội*
(thường trái nghịch với nhau)

thai → bào thai, như *hoài thai* (mang thai)

trí → đến cùng, làm xong, như *nhất sanh khả trí* (một đời có thể làm xong)

nhiễm → dùng trong từ ghép *nhãm nhiễm* để nói về thời gian thấm thoát trôi qua rất nhanh, như *nhãm nhiễm nhất sanh thù vô sở ích* (thoắt chốc đã qua hết một đời không được chút ích lợi gì)

cầu → ví bằng, ví như *cầu tri nhi bất hành* (ví như biết mà không làm)

nhược → nếu như, như *nhược bất quyên căng* (nếu như không dứt bỏ sự kiên căng)

khổ → đau khổ, như *lạc thị khổ nhân* (vui là nguyên nhân của đau khổ)

yếu → cần thiết, thiết yếu, như *viễn hành yếu giả lương bằng* (đi xa cần thiết phải có bạn hiền)

kế → lập kế, tính toán, mưu tính, như *kế vô sở xuất* (không nghĩ ra được cách gì), *Thực kế biệt ly chi lệ?* (Ai tính lường được hết nước mắt biệt ly?)

phụ → phụ bạc, phụ rẫy, như *cô phụ tứ ân* (phụ cả bốn ơn)

quỹ → phép tắc, như *quỹ tắc oai nghi* (oai nghi phép tắc)

quân → quân đội, lực lượng, như *ma quân* (lực lượng của ma, nghĩa là những điều xấu ác)

ca → dùng trong phiên âm danh hiệu Phật Śākya *Thích-ca*.

bách → thúc ép, buộc phải làm gì, như *bức bách* (dùng sức mạnh thúc ép buộc phải làm gì)

thuật → soạn thuật, viết ra, như *thuật vi sám-ma* (soạn thành sám pháp)

trọng → nặng, như *trọng xứ thiên trụ* (nghiêng rơi về phía nặng)

lậu → xấu xí, kém cỏi, như *bỉ lậu* (thô lậu kém cỏi)

diện → mặt, quay mặt nhìn, như *xúc sự diện tường* (gặp việc quay mặt vào tường, nghĩa là không biết cách ứng phó)

cách → dẹp, bỏ đi, như *cách chức* (bỏ không cho giữ chức vụ hiện tại nữa), *cách chư ối tộ* (dẹp bỏ những điều tối tệ)

phong → gió, như *xảo phong xuy chi* (gió vừa thổi qua), 2. nền nếp, phong khí, như *thiệu kế môn phong* (nối tiếp nghiệp nhà)

phi → bay, như *tước phi* (chim sẻ bay)

thực → ăn, thức ăn, như *y thực* (chuyện ăn mặc)

thủ → đầu, như *bạch thủ* (bạc đầu)

thừa → chiếc xe, dùng theo nghĩa bóng để chỉ các pháp môn tu tập, như xe chở người, nên *Đại thừa* là pháp cứu độ được nhiều người, *Tiểu thừa* xem việc tự giải thoát là chính, không hướng đến độ thoát tất cả chúng sanh, *thượng thừa* chỉ cho pháp môn rốt ráo cao nhất.

tu → tu sửa, tu tập, như *nỗ lực cần tu* (chuyên cần nỗ lực tu tập), *tu thân* (tu sửa tự thân cho tốt hơn)

câu → đều, đủ cả, cùng nhau, như *tâm cảnh câu quyền* (tâm với cảnh đều cùng quên cả), *phụ mẫu câu tồn* (cha mẹ đều còn đủ cả)

tỉ → khiến cho, như *tỉ đấc Phật nhật trùng huy* (khiến cho mặt trời Phật pháp lại rực sáng)

bội → thêm, hơn nữa, như *bội nan* (càng khó khăn hơn)

đảo → đảo ngược, lộn nhào, như *đảo hạ* (đảo ngược xuống)

ỷ → dựa vào, nương theo, như *kỷ ỷ* (ghế dựa), *ỷ từng chi cát* (dây leo dựa theo cây từng)

phỏng → bắt chước, làm theo, như *phỏng hiệu* (bắt chước theo giống như)

quyện → mỗi mệt, như *yếm quyện* (chán mệt)

cứ → ngông nghênh xác láo, như *duy tri cứ ngạo* (chỉ biết ngông nghênh cao ngạo)

luân → loại, bậc, như *tăng luân* (hàng ngũ những người xuất gia)

trực → gặp gỡ, như *hựu trực thiện hữu* (lại được gặp bạn lành)

kiêm → gồm cả, kèm theo, như *tự tha kiêm tế* (cả mình và người khác đều được cứu độ)

minh → mịt mờ tối tăm, như *đạo lộ minh minh* (đường đi mờ mịt)

đông → nước đông lại (vì lạnh), như *băng đống thủy ngưng* (băng giá vừa đông lại)

cương → bền cứng, dùng trong *kim cương* (kim cương)

nguyên → ban đầu, vốn là, như *phát tâm nguyên vi tu hành* (phát tâm vốn là để tu hành)

bộ → mớm cho ăn, như *nhũ bộ* (bú mớm, chỉ việc mẹ nuôi con)

hạ → mùa hạ, dùng trong *Hoa Hạ* (tên gọi do người Trung Hoa ngày xưa tự xưng)

hể → trợ từ, dùng đặt câu hỏi, như *lâm khát quật tỉnh hề vi?* (lúc khát nước mới đi đào giếng làm gì?)

sa → từ dùng trong phiên âm chữ Sahā Sa-bà, cũng đọc là Ta-bà, chỉ thế giới chúng ta đang sống.

tể → người đứng đầu, giữ chức vụ cao nhất, như *chủ tể* (vị chủ nhân đứng đầu)

gia → nhà, gia đình, như *xuất gia* (lìa bỏ, rời khỏi gia đình), *gia nghiệp* (sự nghiệp của gia đình, nghiệp nhà)

dung → dáng vẻ, như *dung mạo* (vẻ người, vẻ mặt)

khắc → định thời gian chính xác, như *khắc nhật hoàn thành* (định ngày hoàn thành), *ninh khắc* (há định trước được sao?)

nga → cao lớn, cao ngất, như *nga nga tích cốt* (xương chất thành đống cao ngất)

sai → sai lệch, không giống, như *sai biệt* (khác biệt nhau)

sư → thầy dạy, như *minh sư* (bậc thầy dạy sáng suốt), *thế phát bảm sư* (cắt tóc, vâng theo lời thầy, nghĩa là theo thầy học đạo)

tịch → chiếc chiếu, chỗ ngồi, dùng nghĩa bóng chỉ chức vụ hoặc nơi chốn, như *chủ tịch* (người giữ chức vụ đứng đầu), *Tỳ-ni pháp tịch* (nơi đến để học hỏi giới luật)

tọa → chỗ ngồi, dùng chỉ vai vế, cấp bậc, như *thượng tọa* (vị trưởng thượng, cao niên)

đình → sân nhà, như *quảng vũ nhàn đình* (nhà to sân rộng)

đồ → không có gì, như *đồ thủ* (tay không), *đồ tiêu* (mất sạch không được gì)

khủng → sợ, sợ rằng, như *chỉ khủng vạn kiếp thiên sanh* (chỉ sợ trong muôn kiếp ngàn đời)

dạng → bệnh tật, bất ổn, như *vô dạng* (không việc gì, nghĩa là được bình thường)

sỉ → xấu hổ, lấy làm nhục, như *khả tu khả sỉ* (thật đáng thẹn đáng nhục)

ân → ơn, như *tứ ân* (bốn ơn)

tức → 1. hơi thở, như *số tức* (đếm hơi thở), *chuyển tức tức thị lai sanh* (đổi hơi thở đã sang qua kiếp khác) 2. dứt bỏ, cắt đứt, dừng lại, như *hưu tức* (dừng nghỉ), *tức ý vong duyên* (lãng dừng tâm ý, quên hết các duyên)

hối → hối tiếc, ân hận, như *hậu hối nan truy* (về sau hối tiếc khó lòng quay trở lại)

ngộ → hiểu ra, biết rõ được, như *khế ngộ* (hợp ý mà hiểu ra)

chấn → chấn chỉnh, nâng cao lên, như *chấn khởi* (phấn chấn phát khởi)

đỉnh → vượt trội, hơn người, như *thiên đỉnh chi tư* (tư chất trời sinh vượt trội), *đỉnh đặc* (đặc biệt hơn người)

vãn → kéo lại, như *vãn hồi* (kéo lại, làm cho trở lại như xưa)

quyên → dứt bỏ, quên đi, như *tâm cảnh câu quyên* (tâm và cảnh đều quên sạch), *nhược bất quyên căng* (nếu như không dứt bỏ sự kiêu căng)

hiệu → hết sức, đến cùng, như *báo hiệu* (hết sức báo đến)

liệu → tính trước, lường trước sự việc, như *liệu định* (tính trước để quyết định sự việc), *tưởng liệu* (suy xét và tính trước sự việc)

thời → thời gian, lúc, như *hà thời hưu tức* (có lúc nào dừng nghỉ đâu), *thời quang yếm một* (ngày giờ qua đi mất)

yến → yên ổn, bình yên, như *yến nhiên* (yên ổn như vậy)

căn → gốc rễ, căn do, như *thiện căn* (căn lành, nghĩa là những điều thiện đã làm trước đây)

thù → rất, hết sức, như *thù diệu* (rất tốt đẹp)

ân → đầy đủ, như *ân phú* (giàu có thịnh vượng), *thọ dụng ân phồn* (nhận dùng rất nhiều, đầy đủ)

khí → tinh thần, khí lực, như *ý khí* (tâm ý khí lực)

phù → trôi nổi, không chắc chắn, như *thế tợ phù hư* (đời trôi nổi không thật)

hải → biển, như *tứ hải* (bốn biển)

niết → dùng trong phiên âm chữ Nirvāṇa *Niết-bàn*, dịch nghĩa là tịch diệt, chỉ cảnh giới chứng đắc rốt ráo của chư Phật.

tiêu → tiêu mất, tiêu tan, như *đồ tiêu* (tiêu mất chẳng được gì)

thiếp → có liên quan đến, như *bất thiếp đi đến chương* (không liên quan đến kinh điển)

liệt → cứng rắn, không khuất phục, như *liệt sĩ* (người chết vì không chịu khuất phục), *quyết liệt* (quyết tâm mạnh mẽ, không chịu khuất phục, thối chí)

dương → nấu chảy ra, như *dương đồng* (nước đồng sôi, nấu chảy lỏng ra)

đặc → đặc biệt, khác người, như *đặc đạt chi hoài* (hoài bão lớn lao khác người)

châu → hạt châu, loại ngọc quý, như *bảo châu* (châu báu)

lưu → chú ý, để ý đến, như *lưu tâm* (để tâm lưu ý đến điều gì)

súc → súc vật, loài vật, như *súc sanh* (các loài thú nói chung)

bì → mỗi một, như *thăng trầm bì cực* (chìm nổi hết sức mỗi một)

tật → bệnh tật, như *ngọa tật tại sàng* (bệnh nằm tại giường)

bệnh → đau ốm, có bệnh, như *lão bệnh* (già và bệnh)

ích → lợi ích, tăng thêm, như *quảng ích* (rộng làm lợi ích cho nhiều người)

chân → chân thật, như *chân nguyên* (cội nguồn chân thật). Chữ này cũng thường viết là .

phá → phá vỡ, phá tan, như *phá tam giới nhị thập ngũ hữu* (phá tan hai mươi lăm cảnh có trong ba cõi)

thần → thần, trong tinh thần, để chỉ phần ý chí, khí lực của con người, như *uẩn tố tinh thần* (tích chứa sự trong sạch tinh thần)

tiếu → cười, như *khả tiếu khả lân* (đáng cười đáng thương)

phấn → nát nhỏ, bị nghiền nát vụn, như *phấn thân toái cốt* (tan xương nát thịt)

tố → tinh khiết, trong sạch, như *nguyên tố* (chất tinh khiết không pha trộn), *tố tâm* (tấm lòng trong sạch)

phưởng → kéo tơ, kéo sợi dệt vải, như *phưởng chức bất dĩ* (kéo dệt không ngừng)

ông → 1. chỉ người lớn tuổi hoặc có chức vị, có ý tôn quý, như *Diêm ông* (tức Diêm vương); 2. cha, như *cựu thị ông nhi tân tác phu* (trước là cha nay lại làm chồng)

canh → cày ruộng, như *kiệt lực cung canh* (đem hết sức lực tự mình cày ruộng)

năng → có khả năng, có thể làm được điều gì, như *nhược năng bất thối* (như có thể không thối lui), *vị năng đốn siêu* (chưa thể tức thời vượt thoát)

hàng → con thuyền, như *chu hàng* (thuyền bè nói chung)

mang → mịt mờ, không rõ, như *tiền lộ mang mang* (đường phía trước mịt mờ không rõ)

tư → đây, này, ấy..., như *nhân tư bị hoặc* (do nơi đây mà chịu mê lầm)

nhãm → dùng trong cụm từ *nhãm nhiễm* để chỉ thời gian thấm thoát qua nhanh, như *nhãm nhiễm nhất sanh thù vô sở ích* (thấm thoát qua hết một đời thật không chút ích lợi)

hoang → phóng túng, không giữ gìn phép tắc, như *ngôn hành hoang sơ* (lời nói và việc làm phóng túng, lơ đãng)

tảo → sớm, như *tự hận tảo bất dự tu* (tự hận mình sớm không lo tu)

suy → suy yếu, sa sút, như *suy tàn chí thử* (suy kém tàn lụi cho đến mức ấy)

ngật → xong, hết, hoàn tất, như *chu ngật* (khắp thấy trọn thành)
thác → ký thác, nhờ vào, như *phụ thác thẳng nhân* (ký thác nương cậy vào nhân lành cao trổi)

kí → ghi nhớ, như *mạc ký mạc ỨC* (không ghi nhớ, không tưởng đến)

khởi → nghi vấn từ, như *khởi bất kiến* (chẳng thấy hay sao?),
khởi vô ưu cự (không lo lắng sợ sệt hay sao?)

khởi → đứng lên, đứng dậy, như *thực tất tiên khởi* (ăn xong đứng dậy trước)

cung → tự thân làm điều gì, như *cung phùng xá-lợi* (tự thân được gặp xá-lợi Phật)

mê → mê lầm, không biết, không thức tỉnh, như *tùng mê chí mê* (từ mê lầm đến mê lầm)

truy → quay lại chuyện đã qua, như *truy niệm* (tưởng niệm chuyện đã qua),
hậu hối nan truy (về sau hối tiếc khó lòng quay lại được)

thối → lui, lùi lại, như *nhược năng bất thối* (nếu như có thể không thối lui)

đào → trốn, lánh, như *thành nan đào tỵ* (thật khó trốn lánh)

ngịch → trái, ngược, không thuận, như *trung ngôn nghịch nhĩ* (lời nói thẳng trái tai, nghĩa là khó nghe)

huýnh → xa xôi vắng vẻ, cách biệt hẳn, như *quýnh thoát trần thế* (lánh xa chốn trần thế)

châm → cây kim, như *châm toàn* (kim đâm)

trừ → trừ bỏ, dứt bỏ, như *hữu quá bất trừ* (có lỗi không trừ bỏ)

cốt → xương, như *cốt nhục đô mi* (xương thịt đều nát như)

cao → cao, vượt trội hơn, như *cao đức* (có đức độ hơn người),
cao niên (lớn tuổi), *cập chí niên cao lập trường* (cho đến khi tuổi)

đời cao, tuổi hạ nhiều)

quỷ → ma quỷ, như *vô thường sát quỷ* (con quỷ vô thường giết người)

kiến → khô ráo, như *suy kiến khử thấp* (đẩy tới chỗ khô, tránh chỗ ướt)

thúc → rất nhanh, như *thúc hốt* (thoáng chốc), *thúc vãng*
thúc lai (chợt qua chợt lại, nghĩa là di chuyển rất nhanh chóng)

giả → không thật, không đúng, như *giả chúng duyên nhi cộng thành* (các nhân duyên giả hợp mà thành), *giả sử* (chuyện không có thật nhưng đưa ra để ví dụ)

thiên → thiên lệch, nghiêng về một bên, như *trọng xứ thiên trụ* (rơi theo về chỗ nặng nề)

giai → cùng, đều, như *giai chư thiện hữu đồng đạo đạo trường* (cùng các vị thiện hữu đều đến nơi đạo trường)

tố → làm, như *thượng tố phạm phu* (hãy còn làm phạm phu)

đình → dừng lại, như *niệm niệm bất đình* (phút giây không hề dừng lại)

thâu → tạm bợ, qua loa, như *thâu an* (tạm thời an ổn)

ngụy → dối trá, như *đanh chi vi ngụy* (gọi là dối trá)

động → lay động, làm lay động, như *động tha tâm niệm* (làm lay động trong lòng người khác)

húc → khuyến khích, như *giới húc tỳ-kheo* (khuyến khích ngăn ngừa các vị tỳ-kheo)

vụ → việc, sự vụ, như *cấp vụ* (việc gấp rút)

bặc → trong cụm từ *bồ bặc*, xem ở chữ *bồ*.

khu → dùng trong định ngữ *khu khu* (mỏn mọn, nhỏ nhặt)

duy → chỉ, duy nhất, như *duy vi sanh tử* (chỉ vì hiệu sống chết), nghĩa tương tự như chữ .

xướng → nói ra, đề xướng, như *truyền xướng* (nói ra cho nhiều người biết)

thương → buôn bán, như *thương cơ* (khách buôn)

vấn → hỏi, như *bác vấn tiên tri* (rộng hỏi những người đã biết trước)

khải → mở ra, như *khải môn* (mở cửa), *khải sáng* (mở bày ra, sáng lập ra)

đạm → ăn, như *đạm kỳ thân nhi vị thức* (ăn thịt cha mẹ mà không hay biết)

khải → khai mở, làm lộ ra, như *khải ngộ chân nguyên* (mở thấy cội nguồn chân thật)

quốc → nước, như *quốc gia* (nước nhà, chỉ chung cả đất nước), *an quốc* (làm cho đất nước được an ổn)

chấp → nắm giữ, như *chấp trì danh hiệu* (nắm giữ, duy trì nhiệm danh hiệu Phật)

đường → rõ ràng, như *đường đường tăng tướng* (rõ ràng hình tướng một vị tăng)

kiên → cứng chắc, kiên cố, như *nguyện lực tối kiên* (nguyện lực là kiên cố nhất)

bà → dùng trong cụm từ *bà-la-môn* để phiên âm tiếng Phạn là Brāhmana.

phụ → người vợ, như *tích vi mẫu nhi kim vi phụ* (trước kia làm mẹ, nay lại làm vợ)

thực → ai, dùng trong câu hỏi, như *Thực kế biệt ly chi lộ?* (Ai đong lường được lượng nước mắt biệt ly?)

túc → đã có trước đây, xưa kia, như *túc vật* (đồ cũ), *túc thực* *thiền căn* (căn lành đã trồng từ trước)

tịch → lặng lẽ, yên vắng, như *tâm không cảnh tịch* (tâm rỗng rang, cảnh vắng lặng)

khẩu → giặc, kẻ cướp, như *khẩu thù* (giặc thù)

tương → muốn, định làm gì, như *tương vị xuất gia quý cầu y thực* (toan nói rằng xuất gia quý ở việc cầu ăn mặc)

đồ → lò mổ, lò sát sinh, như *khiên thí tựu đồ* (dắt lợn vào lò mổ)

sùng → cao, như *sùng sơn* (núi cao)

đái → đeo, mang theo, như *phi mao đái giác* (mang lông đeo sừng)

thường → thường, lúc nào cũng vậy, như *thường dĩ như thử* (thường lấy việc như thế), *vô thường* (không thường tồn)

dung → tâm thường, như *dung nhân* (người tâm thường), *dung bỉ* (thấp hèn, tầm thường)

trường → họ Trương, như *kim tặc Trương Vương nan ký* (nay thì họ Trương, họ Vương cũng khó nhớ lại)

đắc → được, có được, như *sở đắc* (những gì có được), *nan đắc* (khó được)

tỉ → dời đi, từ nơi này sang nơi khác, như *tần tần thiên tỉ* (luôn luôn dời chuyển)

tùng → từ nơi, do nơi, như *tùng tâm biến khởi* (từ nơi tâm biến hiện ra)

tất → hết thấy, toàn bộ, như *tùng tâm biến khởi tất thị giả danh* (từ nơi tâm biến hiện, hết thấy đều là giả danh)

du → rong chơi, dùng trong *du du* (nhàn rỗi, chẳng có việc gì làm), *du du tốt tuế* (nhàn rỗi đến hết năm)

hoạn → mối lo, sự nguy hại, như *thâm tri quá hoạn* (hiểu thấu sự nguy hại của tội lỗi)

tình → tánh tình, cảm xúc, như *tình tồn thô tháo* (còn giữ những tánh tình thô thiển)

hốt → dùng trong cụm từ *hoảng hốt*, xem ở chữ *hoảng*.

tích → quý tiếc, không muốn để mất, như *khả tích quang âm* (thời gian đáng tiếc, nghĩa là không nên để luống qua vô ích)

duy → chỉ, chỉ có, như *duy nhất* (chỉ có một), *duy tri cứ ngạo* (chỉ biết nông nghênh cao ngạo), nghĩa tương tự như chữ .

xả → bỏ, buông bỏ, như *tâm vô tạm xả* (tâm không lúc nào tạm rời)

tảo → quét dọn, làm sạch, như *tế tảo* (chỉ việc cúng tế tổ tiên và tảo mộ)

quật → đào, như *quật tỉnh* (đào giếng)

tiếp → đón nhận, tiếp đón, như *tiếp dẫn* (tiếp nhận dẫn dắt)

suy → suy luận, suy ra, như *dĩ lý suy chi* (theo lý mà suy)

thố → bắt tay làm việc gì, như *thố thủ bất cập* (ra tay làm không kịp), *cử thố* (chỉ chung mọi hành động, việc làm)

cứu → cứu vớt, cứu giúp, như *cứu độ chúng sanh* (cứu giúp, hóa độ chúng sinh)

sắc → lời dạy, mệnh lệnh phải làm theo, như *đạo sư hữu sắc* (bậc đạo sư đã có lời dạy phải làm theo), chiếu mệnh của vua ban xuống cũng gọi là sắc.

giáo → lời dạy, như *giáo lý* (những điều răn dạy), *Phật giáo* (những điều Phật dạy)

ký → đã là, đã vậy, như *ẩm thực ký tất* (ăn uống đã xong rồi), *bỉ ký trượng phu* (người kia đã là trượng phu)

vãn → muộn, hết, như *niên vãn* (lúc tuổi già), *tuế vãn* (cuối năm)

hối → ẩn, không cho người khác biết đến, như *hối tích thao danh* (ẩn giấu hình tích, tên tuổi)

vọng → mong mỏi, như *phục vọng* (cúi mong)

lương → cái xà nhà, dùng với chữ *đống* (trụ cột) thành cụm từ *đống lương* (cũng dùng *lương đống*) để chỉ người quan trọng, gánh vác

chuyện trọng yếu.

điều → điều khoản, mục trong các văn bản, như *điều chương* (phân thành điều khoản rõ ràng)

khí → bỏ đi, như *hư khí* (luống bỏ đi chẳng được gì), *khí lý* (dứt bỏ rời đi)

dục → muốn, như *nhược dục tham thiền học đạo* (nếu như muốn tham thiền học đạo)

sát → giết chết, như *sát nhân* (giết người)

lệ → nước mắt, như *biệt ly chi lệ* (nước mắt chia ly)

ứ → ứ đọng, như *một tại ứ nê* (chìm lấp trong bùn đọng)

tịnh → trong sạch, như *tịnh như băng tuyết* (trong sạch như băng tuyết)

luân → chìm đắm, như *một hậu trầm luân* (sau khi chết phải bị chìm đắm)

thâm → sâu, như *thâm áo* (sâu xa kín đáo, nghĩa là rất khó hiểu được thấu hết)

uyên → vực sâu, như *mê ngộ thiên uyên* (mê với ngộ một trời một vực)

yêm → mất, như *thời quang yếm một* (thời gian trôi qua mất hết)

thiển → cạn, như *căn thiển* (rễ cạn)

thanh → trong sạch, làm trong sạch, như *thanh ư nhĩ mục* (làm trong sạch tai mắt, nghĩa là chỉ nghe thấy những điều hay lẽ phải)

phanh → nấu, đun cho chín, như *quy chi tương phanh* (con rùa chuẩn bị đem nấu)

yên → sao, trợ từ dùng đặt câu hỏi, như *yên tri thường thọ Phật ân?* (sao biết được thường chịu ơn Phật?)

khiên → dắt, dẫn đi, như *cường giả tiên khiên* (người mạnh dắt đi trước)

lê → 1. cái cày, như *canh dĩ niệ̣m Phật chi lê* (cày bằng lưỡi cày niệ̣m Phật); 2. dùng trong phiên âm chữ niraya nê-lê (địa ngục), như *đọa nê-lê trung* (đọa vào địa ngục)

mãnh → mạnh mẽ, hung hãn, như *mãnh hỏa* (lửa dữ, lửa cháy mạnh)

hiện → hiện nay, như *hiện tiền* (ngay trước mắt)

lý → lý lẽ, điều hợp lý lẽ, như *nghĩa lý* (lý lẽ và ý nghĩa), *giáo lý* (những lý lẽ đưa ra để dạy dỗ)

tất → hoàn tất, làm xong, như *thực tất tiên khởi* (ăn xong đứng dậy trước)

lược → sơ lược, lướt qua, như *lược nhi ngôn chi* (lược nói qua), thường dùng hơn là chữ .

lược → sơ lược, chọn lấy một số điểm cốt yếu nhất, như *sử lược* (chỉ tóm tắt những điểm chính trong lịch sử), *lược thân quản kiến* (trình bày sơ lược chỗ thấy biết hẹp hòi), có khi cũng dùng chữ .

dị → khác, không giống, như *dị tục* (khác với người thế tục)

quyến → thân quyến, người thân, như *quyến thuộc* (họ hàng thân quyến)

nhãn → con mắt, như *thiên nhãn* (mắt trời, phép thần thông nhìn thấu suốt không chướng ngại)

chúng → cũng viết là , chỉ đám đông, số nhiều, như *chúng sanh* (tất cả các loài có sự sống), *chúng duyên* (các duyên), *chúng khổ* (các nỗi khổ não)

tế → cúng tế, như *cung thừa tế tự* (vâng lo việc cúng tế, thừa tự)

di → di chuyển, dời đi, như *thốn bộ bất di* (tấc bước chẳng dời đi)

trất → vướng mắc, như *trất ngại nan hành* (vướng mắc, trở ngại khó đi), *lai thế trất tắc* (đời sau phải vướng mắc, ngăn lấp)

chương → một phần trong văn bản, được chia ra rõ ràng, rành mạch, như *điển chương* (chỉ chung kinh điển), *điều chương* (chỉ chung các điều giới luật)

đệ → thứ hạng, như *đệ nhị nhân duyên* (nhân duyên thứ hai)

lạp → hạt, vật thể nhỏ, như *lạp mễ* (hạt gạo)

thô → thô sơ, như *khứ thô tồn tinh* (bỏ cái thô sơ, còn lại cái tinh tế), dùng trong từ ghép *thô tháo* để chỉ những gì chưa được tinh luyện, làm kỹ, như *tinh tồn thô tháo* (còn giữ những tánh tình thô thiển)

luy → chồng chất thêm lên, như *tích lũy* (gom chứa lại, chồng chất lên nhau ngày càng nhiều)

tế → tinh tế, như *vi tế* (nhỏ nhặt tinh tế), *tử tế* (cẩn thận, kỹ lưỡng từng chút một)

thiệu → nối tiếp, như *thiệu long thánh chứng* (nối tiếp làm hưng thịnh dòng giống thánh, tức là đạo pháp)

chung → kết thúc, hết, như *chung thân lịch kiếp* (trọn đời suốt kiếp)

bán → trói buộc, ngăn trở, như *oanh bán* (trói buộc vây quanh)

tu → hổ thẹn, xấu hổ, như *khả tu* (đáng hổ thẹn)

tập → lặp đi lặp lại nhiều lần để thành quen thuộc, thông thạo, như *học tập* (học biết và tập luyện), *hiệp tập* (thường quen biết gần gũi, làm theo)

thoát → thoát ra khỏi, như *giải thoát* (cứu thoát ra khỏi nơi nào, điều gì), *quỳnh thoát trần thế* (xa rời, thoát khỏi nơi trần thế)

thuyền → con thuyền, như *thừa đại nguyện thuyền* (đi trên con thuyền đại nguyện)

trang → nghiêm trang, kính cẩn, như *trang nghiêm* (trang trọng nghiêm cẩn)

mạc → đừng, không nên, như *mạc đoan mạc tục* (không cắt đứt cũng không nối tiếp), *mạc tuấn nhân tình* (đừng chiều theo tình thường của con người)

mãng → rậm rạp, um tùm, chất đống, như *mãng mãng hoành thi* (thây chất hàng đống)

xứ → nơi chốn, chỗ, như *xứ xứ đồng vi pháp lữ* (ở nơi nào cũng đều làm bạn đồng tu)

hư → 1. không có kết quả gì, uổng, luống, như *thử hành bất hư* (chuyến đi này chẳng uổng công, nghĩa là có kết quả), *hư triêm tín thí* (uổng nhận của tín thí, nghĩa là nhận hưởng mà không làm được gì), *thời quang diệc bất hư khí* (thời gian cũng không luống mất) 2. trống không, giả dối không thật, như *thế tự phù hư* (đời chỉ là phù phiếm không thật)

ca → dùng trong phiên âm chữ kaṣāya *ca-sa*, như *ca-sa bị thế* (thân khoác áo ca-sa)

bị → bị, chịu, như *hoặc bị khinh ngôn* (hoặc bị người khinh chê)

nhạ → lấy làm lạ, ngạc nhiên, như *cảm thương thán nhạ* (lạ lòng thương cảm biết bao)

phóng → tìm cầu, như *tảo phóng minh sư* (sớm tìm cầu bậc thầy sáng suốt)

tham → tham, ham muốn, như *tham luyến thế gian* (ham muốn lưu luyến chốn thế gian)

trái → trách móc, như *tiện trách hậu sanh vô lễ* (liền trách kẻ hậu sanh vô lễ)

đam → mê đắm, như *đam lạc* (mê vui), *đam vị bất hưu* (mê đắm mùi vị không thôi)

trục → tranh giành, theo đuổi để có được, như *tận trục lợi danh* (toàn là mưu cầu danh lợi)

đồ → đường lối, đường đi, như *quy đồ* (đường vẽ), *xúc đồ thành trệ* (đường đi đến phải ngưng trệ)

giá → này, đây, như *giá bên na bên kia* (bên này bên kia)

thông → thông suốt, như *chỉ vì cứu trệ bất thông* (chỉ là ngăn ngại lâu ngày không thông suốt)

tốc → nhanh chóng, như *tấn tốc* (hết sức nhanh chóng)

tạo → làm ra, gây nên, như *hiếu tịch tạo ác tức mục giao báo* (sớm tối làm việc ác tức nhận lấy quả báo ngay trước mắt)

phùng → gặp gỡ, như *cung phùng xá-lợi* (tự thân được gặp xá-lợi Phật)

đô → đều, thảy, như *dung mạo đô vong* (dung mạo đều quên mất cả)

dã → thô lỗ, không thuần thực, như *thuyết thoại thái dã* (ăn nói hết sức thô lỗ), *sơ dã* (buông lung thô lỗ)

bồi → nương theo, cùng theo, như *ngã bồi nhĩ chí* (tôi cùng đi theo với anh), *phụng bồi* (kính hầu theo), *thao bồi* (lạm được nương theo, cách nói khiêm tốn, tự cho là mình không xứng được)

âm → bóng mặt trời, nghĩa bóng chỉ thời gian, như *bất quý thốn âm* (không quý trọng tắc bóng trôi qua, nghĩa là bỏ phí thời gian)

trần → trình bày, bày tỏ, như *phi kinh bất năng trần thử sự* (ngoài kinh điển ra thì không đâu nói rõ được chuyện này)

tước → con chim nhỏ, chim sẻ, như *hộc xuyên tước phi* (dải lụa thủng lỗ con chim bay qua)

tuyết → tuyết, hơi nước đông lại thành tuyết khi trời quá lạnh, như *băng tuyết* (tuyết và băng)

đỉnh → nơi cao nhất, đỉnh, như *tất cùng kỳ đỉnh* (phải lên đến tận đỉnh)

bàng → dựa theo, nương theo, như *đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ* (luận bàn phải dựa theo những chuyện tích xưa), *y bàng* (nương

tựa vào)

bị → đủ, như *bị thọ chư khổ* (chịu đủ các khổ não)

hiệu → giống như, như *phỏng hiệu* (bắt chước theo giống như)

cát → cắt đứt, như *cát liệt* (cắt xé ra)

sang → mới, khởi đầu, như *sáng tạo* (vừa mới làm ra lần đầu),
khải sáng (khai mở lần đầu tiên)

thắng → hơn xa, hơn hết, như *thắng cảnh* (cảnh đẹp hơn xa những nơi khác),
thắng nhân (tác nhân cao trỗi hơn hết, nghĩa là điều có thể nhân nơi đó nương theo mà được tiến bộ, lợi lạc, dùng để chỉ giáo lý do Phật truyền dạy)

lao → nhọc nhằn, lao nhọc, như *đồ lao* (nhọc nhằn vô ích)

bác → rộng, như *uyên bác* (kiến thức sâu rộng), *bác vấn tiên tri* (rộng hỏi những bậc đã biết trước)

tham → xem để tìm hiểu, học hỏi, như *tham khán* (tìm xem, tham khảo thêm), *tham thiền* (học hỏi phép tu thiền, tu thiền)

thiện → tốt, lành, như *thiện căn* (căn lành, nghĩa là những điều tốt đã làm để mang lại quả báo tốt đẹp), *thiện giả* (người tốt, người hiền)

huyên → huyên náo, ồn ào, như *huyên hiêu chỉ tuyệt* (dứt sạch những sự ồn ào nhiễu loạn)

khiết → ăn uống, như *khiết dụng thường trụ* (ăn dùng của thường trụ, tức là của Tam bảo)

dụ → dụ, so sánh để làm rõ, như *khâu sơn nan dụ* (gò núi cũng khó so sánh được)

kham → có thể, như *Phật đạo kham thành* (Phật đạo có thể thành tựu)

báo → báo đáp, đền đáp, như *dụng báo tứ ân* (dùng để báo đáp bốn ơn)

trường → nơi tụ họp đông người để làm gì, như *đạo trường* (nơi tu tập của nhiều người)

áo → kín đáo, uyên áo, không dễ hiểu được, như *thâm áo* (sâu kín khó hiểu)

hàn → lạnh, như *hàn tâm* (lạnh trong lòng, rùng mình)

tôn → kính trọng, như *tôn trọng* (cung kính, quý trọng)

tâm → 1. đơn vị đo chiều dài thời trước, bằng 8 thước cổ, như *thượng tủng thiên tâm* (lên cao ngàn tâm) 2. dùng với chữ *thường* là một đơn vị khác, bằng 2 thước cổ, thành từ ghép *tâm thường* để chỉ một chỗ đất rất nhỏ, nghĩa bóng là vật hay người bình thường, nhỏ nhặt, không mấy giá trị. 3. tìm kiếm, như *ôn tâm bố thí diệp* (ôn tìm kinh điển)

tựu → đến, tới, như *khứ tựu quai giác* (đến đi không theo phép tắc)

xí → tham gia, dự phần vào, như *lạm xí tăng luân* (không xứng mà đứng vào hàng ngũ tăng chúng)

cường → mạnh, như *cường giả* (người có sức mạnh)

phục → trở lại, như *phục thư* (viết thư trả lời), *nhất thất nhân thân vạn kiếp bất phục* (một khi đã mất thân người, vạn kiếp không trở lại)

tuần → dùng trong *nhân tuần* để chỉ sự rứt rề, lưỡng lự, lẩn lữa không chịu thực hiện điều gì

bi → buồn thương, như *bi thống* (đau thương)

hoặc → mê hoặc, mê lầm, như *kiến hoặc* (chỗ thấy mê lầm), *nhân tư bị hoặc* (do nơi đây mà bị mê lầm)

ác → ác, xấu, như *ác giả* (người ác), *tạo ác* (làm việc ác)

nọa → biếng nhác, như *dung đọa* (uể oải lười nhác)

não → buồn bực, như *phiền não* (buồn phiền khó chịu)

hồng → hoảng hốt sợ hãi, như *tâm lý hồi hoàng* (trong lòng hoảng sợ, mê loạn nghi ngờ)

đề → dùng trong từ ghép để phiên âm chữ bodhi *Bồ-đề*, như *Bồ-đề đạo thành* (thành tựu đạo Bồ-đề)

dương → khen ngợi, như *xưng dương* (ngợi khen xưng tụng), *phu dương* (khen ngợi rộng ra khắp nơi)

huy → dùng trong cụm từ *huy hoắc* để chỉ khoảng thời gian thay đổi trong chớp nhoáng, nhanh chóng, như *lâm hành huy hoắc* (giờ ra đi chỉ trong thoáng chốc, ý nói đến lúc lâm chung)

tư → này, đây, như *tư vấn* (bài văn này), *cảm tư dị báo* (cảm ứng được quả báo khác thường này)

phổ → rộng khắp, như *phổ độ chúng sanh* (cứu độ khắp hết chúng sanh)

trí → trí sáng suốt, trí tuệ, như *bi trí song vận* (vận dụng cả bi lẫn trí)

tằng → đã từng, như *vị tằng* (chưa từng), *bất tằng* (chưa bao giờ), *tằng vị thao bồi* (chưa từng lạm được nương theo)

tối → cao nhất, hơn hết, như *tối diệu tối huyền* (huyền diệu hơn hết)

triêu → buổi sáng, như *triêu tồn tịch vong* (sáng còn tối mất)

kì → mong mỏi, kỳ vọng, như *tâm kỳ Phật pháp đống lương* (trong lòng mong mỏi trở thành rường cột trong Phật pháp)

cức → gai góc, dùng trong cụm từ *kinh cức* để chỉ sự gian khó, hiểm trở

đống → cột nhà, dùng trong cụm từ *đống lương* (cũng dùng *lương đống*) để chỉ người gánh vác được trách nhiệm nặng nề, quan trọng.

oản → chén, bát nhỏ, như *nhất oản phạm* (một chén cơm), *oản bát tác thanh* (chén bát khua động thành tiếng)

trị → trồng cây, nghĩa bóng chỉ việc làm điều gì mang lại kết quả sau này, như *túc thực thiện căn* (vốn đã gieo trồng căn lành từ trước)

khi → lẩn át, coi thường ai, như *trượng thế khi nhân* (ỷ thế lẩn át người), *khinh khi* (khinh rẻ coi thường)

tàn → tàn lụi, như *suy tàn* (suy kém lụi tàn)

xác → thân xác, thể xác, như *thoát xác* (ra khỏi xác)

ôn → ôn lại, học lại chuyện cũ, như *ôn cố tri tân* (ôn lại chuyện cũ biết được chuyện mới), *ôn tâm bối diệp* (ôn tìm kinh điển)

trắc → lường, ngờ trước, như *bất trắc* (không ngờ trước được)

hạt → khát nước, như *lâm khát quật tỉnh* (lúc khát đào giếng - ý nói việc quá chậm trễ, không còn kịp nữa)

thấu → dùng trong cụm từ *thấu bạc* với nghĩa là hội ý, hiểu thấu, như *Tổ sư ý tuấn ngạnh cô tiếu, hữu như kỳ bình sanh nan ư thấu bạc*. (Ý tổ sư cao vút bí hiểm, như có đem cả đời ra cũng khó mà hiểu thấu. - Đại Quang Minh Tạng), *Trực hạ tiệt đoạn cát đằng, hậu học sơ cơ nan vi thấu bạc*. (Xuống tay dứt tuyệt bao ràng buộc, người sau mới học dễ thấu đâu? - Cảnh Đức Truyền Đăng Lục), *thả mặc tương tâm thấu bạc, dẫn hướng tự kỷ tánh hải như thật nhi tu* (đừng dùng tâm để mong hiểu thấu, chỉ cần hướng vào tự tánh minh mông chân thật của mình mà tu - Cảnh Đức Truyền Đăng Lục), *tương tâm thấu bạc* (dùng tâm để hiểu thấu)

quy → tên núi, là ngọn *Quy Sơn* nơi ngài *Linh Hựu* giảng dạy giáo pháp, nhân đó lấy làm danh xưng của ngài là *Quy Sơn Linh Hựu*, sau cũng dùng trong tên của tông phái do ngài mở đầu là tông *Quy Ngưỡng*.

tư → thêm, càng hơn nữa, như *tích tụ tư đa* (gom góp lại ngày càng nhiều hơn nữa)

vô → không, không có, như *vô nhân kế ngộ* (không do đâu để hợp ý mà hiểu ra), *tăng thế toàn vô* (hoàn toàn không có dáng vẻ một vị tăng)

nhiên → như thế, như vậy, như *yến nhiên* (yên ổn như thế),
nhân quả lịch nhiên (nhân quả rõ ràng như vậy)

vi → 1. là, làm, như *chỉ vi cứu trệ bất thông* (chỉ là ngăn ngại
lâu không thông suốt), *xứ xứ đồng vi pháp lữ* (ở đâu cũng cùng làm
bạn tu với nhau) 2. **vị** → vì, bởi vì, như *cái vị sơ tâm dung đọa* (đều
vì lúc phát tâm ban đầu uể oải lười nhác), *xuất một vị tha tác tắc*
(lúc hiện lúc ẩn đều vì người khác mà làm khuôn phép, nghĩa là nêu
gương cho người khác noi theo)

ối → hèn, xấu, thấp kém, như *cách chư ối tệ* (đẹp bỏ những
điều tồi tệ)

do → hãy còn, vẫn còn, như *do bất xứng tâm* (hãy còn chưa
vừa ý)

sơ → thưa thớt, có ít, như *Phật pháp sanh sơ* (pháp Phật chỉ có
ít người hiểu được)

thống → đau đớn, nỗi đau, như *thống bất khả ngôn* (đau đớn
không nói hết)

đăng → lên, bước lên, như *đăng quang* (lên ngôi vua), *tài
đăng giới phẩm* (vừa mới bước lên hàng giới phẩm, nghĩa là mới thọ
giới)

phát → 1. phát khởi, đưa ra, như *phát túc siêu phương* (cất
bước vượt lên chỗ cao xa) 2. vạch ra, làm lộ rõ, như *phát quật* (khai
quật lên), *phát môn* (vạch rõ chỗ tối tăm)

đẳng → cùng, đều là, như *bất khả đẳng nhàn quá nhật*
(không thể cùng nhàn nhã để ngày trôi qua)

đáp → báo đáp, trả lại, như *thù đáp* (đền đáp lại)

sách → cái roi để thúc ngựa, nghĩa bóng chỉ sự thúc giục, khuyến
khích, như *thời thời cảnh sách* (thường xuyên răn dạy khuyến khích)

chúc → cháo, như *nhị thời chúc phạn* (hai bữa cơm cháo)

kết → bó lại, đọng lại, như *thanh liên nhị kết* (sen xanh bó nhị)

tuyệt → dứt hẳn, như *chỉ tuyệt* (ngăn lại và dứt sạch)

cấp → cấp cho, cung cấp, cung ứng cho việc gì, như *tế tảo bất cấp* (việc cúng tế, tảo mộ không lo)

ti → tơ, sợi tơ, như *thốn ti* (một tấc tơ)

kinh → cây mận gai, dùng với chữ *cúc* để chỉ chung sự khó khăn, ngăn trở, như *kinh thiên cúc địa* (khắp nơi đều chông gai ngăn trở, ý nói thời loạn lạc), *khứ kỳ kinh cúc* (quét sạch hết những sự khó khăn, ngăn trở)

bồ → dùng trong từ ghép *Bồ-đề* để phiên âm chữ *bodhi*.

hoa → bông hoa, như *hoa khai* (hoa nở)

hư → 1. trống rỗng, như *hư không* (khoảng không trống rỗng); 2. thiếu thốn, như *cơ hư* (đói thiếu)

liệt → xé ra, làm rách ra, như *cát liệt* (cắt xé)

tố → nói cho biết, như *cơ hư an tố?* (đói thiếu ai nói cho biết?)

quý → quý trọng, quý ở, cốt ở, như *quý cầu y thực* (quý cầu ở việc ăn mặc)

phí → chi phí, tốn kém cho việc gì, như *thân khẩu sở phí* (phí tổn cho việc ăn mặc)

sấn → đua theo, đuổi theo, như *nhất kỳ sấn lạc* (đua vui trong chốc lát)

siêu → vượt qua, vượt trội, như *siêu đẳng* (vượt hơn tất cả), *đốn siêu phương tiện chi môn* (tức thời vượt qua các phép tu phương tiện)

việt → dùng trong cụm từ *đàn việt* để dịch tiếng Phạn là *dānapati*, cũng phiên âm là *đàn-na*, chỉ những người phát tâm cúng dường cho chư tăng.

đà → dùng trong cụm từ *sa đà* để chỉ việc lần lữa bỏ phí thời gian, như *tuế nguyệt sa đà* (năm tháng lần lữa trôi qua, nghĩa là chẳng làm được việc gì hữu ích)

hoán → thay đổi, sửa đổi, như *luân hoán* (chuyển đổi)

tấn → tiến bộ, tiến tới, như *tiến đạo nghiêm thân* (lấy việc tiến bộ trên đường đạo mà làm đẹp cho mình)

dật → nhàn rỗi, không phải làm việc gì, như *dĩ bỉ lao nhi cung ngã dật* (lấy sự nhọc nhằn của người khác để cho ta được nhàn rỗi)

hương → quê hương, người cùng quê hương, như *hương đảng* (xóm giềng thân tộc)

lượng → đo lường, liệu lường, như *kinh vô lượng kiếp* (trải qua vô lượng kiếp, nghĩa là không thể tính lường được)

độn → chậm lụt, trì độn, như *ngu độn* (ngu si chậm hiểu)

khai → mở rộng, như *khai đặc đạt chi hoài* (mở rộng hoài bão đặc biệt khác người)

nhàn → to lớn, rộng, như *nhàn đình* (sân rộng), đôi khi cũng dùng như chữ .

nhàn → nhàn rỗi, không làm gì cả *đẳng nhàn quá nhật* (cùng nhàn nhã để ngày trôi qua)

gian → trong khoảng, ở giữa, như *thế gian* (ở trong cõi thế), *nhất sát-na gian* (trong khoảng thời gian một sát-na)

long → làm cho hưng thịnh, phát triển, như *thiệu long thánh chửng* (nối tiếp làm hưng thịnh dòng giống thánh)

giai → bậc thêm, đường lối để dẫn đến nơi nào, nghĩa bóng chỉ phương thức để đạt được điều gì, như *xuất trần giai tiệm* (chỗ nương theo để dần dần ra khỏi trần tục)

thuận → thuận theo, hợp với, như *thanh hòa hưởng thuận* (âm thanh hài hòa thì tiếng vọng thuận theo)

tu → nên, như *hựu tu dĩ Phật pháp vi tiên sách* (lại nên dùng pháp Phật làm ngọn roi thúc giục)

phạn → cơm, như *chúc phạn* (cơm cháo)

ấm → uống, như *dương đồng nan liệu khát, ấm chi tấc cốt nhục đô mi* (nước đồng sôi không giải cơn khát, uống vào liền

xương thịt nát nhừ)

hắc → màu đen, đen tối, như *hắc tâm* (lòng dạ đen tối, độc ác),
hắc môn (cửa địa ngục)

loạn → rối loạn, lộn xộn, như *hội loạn* (võ tung hỗn loạn)

ngạo → cao ngạo, như *duy tri cú ngạo* (chỉ biết nông nghênh
cao ngạo)

truyền → truyền trao, truyền lại, như *truyền xướng* (truyền nói
ra)

trái → món nợ, như *phụ trái* (mắc nợ, mang nợ)

thương → có lòng thương, như *cảm thương thán nhạ* (lạ lòng
thương cảm biết bao)

cần → chỉ là, chẳng qua, như *cần năng tự lợi* (chỉ có thể làm
lợi riêng mình)

cần → chuyên cần, siêng năng chăm chỉ, như *sự nghiệp bất
cần* (sự nghiệp không chuyên cần)

tự → nối dõi, nối dòng, như *tự tử* (con nối dòng), *kế tự* (nối
tiếp dòng dõi)

hào → kêu la, gọi lớn, như *khiếu hào chi thảm* (kêu gào thảm
thiết)

viên → hình tròn, dùng trong thụy hiệu vua ban cho ngài *Linh
Hựu* là *Đại Viên Thiển sư*.

tháp → ngọn tháp, như *cửu tầng chi tháp* (ngọn tháp cao chín
tầng)

tắc → ngăn kín, bít lấp, như *lai thế trất tắc* (đời sau phải
vướng mắc, ngăn lấp)

vi → rất nhỏ, như *hiển vi* (làm rõ những vật rất nhỏ, kính phóng
đại thường gọi là kính hiển vi), *vi tế* (rất nhỏ nhặt tinh tế)

tưởng → suy tưởng, suy nghĩ, như *tưởng liệu* (suy tính liệu
lường)

sầu → lo lắng, như *hà sầu thối chuyển* (lo gì sự thối chuyển)

mẫn → xót thương, như *tự mẫn mẫn tha* (thương mình thương người)

ý → ý nghĩ, tâm ý, như *tức ý vong duyên* (lãng quên tâm ý, quên hết các duyên)

ngu → ngu dốt, như *ngu si* (ngu dốt si mê)

ái → yêu thương, ái luyến, như *xuất ái dục hải* (ra khỏi biển ái dục)

cảm → 1. tình cảm, cảm xúc, như *cảm thương* (thương cảm) 2. cảm ứng, chiêu cảm, như *cảm tư dị báo* (chiêu cảm được quả báo khác thường ấy)

quý → xấu hổ, hổ thẹn, như *khởi bất khả quý tai* (lẽ nào không đáng hổ thẹn lắm sao?)

từ → lòng từ, lòng thương, như *từ bi* (tâm từ và tâm bi)

tập → chế phục, chặn đứng, dùng trong *tập liễm* để chỉ việc chế phục, thâm nhiếp tâm ý.

tổn → hao tổn, mất mát, như *đại tổn* (mất mát lớn lao)

sưu → tìm kiếm, như *trình sưu* (tìm kiếm thật kỹ lưỡng)

kính → kính trọng, như *bất kính* (không kính trọng). Trong thái độ đối với người khác, giữ cho dáng vẻ nghiêm trang kính cẩn gọi là *cung*; giữ cho trong lòng không một chút khinh nhờn gọi là *kính*. Nên nói *cung kính* là hàm ý đủ cả trong lòng, ngoài mặt đều kính trọng.

tân → mới, như *tân học* (người mới học)

hội → hội lại, hợp lại, như *hội ngộ* (gặp gỡ, hội lại một nơi)

nghiệp → 1. nghiệp quả, những điều đã làm từ trong quá khứ mang lại kết quả trong hiện tại, như *nghiệp hệ thọ thân* (nghiệp quả trôi buộc mà có thân này), *thức tâm tùy nghiệp* (tâm thức theo nơi nghiệp lực dắt dẫn) 2. sự nghiệp, thành quả đã làm ra được, như *gia nghiệp*

(cơ nghiệp của gia đình), *diệc lai nghiệp vô từ* (sự nghiệp sau này cũng không có ích lợi)

cực → khốn khổ, cực nhọc, như *bì cực* (mỗi một cực nhọc)

tuế → năm, như *tuế nguyệt sa đà* (năm tháng lần lữa trôi qua)

hủy → hủy bỏ, phá hủy, như *hủy phạm* (phá bỏ, phạm vào [giới luật])

nguyên → cội nguồn, như *chân nguyên* (cội nguồn chân thật)

diệt → diệt, dứt mất không còn, như *chánh pháp, tượng pháp giai dĩ diệt tận* (chánh pháp, tượng pháp đều đã diệt mất)

thao → tràn ngập, đầy dẫy, như *thao thao* (mênh mông), *cử mục thao thao* (nhìn ra khắp nơi)

tiên → nấu, đun, như *tiên ngao* (đun nấu)

phiền → làm phiền, gây phiền nhọc cho người khác, như *tần phiền ngục tốt bì lao* (nhiều phen phiền đến ngục tốt phải nhọc sức)

đương → 1. nên, như *đương tri* (nên biết rằng); 2. hiện nay, như *đương thế* (đời nay)

minh → thể ước cùng chung làm điều gì, như *liên minh* (tổ chức liên kết cùng nhau), *đồng minh* (tổ chức cùng mục đích), *liên xã tông minh* (hợp nhau cùng nguyện tu tập niệm Phật)

đổ → xem, nhìn, như *vị đổ Phật kinh* (chưa xem kinh Phật)

toái → nát vụn, tan nát, như *phấn thân toái cốt* (tan xương nát thịt)

bẩm → 1. nhận, có được, như *thiên bẩm* (tính trời cho, nghĩa là tự nhiên sinh ra đã có), *bẩm phụ mẫu chi di thể* (có được thân thể do cha mẹ truyền lại cho) 2. vâng lời, nghe theo, như *bẩm thừa* (vâng lệnh), *thế phát bẩm sư* (cạo tóc nghe theo thầy, nghĩa là theo thầy học đạo)

quật → hang, động, như *thiết quật* (hang sắt)

kinh → 1. trải qua, như *động kinh niên tải* (trải qua nhiều năm) 2. kinh điển, như *kinh vân* (trong kinh nói rằng)

tội → tội lỗi, như *tiểu tội* (tội nhỏ nhặt), *trọng tội* (tội nặng)

trí → đặt để, làm cho, như *trí chi vô dụng* (làm cho thành vô dụng)

nghĩa → ý nghĩa, như *liễu nghĩa* (hiểu rõ ý nghĩa)

thánh → bậc thánh, trong văn này chỉ đức Phật, như *khứ thánh thời diêu* (thời của bậc thánh đã qua lâu rồi, tức là cách xa thời Phật ra đời)

trường → ruột, như *can trường* (gan ruột)

phúc → bụng dạ, tâm lòng, như *không phúc cao tâm* (trong lòng trống rỗng mà tâm ý cao ngạo)

vạn → vạn, mười ngàn, dùng với nghĩa tượng trưng để chỉ số lượng rất nhiều, như *vạn pháp* (tất cả các pháp), *vạn vật* (hết thảy sự vật)

lạc → rơi rụng, rơi rớt, như *đọa lạc* (sa đọa xuống)

diệp → lá cây, như *bối diệp* (lá cây bối), ngày xưa dùng để ghi chép kinh điển, nên bối diệp dùng để chỉ cho kinh điển.

cát → dây sắn, dây leo, như *ý từng chi cát* (dây leo dựa theo cây từng)

ngu → mối lo, sự lo lắng, như *thối thất chi ngu* (mối lo sợ thối chuyển, lui sụt)

hiệu → tên hiệu, danh hiệu, xưng tên là, như *thiền hiệu sa-môn* (hổ thẹn xưng là sa-môn)

quyên → con bọ, loài vật nhỏ có thể động đậy, nghĩa là có sự sống, như *nhu động quyên phi* (chỉ chung các loài động vật bò, bay, máy cựa...)

lý → bên trong, như *thủ lý* (trong tay), *tâm lý* (trong lòng, ta dùng chữ này chỉ chung về những gì liên quan đến tình cảm, cảm xúc)

sa → dùng trong phiên âm chữ kaṣāya *ca-sa*, như *ca-sa bị thế* (thân khoác áo ca-sa)

giải → phân tích để hiểu rõ, như *tường giải* (giải thích thật tường tận), *bất giải* (không tìm hiểu rõ)

tuân → hỏi, nhờ người khác nói cho mình biết điều chưa biết, như *tư tuân* (bàn luận, thưa hỏi)

thoại → câu chuyện, lời nói, như *đối thoại* (nói chuyện với nhau), *tạp thoại* (câu chuyện hỗn tạp, lộn xộn không chủ đích, không đề mục, thường là vô bổ)

cai → đó, ấy, như *cai xứ* (nơi đó), *cai nhân* (người ấy)

thành → thật, thật sự là, như *thành nan* (thật sự là khó)

tư → số tiền tiêu dùng, như *nhật dụng số tư* (chi tiêu trong ngày)

cổ → cửa hàng, việc bán hàng. Dem hàng đi bán gọi là *thương*, bán hàng tại cửa hàng gọi là *cổ*, nên *thương cổ* chỉ chung việc buôn bán, người đi buôn bán, doanh nhân.

tặc → kẻ giặc, như *tróc tặc* (bắt kẻ giặc), *lục tặc* (sáu tên giặc)

tích → dấu chân, vết tích, hình tích, như *hối tích thao danh* (che giấu hình tích của mình không cho ai biết đến)

lộ → đường đi, như *tiền lộ mang mang*, *vị tri hà vãng* (đường phía trước mặt mờ, chưa biết về đâu)

tải → năm, cùng nghĩa như chữ *niên* nhưng hay dùng chung với nhau trong văn, như *tam niên ngũ tải* (chừng năm ba năm), *động kinh niên tải* (trải qua nhiều năm), *thiên tải nhất thời* (ngàn năm mới có một lần)

bức → ép, đè ép, như *bức bách* (thúc ép, bức bách)

toại → xong việc, kết cục, như *toại sự bất gián* (việc đã xong rồi không can gián nữa), *toại thành* (rốt cục thành ra)

ngộ → gặp gỡ, như *hội ngộ* (gặp gỡ, hội lại một nơi)

du → rong chơi, lông bông không mục đích, như *du du tốt tuế* (rong chơi nhàn rỗi suốt năm)

vận → vận dụng, sử dụng, như *bi trí song vận* (vận dụng cả bi và trí)

biến → lượt, một lần trải qua hết cái gì, như *vạn biến* (muôn lần). Tụng trì kinh, chú, mỗi lần hết một câu, một quyển cũng gọi là một *biến*.

quá → 1. trôi qua, như *mạc không quá nhật* (đừng để ngày trôi qua vô ích) 2. tội lỗi, lỗi lầm, như *cải quá* (sửa lỗi), *quá hoạn* (mối nguy hại của tội lỗi)

đạo → đạo, đường tu tập, như *Phật đạo* (đạo Phật), *huyền đạo vô nhân kế ngộ* (đạo nhiệm mầu không nhân đâu để hợp ý hiểu ra)

đạt → thông suốt, không ngăn ngại, như *trực đạt* (thẳng suốt), *đắc đạt chi hoài* (hoài bão rộng lớn khác người)

vi → trái nghịch, chống lại, như *thường tương vi bội* (thường trái nghịch chống lại nhau)

thù → đền đáp, như *thù tạ* (trả ơn, trả công), *thù báo tứ ân* (báo đáp bốn ơn)

bát → cái bát, bình bát để xin cơm của người xuất gia, như *oản bát tác thanh* (chén bát khua động thành tiếng)

cách → cách trở, ngăn cách, như *cách thế* (cách đời, nghĩa là thuộc đời sống khác trước đây)

dự → dự phòng, chuẩn bị trước khi việc gì xảy ra, như *dự án* (bản sắp xếp phân bố công việc trước khi thi hành), *dự tu* (lo tu tập từ trước, nghĩa là khi còn chưa quá muộn)

đốn → tức thời, ngay lập tức, như *đốn khởi* (thình lình phát khởi ra), *đốn siêu* (tức thời vượt qua)

tượng → tương tự, giống nhưng không còn như thật, đây chỉ thời *tượng pháp*, nghĩa là khi mà giáo pháp vẫn còn tồn tại nhưng không hoàn toàn giống như lúc Phật tại thế, chỉ còn tương tự mà thôi, như *tượng quý* (cuối thời tượng pháp)

tăng → người xuất gia, vị tăng, như *tăng luân* (hàng ngũ những người xuất gia)

yếm → chán, không ưa thích nữa, như *yếm quyền* (chán nản mỗi một)

thường → từng, đã từng, như *vị thường văn chi hỹ* (chưa từng nghe qua việc ấy), *vị thường phản tỉnh* (chưa từng nhìn lại chính mình)

đồ → mưu việc, tính việc, như *đồ hộ* (mưu tính chuyện giúp đỡ, bảo vệ)

trần → trần tục, trần thế, như *tuần trần* (thuận theo trần tục)

cảnh → cảnh sắc, những gì nhìn thấy quanh ta đều gọi chung là cảnh, như *tâm không cảnh tịch* (tâm trống rỗng, cảnh lặng yên)

thọ → tuổi thọ, sống được, như *Tứ thiên vương thọ ngũ bách tuế* (chư thiên cõi trời Tứ thiên vương sống được 500 năm)

mộng → mộng, giấc mơ, như *ác mộng* (giấc mơ dữ, nghĩa là thấy những điều ghê sợ); những gì không thật có gọi là mộng, như *mộng trạch* (căn nhà mộng, nghĩa là hư huyền, giả dối không thật)

sát → xem xét kỹ để tìm sai phạm, lỗi lầm, như *kiểm sát* (kiểm tra xem có lỗi hay không), *giác sát* (xem xét phát hiện ra lỗi)

thật → có thật, đúng thật, như *tận tri bất thật* (biết rõ là không thật)

ninh → nghi vấn từ, như *ninh khả dĩ nhượng da* (há có thể nhường được sao?), *ninh khả* (há định trước được sao?)

đối → qua lại với nhau, như *đối chất* (xét hỏi qua lại với nhau, nghĩa là bên nào cũng có hỏi và có trả lời), *dữ chư trần tác đối* (cùng qua lại với các trần)

tế → xấu xa, tệ hại, như *cách chư ổi tệ* (đẹp bỏ những điều tồi tệ)

thảm → thảm thiết, đáng thương tâm, như *khiếu hào chi thảm* (khóc gào thảm thiết)

chương → dùng trong cụm từ *chương hoàng* để chỉ tâm trạng rất sợ sệt.

dong → uể oải, không muốn làm việc, như *dung đọa* (uể oải lười nhác)

bàn → dùng trong từ ghép *Niết-bàn* để phiên âm chữ Nirvāna, chỉ cảnh giới tịch diệt giải thoát rốt ráo của chư Phật.

trệ → ngưng trệ, vướng mắc, như *xúc đồ thành trệ* (đường tới phải vướng mắc ngưng trệ)

mãn → đầy đủ, trọn vẹn, như *nhân viên quả mãn* (nhân quả tròn đầy trọn vẹn)

tiệm → dần dần, từ từ, như *tiệm tu* (tu tập dần dần, nghĩa là tiến bộ dần dần), *xuất trần giai tiệm* (thêm bậc để dần dần ra khỏi trần tục)

nhĩ → vậy, ấy... như *nhĩ thời* (vào lúc ấy), *ngã diệc nhĩ* (ta cũng vậy)

ngục → nơi giam nhốt người có tội, như *lao ngục* (nhà tù), *địa ngục* (nơi tội nhân chịu sự trừng phạt)

chân → xem xét làm rõ, như *chân biệt* (xét rõ phân biệt tốt xấu, hay dở)

tận → hết mức, tận cùng, như *tận tri* (biết rõ hết, nghĩa là không còn gì thiếu sót)

phúc → phúc đức, phước lành, như *đa phúc* (có nhiều phúc đức)

chủng → hạt giống, loài giống, như *hoàng chủng* (giống da vàng), *thánh chủng* (dòng giống thánh, chỉ đạo pháp do Phật truyền lại)

xưng → 1. xưng là, tự nói mình là, như *lạm xưng Thích tử* (lạm xưng là con Phật, nghĩa là không thật xưng đáng); 2. nói rằng, cho biết rằng, như *kinh xưng tiểu thiện bất sanh* (kinh nói rằng việc thiện ít ỏi không được sanh về); 3. **xứng** → thích hợp với, vừa với, như *bất xứng tâm* (không vừa lòng, nghĩa là chưa hợp với ý mình)

kiệt → hết sạch, cùng kiệt, như *kiệt lực* (dốc hết sức, nghĩa là không thể gắng hơn được nữa)

đoan → 1. ngay thẳng, như *hình trực ảnh đoan* (hình ngay thì bóng thẳng); 2. manh mối, đầu mối, như *đa đoan* (nhiều mối)

quản → cái ống tròn nhỏ. Dùng từ này trong *quản kiến* với ý khiêm nhường, tự cho rằng chỗ kiến thức của mình chỉ nhỏ hẹp như nhìn thấy trong cái ống, xuất phát từ thành ngữ *đĩ quản khuy thiên* (lấy ống nhìn trời) để chỉ người kiến thức nông cạn.

tinh → 1. thuần túy, không xen lẫn, như *tinh thần* (những gì hoàn toàn vô hình, thuộc về tình cảm, trí tuệ...) 2. tinh túy, chỗ hay đẹp nhất, như *tinh yếu* (chỗ tinh túy quan trọng nhất)

truy → vải màu đen, dùng nghĩa bóng để chỉ người tu hành, vì mặc y phục đen xấu, như *phi truy* (khoác áo người tu), *truy môn* (cửa chùa, nhà chùa)

tự → suy nghĩ, ý tưởng, như *tình tự* (suy nghĩ về tình cảm), *ý tự* (ý nghĩ), *tâm tự đa đoan* (trong lòng suy nghĩ nhiều mối)

phạt → xử phạt, có tội bị trừng trị gọi là phạt, như *hình phạt* (các biện pháp để trị kẻ có tội)

tụ → gom về một nơi, như *tụ hội* (hội họp lại một nơi)

văn → nghe, như *vị văn* (chưa được nghe)

dữ → 1. cùng với, như *dữ chư trần tác đối* (cùng qua lại với các trần); 2. đưa cho, như *bất dữ nhân kỳ* (không cho người kỳ hẹn, nghĩa là không thể biết lúc nào)

mông → bị che lấp, tối tăm, như *phát mông* (vạch rõ chỗ tối tăm)

cái → 1. do, bởi, như cái vị sơ tâm dung đọa (bởi vì lúc phát tâm ban đầu uể oải lười nhác) 2. bao trùm, hết thấy, như *văn thanh kiến sắc cái thị tâm thường* (nghe biết âm thanh hình sắc, hết thấy đều là chuyện bình thường)

tì → ích lợi, như *diệc lai nghiệp vô tì* (sự nghiệp sau này cũng không có ích lợi)

thường → cái xiêm, một loại áo, như *tứ quý y thường* (y phục trong bốn mùa)

thệ → thề, nguyện, quyết lòng, như *thệ quy An Dưỡng* (nguyện về cõi An Dưỡng, tức là thế giới Tây phương Cực Lạc của đức Phật A-di-đà)

ngữ → tiếng, lời nói, như *Việt ngữ* (tiếng Việt), *đại ngữ cao thanh* (lớn tiếng nặng lời)

giới → răn bảo, khuyên can đừng làm việc gì, như *giáo giới* (răn dạy, nghĩa là chỉ việc tốt cho làm, nêu việc xấu để tránh)

thuyết → nói ra, giảng giải, như *đàm thuyết* (bàn luận giảng giải)

mạo → dáng vẻ bên ngoài, như *lễ mạo* (dáng vẻ lễ phép), *dung mạo* (vẻ người, vẻ mặt)

tân → người khách, như *vãng lai tam giới chi tân* (đến đi trong ba cõi như người khách, nghĩa là không trói buộc, chìm đắm)

khinh → khinh rẻ, như *nhân sở khinh khi* (người ta đều khinh chê)

dao → lâu xa, như *khứ thánh thời diêu* (thời của bậc thánh đã qua lâu rồi)

đệ → theo thứ tự, như *đệ tiến* (lần lượt theo thứ tự tiến tới), *đệ tương cảnh sát* (lần lượt răn dạy khuyến khích cho nhau, nghĩa là theo thứ tự người trước răn dạy nhắc nhở người sau)

viễn → xa xôi, như *viễn hành* (đi xa)

bỉ → thô bỉ, hèn kém, như *bỉ phu* (kẻ thô bỉ), *dung bỉ* (tâm thường thấp kém)

đồng → đồng, tên kim loại, như *dương đồng* (nước đồng sôi, nghĩa là bị nóng chảy thành nước)

minh → bài văn để tự khuyên răn, nhắc nhở, thường viết treo ở gần chỗ ngồi, nơi đọc sách..., như *tòa hữu minh* (lời răn nhắc để bên phải chỗ ngồi, nghĩa là để thường nhìn thấy)

tế → giới hạn xa nhất về thời gian hoặc không gian, như *lâm tế* (nơi rừng núi xa xôi), *biên tế* (cõi biên cương xa nhất), *tiền tế* (những việc đã xảy ra về trước), *hậu tế* (những việc xảy ra về sau)

chướng → điều ngăn che, chướng ngại, như *hà chướng nhi bất kiến kim thân?* (do che chướng gì mà không thấy được thân Phật?), *sám hối nghiệp chướng* (ăn năn hối cải những nghiệp xấu, chướng duyên đã tạo ra)

nhu → điều nhu yếu, cần dùng, như *tật bệnh sở nhu* (nhu cầu phải có khi bệnh tật)

táp → tiếng gió thổi qua nhanh, cũng dùng *táp nhiên*, nghĩa bóng là việc gì xảy đến rất nhanh, như *táp nhiên bạch thủ* (thoắt chốc đã bạc đầu)

giá → giá trị, giá bán, như *vô giá bảo châu* (hạt châu báu vô giá, nghĩa là quá đắt, không thể định giá bán)

nghi → dáng vẻ, hình tướng, như *hình nghi* (hình tướng oai nghi)

kiếm → lưỡi kiếm, lưỡi gươm, binh khí sắc bén thời xưa, như *phàn kiếm thụ dã, tắc phương thốn giai cát liệt* (leo lên cây phủ kiếm sắc, ắt từng mảnh da nhỏ đều bị cắt xé ra)

trụy → rơi xuống, như *trọng xứ thiên trụy* (nghiêng rơi về bên nặng)

tăng → tăng thêm, phát triển, như *tự nhiên tăng trưởng* (tự nhiên phát triển, lớn lên)

đọa → sa đọa, rơi xuống nơi tối tăm, như *đọa địa ngục* (sa vào địa ngục)

thăm → xét kỹ, biết rõ, như *thăm sát* (kiểm tra, xem xét thật kỹ)

tầng → tầng bậc, như *cửu tầng chi tháp* (tháp cao chín tầng)

tràng → cờ phướn, mảnh vải dài treo rũ xuống để trang trí, như *cao tràng* (lá phướn treo cao)

quảng → rộng, như *quảng ích* (rộng làm lợi ích cho người người)

ảnh → hình chiếu, cái bóng, như *hình trực ảnh đoan* (hình ngay thì bóng thẳng)

đức → như *tháo tâm dục đức* (làm cho lòng dạ trong sạch, nuôi dưỡng đạo đức)

tuệ → trí tuệ, trí sáng suốt rõ biết, như *Thế Tôn tặc cộ hữu vô lượng thần thông trí tuệ* (đức Thế Tôn ấy có đầy đủ vô lượng thần thông trí tuệ)

lự → lo tính về việc gì, như *hà lự gian nan?* (lo gì chuyện gian khổ khó khăn?)

ưu → lo lắng, như *ưu cụ* (lo lắng sợ sệt)

lân → cảm thương, xót xa cho ai, như *ai lân* (thương xót)

ma → dùng trong từ ghép *sám-ma* để dịch âm Phạm ngữ kṣama, mang nghĩa là *hối* (), hối tiếc về việc sai trái đã làm. Hai chữ *sám hối* () là cách dùng lặp nghĩa theo thói quen, bởi *sám* cũng có nghĩa là *hối*.

phu → ban bố, mở rộng ra, như *phu dương* (khen ngợi nói rộng ra)

số → nhiều lần, thường gặp, như *sác kiến* (thường thấy), *sác sác thanh ư nhĩ mục* (thường thường giữ trong sạch tai mắt, nghĩa là không nghe nhìn những điều xấu ác.)

số → số lượng, con số, như *phi luận kiếp số* (không tính được số kiếp, nghĩa là nhiều vô cùng)

tạm → tạm thời, chốc lát, không lâu dài, như *tạm xá* (tạm thời rời bỏ)

mộ → buổi tối, lúc chiều tối, như *triều xuất nhi mộ* hoàn (sáng ra tối trở vào)

lạc → vui, như *bất tri lạc thị khổ nhân* (không biết rằng vui là nguyên nhân của khổ)

thán → than thở, bày tỏ cảm xúc, như *thán nhạ* (than thở sự lạ lùng)

nhuận → ẩm ướt, như *thời thời hữu nhuận* (lúc nào cũng ẩm ướt)

hội → vỡ tung, tan nát, như *hội loạn* (rối tung hỗn loạn)

trùng → lẳng trong, như *trùng thanh* (lẳng trong thanh tịnh)

thục → kỹ lưỡng, thuần thục, như *thục lãm tư văn* (hãy đọc kỹ bài văn này)

ngao → nấu, rang khô, như *tiên ngao* (đun nấu) *tiên* là đun nấu có nước, *ngao* là đun nấu không có nước, nấu khô.

nhiệt → nóng, như *nhiệt thiết* (sắt nóng)

bàn → vật chứa các đồ vật khác, cái mâm, như *tiên ngao bàn lý* (đun nấu trong vạc, trong chảo)

sân → nóng giận, giận dữ, như *sân tâm* (lòng giận)

kê → kê cứu, xem xét, như *kê cổ* (xét theo các chuyện tích xưa)

cùng → hết mức, cuối cùng, như *vô cùng* (không cùng, không có mức cuối)

hồ → dán, trét dính (bằng hồ dán), *hồ khẩu* (ăn qua loa chỉ vừa tạm đủ sống)

giam → ngậm kín, khép lại, như *giam ngôn* (ngậm miệng không nói)

đế → ràng buộc, gắn kết, như *đế hảo* (gắn bó tốt đẹp)

duyên → 1. duyên cớ, nguyên nhân, chỉ cho tất cả trần cảnh vƯỚNG mắc là duyên cớ sinh khởi vọng tâm, như *tức ý vong duyên* (dứt ý quên duyên) 2. những điều kiện cần thiết để nhân kết thành quả, như *nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ* (khi nhân duyên hội đủ, quả báo phải tự chịu lấy)

hoãn → chậm lại, trì hoãn, như *bất khả hoãn* (không thể chậm trễ)

miến → cách xa, như *miến hoài* (nhớ nhung xa cách), *miến ly* (rời bỏ cách xa)

phu → da, như *cử thể vô toàn phu* (khắp thân thể không một mảnh da nào còn nguyên vẹn)

bồng → cỏ bông, lều tranh, như *tất môn bông hộ* (nhà tranh cửa cỏ, chỉ nhà nghèo khó)

liên → hoa sen, như *thanh liên* (hoa sen xanh)

tất → cây tất, cây kinh, một loại cỏ mọc thành bụi, dùng đan bện thành cửa gọi là *tất môn*, thường dùng chữ này chỉ nhà nghèo khổ.

tế → bao trùm khắp hết, như *ánh tế nhất thiết* (sáng soi khắp chốn)

thùy → ai, người nào, dùng trong câu hỏi, như *thử sự thùy kiến thùy văn* (việc này ai thấy ai nghe?)

đàm → bàn bạc, trò chuyện, như *đàm thuyết* (bàn luận giảng giải)

tránh → tranh chấp, giành lấy phần thắng, như *bất tránh* (không tranh chấp)

luận → bàn, tính, như *luận thiên phó tiền* (tính theo ngày mà trả tiền), *phi luận kiếp số* (không tính được số kiếp, nghĩa là nhiều vô kể)

chư → các, những, chỉ số nhiều, như *đa chư quá cữu* (nhiều sự lầm lỗi)

tứ → ơn huệ, như *chúng sinh thọ tứ* (chúng sinh được nhờ ơn)

hiền → người hiền, bậc hiền đức, như *vãng thánh tiên hiền* (các bậc hiền thánh trước đây, nghĩa là trong quá khứ)

chất → tính chất, bản chất, như *bảo trì huyển chất* (giữ gìn lấy cái tính chất hư huyển không thật)

thú → chỗ hướng đến, mục đích, như *chỉ thú* (tôn chỉ, mục đích)

huy → sáng soi, rực rỡ, như *Phật nhật trùng huy* (mặt trời Phật pháp lại sáng soi rực rỡ)

luân → xoay vòng, chuyển đổi, như *luân lưu* (thay nhau xoay vòng, nghĩa là hết người này đến người khác), *luân hoán* (thay đổi sửa chữa, nghĩa là bỏ điều xấu mà theo điều tốt)

thiên → thay đổi, dùng trong *thiên duyên* để chỉ việc lần lửa, kéo dài thời gian, như *thiên duyên quá thời* (lần lửa để ngày trôi qua)

chấn → chấn động, như *chấn nhiếp* (làm cho chấn động khiếp phục)

dưỡng → nuôi dưỡng, hàm nghĩa các món ăn uống, như *bất cầu lợi dưỡng* (không mong cầu lợi dưỡng)

ngạ → đói, như *ngạ quỷ* (quỷ đói, do nghiệp lực nên không thể ăn uống, luôn chịu sự đói khát hành hạ)

dư → dư thừa, vượt quá mức cần thiết, như *hữu dư* (có dư)

phát → tóc, như *thế phát* (cắt tóc)

ký → mong muốn, mong mỏi, như *ký kỳ xuất ly* (mong muốn đến lúc thoát ra khỏi), *ký kỳ thành công* (mong muốn được thành công)

ngưng → ngưng đọng, ngưng kết lại, như *băng đóng thủy ngưng* (băng giá vừa ngưng đọng)

huân → điều tốt đẹp đã làm được, như *công huân* (công lao, thành tích nói chung)

khí → dụng cụ, đồ dùng, như *thạch khí* (đồ đá), *vũ khí* (công cụ để chiến đấu), *pháp khí* (dùng theo nghĩa bóng để chỉ người có thể

làm cho hưng thịnh đạo pháp)

Ủng → che lấp, như *dị ủng* (dễ bị che lấp)

học → học, như *học đường* (trường học), *hậu học* (người học sau)

đạo → chỉ đường, dẫn dắt, như *đạo diễn* (người chỉ dẫn cách diễn xuất cho tất cả diễn viên trong vở kịch, bộ phim...), *đạo sư* (bậc thầy dẫn đường, dùng để tôn xưng đức Phật)

bằng → nương tựa, như *bằng thị* (nương tựa cậy nhờ)

ức → nhớ, tưởng đến, như *tương ước* (nhớ nhau), *mạc ký mạc ước* (không nhớ không tưởng)

giải → trể nãi, lười, như *giải đãi* (biếng nhác trể nãi)

thiện → tự ý làm theo điều gì, như *thiện quyền* (chuyên quyền, nghĩa là tự quyết không nghe ai), *mạc thiện tùy ư dung bỉ* (đừng tự ý noi theo những kẻ thấp hèn)

trạch → chọn lựa, như *trạch bạn* (chọn bạn), *quyết trạch thâm áo* (quyết định chọn lấy những chỗ sâu kín)

hiếu → sáng sớm, như *hiếu tịch* (sớm tối), *hiếu lộ* (sương buổi sáng sớm)

thụ → cây, như *ngạn thụ* (cây đứng ven bờ)

cơ → điểm then chốt, quan yếu, như *quân cơ* (điểm quan yếu trong việc quân), *ngiên cơ tinh yếu* (ngiên cứu kỹ những chỗ then chốt, tinh yếu)

hoành → rậm rạp, rậm rì, như *mạn thảo hoành sanh* (cỏ dại mọc rậm rạp), *mãng mãng hoành thi* (thây chất thành đống ngổn ngang dày đặc)

lịch → rõ ràng, rành mạch, như *lịch ký thành bại tồn vong* (ghi lại rõ ràng những sự thành bại tồn vong), *nhân quả lịch nhiên* (nhân quả rõ ràng như vậy)

táo → tắm rửa, nghĩa bóng là làm cho trong sạch, như *tháo tâm dục đức* (làm cho lòng dạ trong sạch, nuôi dưỡng đạo đức)

trước → dơ bẩn, như *nội trước ngoài thanh* (trong lòng nhớ nhớt, bên ngoài [ra vẻ] trong sạch)

nùng → đậm đặc, mức độ nhiều, như *thí lợi nùng hậu* (được cho những món lợi rất nhiều)

ma → chà xát, như *ma đao* (mài dao)

tích → góp, chứa lại, như *tích tụ tư đa* (gom chứa lại ngày càng nhiều hơn)

oanh → xoay quanh, vòng quanh, như *oanh triền* (ràng rịt bao quanh)

phược → trói buộc, như *sinh tử triền phược* (sinh tử trói buộc vây quanh)

hộc → lựa, như *hộc xuyên tước phi* (lựa thủng chim bay)

hưng → nổi lên, dấy lên, như *hung quyết liệt chí chí* (bùng khởi ý chí quyết liệt)

nhị → nhị hoa, như *thanh liên nhị kết* (sen xanh bó nhị)

thân → thân thiết, thường gặp nhau, như *thân cận cao đức* (thường gần gũi các bậc cao đức)

gián → can ngăn, ngăn ngừa, như *vãng giả ký bất khả gián* (việc xưa kia đã không thể ngăn được)

am → thông thạo, am hiểu, như *vị am pháp luật* (chưa thông hiểu giới luật)

vị → rằng, nói rằng, như *vị ngôn* (nói rằng), *tương vị xuất gia quý cầu y thực* (toan nói rằng việc xuất gia quý ở chỗ cầu được ăn mặc)

lại → nhờ cậy, nhờ vả, như *chung thân ý lại* (suốt đời dựa dẫm, ý lại)

du → nhảy qua, bỏ qua, như *mạc mạn khuy du* (đừng khinh thường mà giảm bớt, bỏ qua)

chủng → gót chân - dùng trong từ ghép *lủng chủng* để chỉ dáng đi lóng cồng của người già, như *lủng chủng lão hủ* (già yếu lóng cồng vô dụng)

biện → có đủ, như *đãn biện khăng tâm* (chỉ cần có đủ quyết tâm)

biện → biện biệt, phân biệt, như *đông tây mặc biện* (không phân biệt được đông tây)

di → truyền lại, để lại, như *di chúc* (lời dặn lại của người chết), *phụ mẫu chi di thể* (thân thể của cha mẹ truyền lại)

cứ → cái cửa, như *lợi cứ giải chi* (cửa sắc cửa đứt lìa ra)

thác → sai trái, như *nhất thác* (một lần sai)

diêm → dùng trong từ ghép *Diêm ông*, chỉ *Diêm vương*, tức là vị chủ quản nơi cõi âm theo quan niệm xưa của người Trung Hoa.

tùy → đi theo, thuận theo, như *thức tâm tùy nghiệp* (tâm thức tùy theo nghiệp lực)

hoắc → bỗng chốc, bất chợt, như *hoắc nhiên* (bỗng nhiên), dùng trong cụm từ *huy hoắc* để chỉ khoảng thời gian thay đổi trong chớp nhoáng, nhanh chóng, như *lâm hành huy hoắc* (giờ ra đi chỉ trong thoáng chốc - nói đến lúc lâm chung)

triêm → nhận chịu, như *triêm ân* (chịu ơn), *hư triêm tín thí* (uống nhận của tín thí)

tĩnh → yên tĩnh, yên lặng, như *tĩnh ngôn tư chi* (dùng lời suy xét)

đầu → cái đầu, như *khiết liễu tỵ đầu huyền huyền* (ăn rồi dục đầu nói chuyện huyền thuyên)

tần → nhiều lần, thường lặp lại, như *tần tần thiên tử* (nhiều lần dời chuyển), *tần phạm thi-la* (thường nhiều lần phạm vào giới luật)

xan → miếng ăn, bữa cơm, như *nhất xan nhất thủy* (miếng cơm ngụm nước)

mặc → lạng yên *tịch mặc* (văng lạng)

quy → con rùa, dùng trong cụm từ *quy cảnh* để chỉ đến khuôn phép giáo hóa, vì nghĩa dùng mai rùa để đoán việc tương lai và dùng cái gương để chiếu xét việc tốt xấu trong hiện tại.

thường → đền bồi, bồi thường, như *thù thường* (đền trả lại)

Ưu → dùng trong từ ghép *Ưu-bà-tắc* để phiên âm chữ Phạn upāsaka, chỉ người cư sĩ nam.

di → dùng trong các cụm từ phiên âm như *Di-đà*, tức đức Phật A-di-đà (Amitābha), *sa-di* (śrāmaṇeraka - vị xuất gia còn nhỏ tuổi, chưa thọ Cụ túc giới)

khẩn → chân thành, hết lòng, như *khẩn cầu* (hết lòng cầu xin), *khẩn tu* (hết lòng tu tập)

Ưng → nên làm, như *bất Ưng tự khinh* (không nên tự coi thường mình), *Ưng tu bác vấn tiên tri* (nên phải rộng hỏi những người biết trước)

Ưng → Ứng theo, phù hợp theo với, như *tương ứng* (phù hợp qua lại với nhau), *Ứng dụng* (dùng vào chỗ thích hợp)

nghĩ → nghĩ đến, định làm, như *động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly* (nhiều năm trôi qua, không nghĩ đến chuyện dứt bỏ)

liễm → gom lại, rút lại, như *thúc liễm* (gom lại một mối để chế ngự), *tập liễm* (gom lại để dứt bỏ)

đàn → dùng trong *đàn viết* hay *đàn-na* để phiên âm tiếng Phạn là dānapati, chỉ những người phát tâm cúng dường cho chư tăng.

thấp → ướt, như *thấp y* (ướt áo)

tế → cứu giúp, như *tế khổn phù nguy* (cứu giúp người trong lúc nguy cấp, khổn cùng), *tế độ* (giúp người vượt qua cơn hoạn nạn), *bạt tế tam hữu* (bạt khổ cứu nguy khắp trong ba cõi)

đào → con sóng, như *tứ hải ba đào* (sóng nước bốn biển). *ba* là con sóng nhỏ, *đào* là con sóng lớn.

lạm → bừa bãi, quá mức, như *lạm dụng* (dùng quá nhiều, đến mức không hợp lý), *lạm xí tăng luân* (bừa bãi đứng vào hàng tăng chúng, nghĩa là không xứng đáng)

trạc → dùng nước rửa sạch, như *như châu bị trạc* (như hạt châu mang rửa sạch)

tường → vách, tường, như *xúc sự diện tường* (gặp việc quay mặt vào vách, nghĩa là không biết cách ứng phó)

hoạch → thu hoạch, nhận lấy (như kết quả việc gì), như *cát-la tiểu tội, thượng hoạch thử báo* (tội cát-la nhỏ nhặt, mà còn nhận lấy quả báo ấy)

liệu → trị liệu, chữa khỏi, làm dứt điều gì, như *dương đồng nan liệu khát* (nước đồng sôi không làm hết cơn khát)

thiền → phép tu thiền, như *tham thiền* (học thiền), *thiền sư* (bậc thầy tu thiền)

tháo → thô sơ, không kỹ lưỡng, thường dùng *thô tháo* để chỉ những gì chưa được tinh luyện, làm kỹ, như *tình tồn thô tháo* (còn giữ những tánh tình thô thiển)

mi → cháo, nát nhừ ra như cháo, như *cốt nhục đô mi* (xương thịt đều nát nhừ)

phẩn → phẩn, chất thải sau khi tiêu hóa, như *phẩn uế* (phẩn dơ)

túng → cho dù, giá như, như *túng hữu đàm thuyết*, bất thiệp điển chương (giá như có bàn luận giảng giải cũng không liên quan gì đến kinh điển)

tổng → tổng cộng, tất cả, hết thảy, như *tổng thị đồ lao tân khổ* (hết thảy đều là uổng công lao nhọc khó khổ)

phồn → rất nhiều, như *phồn tinh mãn thiên* (sao đầy trên trời), *thọ dụng ân phồn* (nhận dùng quá nhiều)

liên → kết nối, nối liền, như *tùng thử liên nhân* (từ nay gắn kết thành thân thuộc)

thanh → âm thanh, tiếng động, như *oản bát tác thanh* (chén bát tạo thành tiếng, nghĩa là khua đụng vào nhau), *văn thanh kiến sắc* (nghe âm thanh, thấy hình sắc)

tủng → cao ngất, cao vút, như *cao sơn tủng lập* (núi đứng cao chót vót), *thượng tủng thiên tâm* (lên cao vút đến ngàn tâm)

nùng → mủ, chất lỏng chảy ra từ ung nhọt, như *nùng huyết* (máu mủ)

lâm → vào lúc, đến lúc, như *lâm khát quật tỉnh* (đến lúc khát mới đào giếng), *lâm hành* (lúc lên đường, ra đi),

cử → cử động, hành vi, như *cử thố* (hành động, việc làm nói chung)

gian → khó khăn, vất vả mới làm được, như *gian nan* (khó khăn vất vả)

khuy → giảm bớt, không còn đủ, như *mạc mạn khuy du* (đừng khinh thường mà giảm bớt, bỏ qua)

lâu → côn trùng, dùng trong từ ghép *lâu nghĩ* để chỉ chung các loại côn trùng nhỏ nhít, đôi khi cũng hàm ý chỉ người hạ tiện, hèn kém.

tạ → từ tạ, rời đi, như *thần chi dục tạ* (thần thức sắp rời đi)

trám → lừa dối, lường gạt, như *bị trám* (bị lừa dối), *tương trám* (lừa dối nhau)

xu → nghiêng về, ngã về, như *xu hướng* (có khuynh hướng nghiêng về)

sa → dùng trong từ ghép *sa đà* để chỉ việc lần lữa, bỏ phí thời gian, như *tuế nguyệt sa đà* (tháng năm lần lữa luống qua)

tị → tránh né, như *tị vũ* (tránh mưa), *đào tị* (trốn tránh)

hồn → trở lại, như *hoàn gia* (trở lại nhà), *quả báo hoàn tự thọ* (quả báo trở lại tự chịu lấy)

tuy → tuy nhiên, tuy là, như *tuy bất thấp y* (tuy là không ướt áo)

sương → giọt sương, như *xuân sương* (giọt sương mùa xuân)

điểm → chấm, điểm, vật thể rất nhỏ, như *đại thiên trần điểm* (bụi nhỏ trong khắp cõi đại thiên [thế giới])

traị → ăn chay, người xuất gia ăn món ăn chay lạt và đúng giờ trong ngày gọi là trai, như *khẩn tu trai giới* (hết lòng tu tập giữ gìn trai giới)

tùng → tụ họp, gom lại, như *phần uế tùng trung* (phần dơ tụ lại bên trong)

niều → rối loạn, rối rắm, lộn xộn, như *niều nhượng chung thân* (suốt đời rối rắm bận bịu)

đốn → dứt khoát, rạch ròi, như *quyết đoán* (quyết định dứt khoát, không chần chừ lưỡng lự)

đốn → dứt đoạn, cắt đứt, như *đoạn tuyệt* (cắt đứt hoàn toàn), *mạc đoạn mạc tục* (không cắt đứt cũng không nối tiếp)

quy → về, hướng về, như *chỉ quy* (chỉ về, hướng về)

chiêm → chiêm bái, chiêm ngưỡng, như *chiêm xá-lợi* (chiêm bái xá-lợi Phật)

lễ → lễ nghi, phép tắc trong việc ứng xử, như *vô lễ* (không giữ lễ phép)

uế → dơ nhớp, như *phần uế* (phần dơ bẩn)

khiếu → lỗ, như thất khiếu (bảy lỗ, chỉ 2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, miệng và đường đại tiểu tiện), *hữu nhất khiếu nhi giai tùng đao cát* (các lỗ trên thân đều bị dao cắt)

chí → dệt vải, như *phương chí* (xe tơ dệt vải)

cựu → cũ, xưa, trước đây, như *cựu thị ông nhi kim tác phụ* (đời trước là cha, đời nay lại làm chồng)

tát → dùng trong từ ghép *Bồ Tát* để dịch chữ Bodhisattva trong Phạn ngữ, như *phát Bồ Tát nguyện* (phát khởi nguyện Bồ Tát)

tạng → chất chứa, cất giữ, che giấu, như *thiếu lộ đa tạng* (ít người bày tỏ, nhiều người che giấu)

phú → che chở, che khuất, như *thiên tuy cao bất năng phú*
ngã (trời tuy cao không thể che chở cho ta)

man → khinh thường, như *mạc mạn khuy du* (đừng khinh
thường mà giảm bớt, bỏ qua)

chuyển → thay đổi, trở nên, như *tích lỵ chuyển thâm* (chất
chứa phiến lỵ thành ra sâu dày), *chuyển tức tức thị lai sanh* (thay
đổi hơi thở tức sang kiếp khác)

quyết → thiếu khuyết, không đầy đủ, như *ứng dụng bất*
khuyết (chỗ dùng không thiếu khuyết)

song → đôi, cả hai, như *bi trí song vận* (vận dụng cả hai, bi và
trí)

tạp → hỗn tạp, nhiều thứ khác nhau không có sự chọn lọc, như
tạp sắc (nhiều màu lẫn lộn), *tạp sự* (công việc linh tinh), *tạp thoại*
(câu chuyện hỗn tạp, lộn xộn không chủ đích, không đề mục)

ly → rời bỏ, rời đi, như *cố dĩ khí ly* (vốn đã dứt bỏ rời đi)

tiên → cây roi, dùng roi đánh, quất, như *tiên lưu xuất huyết*
(dùng roi đánh con lừa chảy máu)

thiết → tham ăn, như *thao thiết* (ham muốn, tham đắm)

hoài → hoài bão, sự mong muốn ôm ấp trong lòng, như *đặc đạt*
chi hoài (hoài bão rộng lớn khác người)

phàn → leo cây, như *phàn kiếm thụ* (leo cây kiếm)

khoáng → rộng lớn, mênh mông, nhiều, như *tùng khoáng kiếp*
lai (từ vô số kiếp đến nay)

si → ngu si, si mê, như *nhưng cựu si mê* (vẫn si mê như cũ)

ngại → ngăn trở, làm vướng víu, như *ngại thủ ngại cước*
(vướng víu tay chân), *vật khởi ngại nhân* (vật làm sao ngăn trở được
người)

hệ → trói buộc, ràng buộc, như *bị hệ* (bị trói buộc), *nghiệp*
hệ thọ thân (nghiệp quả ràng buộc thọ nhận lấy thân)

la → dùng trong cụm từ *bà-la-môn* để phiên âm tiếng Phạn là brāhmana.

lạp → tuổi hạ, như *niên cao Lạp trưởng* (tuổi đời cao, tuổi hạ nhiều) - Người xuất gia mỗi năm tham gia an cư một lần vào ba tháng trong mùa hạ, gọi là một tuổi hạ, ở Việt Nam là từ rằm tháng tư cho đến rằm tháng bảy. Như vậy, tuổi hạ tức là tuổi đạo, thể hiện thời gian xuất gia lâu hay mau.

ngẫu → ngó sen, như *hồng ngẫu* (ngó sen hồng)

đăng → thực vật thân bò, dây leo, như *tĩnh đăng* (dây leo trong miệng giếng) - Cụm từ này lấy điển tích trong kinh Đại Tập: Có người bị hai con voi say đuối, bám theo sợi dây mà xuống giếng. Nhìn xuống bên dưới thấy có ba con rồng phun lửa giương vuốt, liền bám chặt dây dừng lại. Bên trên liền có hai con chuột, một trắng một đen, cùng nhau gặm nhấm sợi dây,

ngĩ → con kiến, cũng dùng trong *lâu ngĩ* để chỉ chung các loại côn trùng nhỏ nhoi.

chúng → chúng quả, như *chúng hư không chi quả* (chúng đặc quả vị như hư không)

thức → thần thức, như *thức tâm tùy nghiệp* (tâm thức phải theo nơi nghiệp lực dắt dẫn)

từ → từ biệt, từ già, như *từ thân quyết chí phi truy* (từ biệt những người thân, quyết chí khoác áo người tu)

biên → bờ, bên, như *giá biên na biên* (bên này bên kia)

kính → cái gương soi, dùng trong cụm từ *quy cảnh* để chỉ đến khuôn phép giáo hóa, vì nghĩa dùng mai rùa để đoán việc tương lai và dùng cái gương để chiếu xét việc tốt xấu trong hiện tại.

nan → khó, như *hậu hối nan truy* (về sau hối tiếc cũng không kéo lại được), *thử tông nan đắc* (phép tu này khó được)

vụ → sương mù, như *vụ lộ trung hành* (đi trong sương móc)

mị → dùng trong từ ghép *ủy mị* (yếu hèn)

sáo → giấu kín, không cho người khác biết, như *thao hối* (người có tài mà giữ kín không cho người khác biết), *hối tích thao danh* (ẩn giấu hình tích tên tuổi, không cần cho ai biết đến)

nguyện → mong muốn, cầu cho được, như *nguyện bá kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ* (nguyện cho trăm ngàn kiếp, dù ở đâu cũng được cùng làm bạn tu)

tảng → cái trán, như *khể tảng* (cúi lạy đập trán sát đất)

điên → đỉnh, nơi cao nhất, như *thượng cửu tầng chi tháp, tất tạo kỳ điên* (leo tháp cao chín tầng phải đến tận đỉnh)

loại → loài, như *dị loại* (loài khác, chỉ các loài vật, không phải loài người)

khuyến → khuyên bảo, như *tương khuyến* (khuyên bảo nhau)

nghiêm → nghiêm khắc, như *kỷ luật ngận nghiêm* (kỷ luật rất nghiêm khắc), *nghiêm thân* (nghiêm khắc với thân mình, nghĩa là không buông thả)

bảo → báu, quý báu, như *Tam bảo* (Ba ngôi báu, chỉ Phật, Pháp và Tăng-già), *vô giá bảo châu* (hạt châu quý báu vô giá)

huyền → treo lên, như *huyền tại cao tràng* (treo lên phướn cao)

sám → sám hối, ăn năn, hối tiếc về việc sai trái đã làm, như *hữu tội bất sám* (có tội không chịu sám hối). Xuất phát từ chữ *sám-ma* được dùng để dịch chữ kṣama trong Phạn ngữ, dịch nghĩa là *hối quá* (hối lỗi).

nhường → rối loạn, rối ren, như *nhĩu nhượng chung thân* (suốt đời rối rắm)

lịch → đá sỏi, đá vụn, như *ngõa lịch* (ngói sỏi, chỉ những thứ tầm thường, vô giá trị)

cạnh → ganh đua, chen nhau giành phần hơn, như *cạnh tranh* (ganh đua nhau, tìm mọi cách để giành phần hơn)

kế → nối dõi, tiếp theo, như *kế tự* (nối dõi dòng tộc)

uẩn → tích tụ, cất chứa lại, như *uẩn tố tinh thần* (tích chứa sự trong sạch tinh thần)

nhuyễn → mềm mại, như *nhuyễn hình* (loài thân mềm, như con giun, con đĩa), *nhuyễn động quyền phi* (chỉ chung các loài động vật)

giác → phát giác, nói ra, như *tài tương giác sát* (vừa tìm biết nói ra chỗ lỗi lầm)

xúc → tiếp xúc, gặp, như *xúc sự điện tường* (gặp việc quay mặt vào vách), *xúc đồ thành trệ* (đường đi tới thành ra ngưng trệ)

cảnh → răn dạy, như *cảnh chúng* (răn dạy mọi người), *cảnh sách* (răn dạy khuyến khích - cảnh nghĩa là lấy điều đúng sai, lẽ hơn thiệt để dạy bảo cho biết việc nên làm, nên bỏ; sách nghĩa là khuyến khích, sách tấn, thúc giục người ta phải nỗ lực tiến lên)

thí → thí dụ, lấy điều giống nhau để so sánh, như *thí như xuân sương* (giống như sương mùa xuân)

thích → dùng trong từ ghép *Thích-ca*, danh hiệu Phật Thích-ca (Śākya)

xiển → mở rộng, như *xiển dương* (mở rộng, làm sáng tỏ)

cơ → đối, như *trừ cơ* (trừ cơn đối)

đẳng → họ hàng thân tộc, như *phụ đẳng* (họ hàng bên nội), *thê đẳng* (họ hàng bên vợ), *hương đẳng* (xóm giềng thân tộc)

hiêu → ồn ào, âm ỉ, như *khiếu hiêu* (gọi âm lên), *huyền hiêu chỉ tuyệt* (ngăn dứt sự ồn ào huyền não)

thuộc → cùng dòng họ, thân thuộc, như *quyển thuộc* (thân quyến họ hàng)

cụ → sợ sệt, như *hào vô sở cụ* (không sợ sệt chút nào), *ưu cụ* (lo lắng sợ sệt)

nhĩếp → nhĩếp phục, làm cho khuất phục, như *chấn nhĩếp ma quân* (làm cho quân ma phải chấn động khuất phục)

huê → dắt díu, kéo đi, như *đề huê* (dắt díu nhau đi, giúp đỡ lẫn nhau)

năng → trước đây, xưa kia, như *năng thời* (thời trước), *năng nhật* (ngày trước), *năng kiếp* (kiếp trước)

lạn → chín bầy, như *can trường tận lận* (gan ruột đều nát bầy [vì nóng])

tục → nối tiếp, như *kế tục* (tiếp nối theo), *liên tục* (nối tiếp không dứt), *mạc đoạ mạc tục* (không dứt bỏ cũng không nối tiếp)

triền → ràng rịt quăn quít không dứt ra được, như *triền nhiễu* (buộc quanh), *triền miên* (kéo dài mãi không dứt), *chúng khố oanh triền* (các nỗi khổ ràng rịt vây quanh)

lãm → xem, nhìn thấy, như *bác lãm* (rộng xem nhiều việc), *triển lãm* (bày ra cho mọi người đều có thể xem), *duyet lãm thất* (phòng đọc sách), *thục lãm tư vấn* (hãy xem thật kỹ bài văn này)

hộ → giúp đỡ, che chở bảo vệ, như *hộ trì* (bảo hộ gìn giữ)

thiết → sắt, như *nhật thiết* (sắt nóng)

lộ → sương, móc, như *xan phong túc lộ* (ăn gió ngủ sương - nghĩa là dầm sương dãi gió), *hiểu lộ* (sương buổi sớm)

hưởng → tiếng vọng của âm thanh, như *thanh hòa hưởng thuận* (âm thanh hài hòa thì tiếng vọng thuận theo)

ma → ma quỷ, điều xấu ác, như *ma quân* (quân của ma, nghĩa là những điều xấu ác)

thính → nghe, như *thính sát* (nghe và suy xét)

thao → người tham ăn, dùng trong cụm từ *thao thiết* để chỉ sự ham muốn, tham đắm.

luyến → nhớ tưởng đến điều gì không thể dứt được, như *lưu luyến* (bịn rịn hoài không dứt), *luyến gia* (nhớ nhà), *tham luyến* (tham muốn không dứt)

tài → vừa mới, như *tài kiến* (vừa mới trông thấy đây), *tài đấng giớ phẩm* (vừa mới thọ giớ)

biến → hóa ra, biến đổi thành, như *tùng tâm biến khởi* (từ nơi tâm hóa ra)

lũng → dùng trong từ ghép *lũng chũng* để chỉ dáng đi lóng cồng của người già, như *lũng chũng lão hủ* (già yếu lóng cồng vô dụng)

hiển → hiện ra rõ ràng, lộ ra, như *tánh đức phương hiển* (tánh đức mới hiển lộ ra)

thể → thân thể, như *phụ mẫu chi di thể* (thân thể do cha mẹ truyền lại)

linh → linh, linh hiển, như *thần linh* (vị thần linh hiển), cũng dùng chỉ thần thức con người, như *tử bất năng đạo kỳ thần linh* (chết đi không dẫn dắt được thần thức)

quan → xem, nhìn thấy, như *dung mạo khả quan* (hình dung dáng vẻ có thể xem được, nghĩa là đẹp đẽ, dễ coi)

lư → con lừa, như *tiên lư xuất huyết* (dùng roi quất con lừa chảy máu)

toàn → xoi lỗ, khoan, đâm vào, như *châm toàn* (kim châm vào)

Also by Nguyễn Minh Tiến

An Sĩ Toàn Thư

Khuyên người tin sâu nhân quả - Quyển Thượng
Khuyên người tin sâu nhân quả - Quyển Hạ
Khuyên người bỏ sự giết hại
Khuyên người bỏ sự tham dục
Khuyên người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ

Đức Đạt-lai Lạt-ma XIV

Ba điểm tinh yếu trên đường tu tập
Tổng quan về các pháp môn trong Phật giáo Tây Tạng (song ngữ Anh
Việt)
Tứ Diệu Đế
Vãng sáng từ phương Đông
Yếu lược các giai đoạn trên đường tu giác ngộ

Hòa Thượng Tịnh Không

Giảng giải Cảm Ứng thiên

Kinh điển Tiếng Việt

Độc Kinh Trường Bộ

Mật tông Tây Tạng

Các vị chân sư Đại Thủ Ấn
Các vị Đại sư tái sinh Tây Tạng
Hành trình giác ngộ
Kho tàng các giáo huấn siêu việt về tri giác trí tuệ nguyên thủy
Trí Tuệ Hoan Hỷ
Phù trợ người lâm chung
Lời Đạo Sư
Năng Lực Chữa Lành Của Tâm

Nguyên Lý Duyên Khởi
Những Thực Hành Trọng Yếu
Phát Tâm Bồ Đề

Thiền

Thiếu Thất Lục Môn

Tứ Phần Luật

Giới Luật Bậc Tỳ-kheo
Giới Luật Bậc Tỳ-kheo-ni
Giới Luật và Oai Nghi của Bậc Sa-di và Sa-di-ni

TỦ sách RỘNG MỞ TÂM HỒN

Học Phật Đúng Pháp
Tự lực và tha lực trong Phật giáo
Cầm nang phóng sinh

Standalone

Truyện Phật Thích-ca
The Future We All Deserve
Các tông phái Đạo Phật
Các tông phái đạo Phật
Chuyển họa thành phúc
Chuyện Phật đời xưa
Công đức phóng sinh
Đức Phật Bên Trong
Đừng Bận Tâm Chuyện Vật
Giải Thích Kinh Địa Tạng
Tây Vực Ký
Các bài tiểu luận về Phật giáo của Trần Trọng Kim
HỒ SƠ MẬT 1963
Kinh A Di Đà
Kinh Bi Hoa
Kinh Pháp Bảo Đàn
Lục Tổ Đại Sư - Con Người Và Huyền Thoại
Lược Sử Phật Giáo

Một Trăm Truyện Tích Nhân Duyên Phật Giáo
Mục lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt
Nhân Quả Phóng Sanh
Những Chuyện Nhân Quả
Phúc trình A/5630
Quy Nguyên Trực Chỉ
Quy Sơn Cảnh Sách
Rộng Mở Tâm Hồn (song ngữ Anh-Việt)
Rộng Mở Tâm Hồn và Phát Triển Trí Tuệ
Sống Một Đời Vui
Bát Nhã Tâm Kinh Khảo Luận
Vài suy nghĩ về Đại Tạng Kinh: Hiện trạng và Tương lai
Tổng quan kinh Đại Bát Niết-bàn
Truyện Cổ Phật Giáo
Truyện Phật Thích Ca
Truyền thuyết về Bồ Tát Quán Thế Âm
Bhutan có gì lạ?
Truyện tích Vu Lan
Góp Nhặt Thời Gian

Watch for more at [Nguyễn Minh Tiến's site](#).

OceanofPDF.com



About the Author

Nguyễn Minh Tiến (bút danh Nguyên Minh) là tác giả, dịch giả của nhiều tác phẩm Phật học đã chính thức xuất bản từ nhiều năm qua, từ những sách hướng dẫn Phật học phổ thông đến nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về Phật học. Ông cũng đã xuất bản Mục lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt, công trình thống kê và hệ thống hóa đầu tiên của Phật giáo Việt Nam về tất cả những Kinh điển đã được Việt dịch trong khoảng gần một thế kỷ qua. Các công trình dịch thuật của ông bao gồm cả chuyển dịch từ Hán ngữ cũng như Anh ngữ sang Việt ngữ, thường được ông biên soạn các chú giải hết sức công phu nhằm giúp người đọc dễ dàng nhận hiểu. Ông cũng là người sáng lập và điều hành Cộng đồng Rộng Mở Tâm Hồn với hơn 9.000 thành viên trên toàn cầu. Hiện nay ông là Thư ký của United Buddhist Foundation (Liên Phật Hội) có trụ sở tại California, Hoa Kỳ. Tổ chức này đã tiếp quản toàn bộ các thành quả của Rộng Mở Tâm Hồn trong hơn mười năm qua và đang tiếp tục phát triển theo hướng liên kết và phụng sự trên phạm vi toàn thế giới.

Read more at [Nguyễn Minh Tiến's site](#).

[OceanofPDF.com](#)



About the Publisher

For the purposes and principles set out, the United Buddhist Foundation will take the appropriate direction of action from time to time, so that it is always in line with the guiding principles of the Foundation and has the highest efficiency in achieving its goals.

Selecting and publishing sutras and Buddhist books relevant to the practice of the Buddhists, especially for the Buddhist beginners. The publishing works may be periodical or on festive occasions during the year, depending on the capabilities and convenience.

OceanofPDF.com